



THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Viet Nam Fraternité, 24 Square des Cottages, 91200 Athis-Mons, France

Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359

Directeur de publication: Vũ Thiện Hân

Vấn đề trong tháng

Một nước Nam Phi mới vừa thành hình

Cuộc bầu cử dân chủ đầu tiên tại Nam Phi đã kết thúc tốt đẹp. Ba thế kỷ rưỡi thống trị của người da trắng đã chính thức chấm dứt, một quốc gia Nam Phi mới, có chỗ đứng ngang nhau cho mọi người, đã ra đời thay thế cho một nước Nam Phi trong đó chỉ có người da trắng có quyền công dân. Tiến trình dân chủ hóa Nam Phi đã diễn ra đúng như dự định cách đây hai năm giữa chính quyền da trắng và đảng ANC (African National Congress - Đại Hội Quốc Gia Châu Phi). Có những lúc thế giới đã lo ngại cho tiến trình hủy bỏ chế độ Apartheid. Một thiểu số da trắng cực đoan và một phần đáng kể của sắc dân Zulu đã phá hoại một cách điên cuồng. Trong bốn năm qua kể từ ngày lãnh tụ da đen Nelson Mandela được trả tự do đến nay, gần 20.000 người Nam Phi đã thiệt mạng vì những cuộc bạo động, chủ yếu là giữa người da đen với nhau.

Trong những tháng trước ngày bầu cử, đảng Inkatha của lãnh tụ Buthelezi đã tuyên bố tẩy chay bầu cử và gây bạo loạn tại khắp nơi, làm hàng trăm người thiệt mạng. Chỉ hai tuần lễ trước ngày

bầu cử, Buthelezi mới chấp nhận tham gia bầu cử. Và chỉ từ lúc đó người ta mới chắc chắn rằng cuộc bầu cử sẽ thành công.

Lập trường cương quyết của hai đảng ANC và Quốc Gia đã thắng. Buthelezi đã nhượng bộ vì chính đa số người Zulu cũng tán thành tiến trình đổi mới, khiến ông ta bị đặt trước đe dọa bị thảm bại ngay tại tỉnh Natal, quê hương của ông, và bị loại bỏ khỏi sân khấu chính trị.

ANC đã thắng như mọi người chờ đợi. Mandela sẽ trở thành vị tổng thống đầu tiên của nước Nam Phi văn minh, trong khi tổng thống De Klerk đã thất cử như mọi người, kể cả chính ông, đã dự liệu. Nhưng ông thất cử vinh quang để đi vào lịch sử như con người đã hy sinh quyền lợi của đảng mình và của chính mình để chấm dứt chế độ kỳ thị chủng tộc cuối cùng trên trái đất và khai sinh ra nước Nam Phi mới.

Chúng ta vừa chứng kiến một đại thắng của sự sáng suốt và của lòng quảng đại. Hai tác nhân chính đáng được tôn vinh là đảng ANC và đảng Quốc Gia đang cầm quyền.

Một mặt, đảng ANC của Nelson Mandela, sau 3/4 thế kỷ theo đuổi đường lối đấu tranh bạo động với mục tiêu xây dựng một chế độ cộng sản và đã là nạn nhân của những biện pháp đàn áp thô bạo nhất, đã biết thay đổi đường lối. Họ đã từ bỏ bạo lực, chấp nhận xóa bỏ hận thù, hòa giải với người da trắng để cùng hợp tác trong một tiến trình thay đổi kéo dài bốn năm, một thời gian xét ra hợp lý để họ có thì giờ chuẩn bị điều khiển đất nước và chứng tỏ với người da trắng rằng họ thực sự muốn hòa giải. ANC đã chỉ làm được sự chuyển hóa to lớn này nhờ hai yếu tố. Trước hết, nhờ sự sụp đổ của chủ nghĩa cộng sản, ANC đã trút bỏ được một ý thức hệ khiến họ bị thế giới ngờ vực và người da trắng Nam Phi kịch liệt chống đối. Họ cũng đã may mắn có được một lãnh tụ xuất chúng như Nelson Mandela, con người đã bị giam cầm trong suốt cuộc đời thanh xuân nhưng đã đủ quảng đại để vượt lên trên thù hận và hướng về tương lai. Một cá nhân không thay đổi được lịch sử nhưng có thể làm lịch sử gia tăng vận tốc, và thời gian là yếu tố quan trọng nhất trong chính trị. Có lẽ điều đáng phục nhất của ANC là đã biết chấp nhận Mandela và đường lối của ông.

Mặc khác, đảng Quốc Gia của tổng thống De Klerk đã lấy một quyết định cực kỳ cao cả. Họ nắm chắc quyền lực trong tay, đủ sức để đàn áp người da đen, hay ít ra thiết lập một nước da trắng phồn vinh cho riêng họ nhưng họ đã nhượng bộ. Trong lịch sử thế giới ít thấy trường hợp một tập đoàn cầm quyền tự tổ chức sự triệt thoái của mình để nhường chính quyền cho đối phương. Điều còn đáng ngưỡng mộ hơn nữa là họ đã tỏ ra đặc biệt kiên trì

Trong số này

1. *Vấn đề trong tháng*

3. *Chính trị quốc tế:*

Nixon, một mao tử

4. Đoàn Viết Hoạt nguy kịch

5. Bảy trí thức Hoa Lục...

7. Sự chuyển mình của trí thức VN

9. Những trao đổi dân chủ

11. Nhân quyền và dân chủ

14. Nixon và luật chơi dân chủ

15. Pháp quyền hay pháp trị

19. Quyền sách chép tay

20. Đòi hay không đòi?

22. Thông Luận với văn nghệ

24. Thương phế binh VN

25. *Thời sự - Tin tức*

30. *Độc giả viết*

32. *Sổ tay:*

Nửa đời nhìn lại

Huỳnh Hùng

Thông Luận

Từ Mai

Sơn Long

Lê Minh Văn

Nguyễn Hữu Chung

Vô Xuân Minh

Trần Thanh Hiệp

Trần Duy Phiên

Lâm Lễ Trinh

Quản Mỹ Lan

Nguyễn Văn Huy

Phù Du

trong chọn lựa khó khăn này. Về lâu về dài đây là một chọn lựa vô cùng sáng suốt. Vấn đề của đảng Quốc Gia là họ là đảng của thiểu số da trắng. Chính nhờ thái độ đầy thiện chí này mà trong tương lai họ có hy vọng trở thành một đảng của mọi sắc dân, khi kỷ ức của tệ kỳ thị chủng tộc không còn nữa. Họ có nhân sự mạnh, có phương tiện dồi dào, một khi hội nhập được những người da đen và những người lai, họ rất có tương lai. Sẽ không có gì đáng ngạc nhiên nếu trong cuộc bầu cử 1999, đảng Quốc Gia thắng lớn và cầm quyền. Cũng tương tự như ANC, cái may của đảng Quốc Gia là họ đã có được một lãnh tụ lỗi lạc như De Klerk, cái hay của họ là đã biết chấp nhận De Klerk và đường lối của ông.

Một trang sử vô cùng quan trọng của Nam Phi vừa được lật qua. Tuy vậy, những ngày sắp tới của quốc gia vừa tái sinh này không phải dễ dàng.

Khó khăn đầu tiên là về mặt an ninh. Nhiều bộ lạc Zulu vẫn rất còn bán khai và sẵn sàng nghe những lập luận mị dân của một số thủ lãnh quá khích. Nhiều nhóm da trắng mù quáng phản động vẫn chưa thể chấp nhận những cấp lãnh đạo da đen mà cho tới nay họ vẫn chỉ coi là những nô lệ không hơn không kém. Lòng kiêu căng này có thể đưa họ tới những hành động tuyệt vọng rất thảm khốc. Chính phủ Mandela sắp thành lập sẽ phải rất có bản lĩnh.

Những âm mưu phá hoại còn có triển vọng được khuyến khích bởi một tình hình kinh tế rất đen tối. Phân nửa người da đen thất nghiệp và họ hầu như không có lối thoát bởi vì, trong đại đa số, họ đều là những người mù chữ. Một cách tình cờ, tỷ lệ thất nghiệp (47%) cũng là tỷ lệ người mù chữ. Cứ năm người da đen thì có bốn người đang sống dưới mức bần cùng trong các shantytown. Những người da đen cùng khổ, mù chữ và nông cạn chờ đợi rất nhiều ở Mandela; chẳng bao lâu nữa họ sẽ thất vọng và rất có thể sẽ bị các phần tử vô trách nhiệm khai thác. Về phía người da trắng, cuộc khủng hoảng kinh tế kéo dài bốn năm qua đã làm họ khản ản và họ sẽ còn phải làm nhiều hy sinh mới, quan trọng hơn nữa, dưới chính sách tái phân phối lợi tức quốc gia mà Mandela hứa hẹn. Sự chịu đựng của họ có thể đạt tới giới hạn và họ cũng có thể bị cám dỗ bởi những luận điệu mị dân.

Ê-kíp Mandela hứa hẹn sẽ tạo ra hai triệu việc công ăn việc làm. Lời hứa này rất khó thực hiện bởi vì ngân quỹ của Nam Phi đã cạn, đầu tư của nước ngoài sẽ chỉ đến khi tình hình Nam Phi đã ổn vững và, hơn thế nữa, Nam Phi còn đang bị mất tư bản do những người da trắng giàu có bỏ nước di dân sang Úc và Mỹ. Trong bối cảnh kinh tế không có gì sáng sủa ấy, một nguyên nhân căng thẳng khác đang xuất hiện, đó là sự gia tăng chênh lệch giàu nghèo. Trong bốn năm qua, nếu thu nhập của 20% người da trắng giàu có nhất không thay đổi và thu nhập của 20% người da đen giàu có nhất tăng lên 40% thì thu nhập của 60% người da trắng nghèo nhất và 60% người da đen nghèo nhất đã giảm xuống như nhau, ở mức gần 40%. Điều đáng lo ngại là trước những mối nguy đó, các cộng sự viên của Mandela đều không có kinh nghiệm, và một số trong họ vẫn còn mang những định kiến lỗi thời của tư tưởng Mác-xít.

Tuy vậy, ta có thể tin rằng dù sẽ còn phải trải qua một giai đoạn khó khăn, quốc gia Nam Phi mới này sẽ thành công vì bộ phận nòng cốt của Nam Phi có quyết tâm làm cho nó thành công. Họ đã tỏ ra rất có bản lĩnh trong việc thành lập ra nó thì họ cũng sẽ có bản lĩnh để giúp nó vượt qua mọi thử thách. Cả đảng cầm quyền mới - tức đối lập cũ - lẫn đối lập mới - tức đảng cầm quyền cũ - đều chia sẻ một đồng thuận là xây dựng một tương lai Nam Phi chung. Chính quyền Nam Phi mới chắc chắn sẽ phạm một số lỗi lầm nhưng họ có tinh thần cởi mở và dân chủ trong hành động. Họ cũng được sự hỗ trợ của cả thế giới đang chào mừng

một biến cố đánh dấu một bước tiến quyết định của loài người.

Kinh nghiệm Nam Phi rất đáng được những dân tộc đang tìm hướng đi cho mình theo dõi, bởi vì nó là một thử nghiệm dân chủ đa nguyên đúng nghĩa. Nam Phi gồm nhiều sắc dân riêng rẽ với những quyền lợi mâu thuẫn, đã từng sống và hiện vẫn còn đang sống dưới những chế độ hành chánh khác nhau cho nên mọi chủ trương tập trung quyền lực, đồng hóa và đồng nhất hóa đều sẽ phá sản. Chọn lựa bắt buộc và duy nhất là đa nguyên. Theo dõi tình hình ở Nam Phi chúng ta sẽ hiểu rõ dân chủ đa nguyên hơn. Cho đến nay nhiều người vẫn còn lẫn lộn đa nguyên và đa đảng, và vì thế vẫn có những người cho rằng dân chủ tự nhiên có đa nguyên bởi vì có tự do lập đảng. Nhưng như thế là nhìn đa nguyên một cách thiếu sót. Đa nguyên là một triết lý chấp nhận và tôn trọng mọi khác biệt giữa những thành phần trong xã hội; dân chủ đa nguyên là một thể chế chống lại mọi hình thức chuyên chính, kể cả chuyên chính của đa số, và luôn luôn mưu tìm sự đồng thuận và hợp tác của mọi tầng lớp, kể cả các thiểu số. Đa đảng chỉ cần sự hiện diện của nhiều tổ chức chính trị. Đa nguyên là một tinh thần và một phong cách trong khi đa đảng là một con số. Đa nguyên bao hàm đa đảng nhưng rộng và cao hơn đa đảng. Nếu chỉ có đa đảng mà thôi thì dù có bầu cử lương thiện đến đâu đi nữa người da trắng Nam Phi, với 12% dân số, cũng sẽ vĩnh viễn phải chịu sự thống trị của người da đen và họ không thể nào chấp nhận tình trạng này, quốc gia Nam Phi sẽ tan vỡ. Chính tinh thần đa nguyên đã giúp cho quốc gia Nam Phi mới ra đời và cũng chính tinh thần đa nguyên sẽ giúp cho nó tồn tại.

Việt Nam có điểm tương đồng với Nam Phi trước đây. Cả hai nước đều phải chịu đựng sự thống trị của một thiểu số. Nam Phi có phân biệt đối xử theo màu da thì Việt Nam có phân biệt đối xử theo màu sắc chính trị. Tại Nam Phi một thiểu số 5 triệu người da trắng tước bỏ quyền công dân của 35 triệu người da đen, tại Việt Nam hai triệu đảng viên cộng sản giành độc quyền làm chính trị còn 70 triệu người không cộng sản chỉ có quyền phục tùng. Một nước có một thiểu số thống trị trắng còn một nước thì có một thiểu số thống trị đỏ. Giải pháp mà người Nam Phi đã tìm được vì vậy đáng để cho người Việt Nam suy nghĩ.

Có lẽ bài học lớn nhất mà ta có thể rút ra được từ những diễn biến tại Nam Phi là tuy có những nguyên tắc nhưng cũng có những thực tế cần được giải quyết một cách hợp tình hợp lý nếu muốn có một giải pháp cho bế tắc.

Tại Nam Phi, nếu chỉ nói về lý thì dĩ nhiên phải chấp nhận nguyên tắc mỗi người một phiếu, đó là một chân lý bất di bất dịch, nhưng trên thực tế việc áp dụng một cách máy móc nguyên tắc rất đúng đó lại đưa đến hậu quả tất nhiên là người da trắng phải nhượng quyền cho người da đen, nghĩa là phải đầu hàng. Cái hay của người Nam Phi là thay vì chỉ biết một nguyên tắc hay một thực tế có lợi cho mình, họ đã tìm được một thỏa hiệp chấp nhận được cho đôi bên.

Tại Việt Nam nếu chỉ nói về lý thì phải thực thi dân chủ, đó là một nguyên tắc bất di bất dịch, nhưng trên thực tế việc thực hiện dân chủ sẽ tức khắc đưa đến hậu quả là đảng cộng sản mất quyền lực. Người cộng sản nhìn những người đòi dân chủ như những người bắt bớ họ, đòi họ phải đầu hàng, và với những gì họ đã làm, họ nhìn viễn ảnh đó với tất cả lo âu. Cũng như người Nam Phi, chúng ta cần một giải pháp để nguyên tắc dân chủ vẫn được tôn trọng mà không ai phải lo sợ rằng mình sẽ là nạn nhân. Chìa khóa cho giải pháp Việt Nam có lẽ là những người dân chủ phải chứng tỏ được một tấm lòng thật lớn.

Thông Luận

Thông Luận 71 - Tháng 05.94

Nixon, một Maoít ?

Cựu tổng thống Hoa Kỳ Nixon mất vào ngày 22-4-1994. Cuộc đời sôi nổi của vị tổng thống Hoa Kỳ này đã gây nhiều biến cố để lại hậu quả sâu đậm trên lịch sử thế giới cũng như lịch sử Hoa Kỳ.

Trong lịch sử thế giới, biến cố có ảnh hưởng sâu đậm nhất về mặt chính trị là cuộc thăm viếng Trung Quốc vào năm 1972. Đây là một biến cố mà các nhà bình luận chính trị cho là vô cùng tích cực trong cuộc xây dựng trật tự thế giới mới, trong đó cuộc chiến tranh lạnh lương cực tàn lụi và đã đưa quốc gia đông dân nhất thế giới, Trung Quốc, hội nhập vào cuộc sống chung của cộng đồng quốc tế.

Nhưng xét vấn đề này dưới góc cạnh chính trị địa lý vùng, với cái nhìn khách quan có đầy đủ thế giạt lùi lịch sử, người ta không khỏi đặt câu hỏi: phải chăng Nixon là một Maoít?

Maoít ở đây không có nghĩa là người theo Mao Trạch Đông trong các thuyết cách mạng vô sản, cải cách ruộng đất, cách mạng văn hóa... đã làm thiệt mạng hàng triệu người. Hiển nhiên cựu tổng thống Nixon không thể là một Maoít theo nghĩa này. Maoít ở đây có nghĩa là người đồng minh của Mao Trạch Đông, đã đem lại cho nhà cầm quyền cũng như đảng cộng sản Trung Quốc nhiều quyền lợi chiến lược chính trị, kinh tế và quân sự làm đảo lộn thế cân bằng tại Đông Nam Á - Thái Bình Dương và biến Trung Quốc thành mối đe dọa khủng khiếp cho các nước trong vùng.

Trước hết, bằng cuộc viếng thăm Bắc Kinh năm 1972, Nixon là "người thù khách quan" đã cứu Trung Quốc tránh cuộc trả đũa nguyên tử của Liên Xô có thể làm Trung Quốc không còn khả năng trở thành một cường quốc nguyên tử như ngày nay.

Thật vậy, tuy là hai nước trong kỉ-ới cộng sản "anh em", nhưng Trung Quốc và Liên Xô luôn luôn có những cuộc tranh chấp về ý hệ cũng như ảnh hưởng quốc tế và lãnh thổ. Cuộc tranh chấp này trở thành chính thức vào năm 1959, khi Krouchtchev đơn phương ngưng thi hành Hiệp ước nguyên tử với Trung Quốc và tăng viện trợ cho Ấn Độ, nước láng giềng có nhiều tranh chấp biên giới với Trung Quốc. Năm sau, những dấu hiệu chia rẽ càng thấy rõ qua đại hội các đảng cộng sản thế giới tại Moscou. Vào những năm 1962-1963, Mao tố cáo Liên Xô đã nhượng bộ Mỹ trong biến cố Cuba, và đã ký Hiệp ước hạn chế các cuộc thử nghiệm vũ khí nguyên tử với Hoa Kỳ và Anh. Liên Xô trả đũa bằng cách ngưng tất cả các viện trợ cho Trung Quốc và cùng lúc người ta chứng kiến những đụng độ đầu tiên tại biên giới hai nước.

Năm 1964, Trung Quốc cho nổ trái bom nguyên tử đầu tiên tại Lop Nor. Sau cuộc thành công lịch sử này, theo báo Pravda, Mao Trạch Đông lớn tiếng đòi hỏi những đất đai đã mất vào tay Nga hoàng vào thế kỷ 19. Không những thế, Mao tố cáo Liên Xô đã chiếm các đảo Kouriles của Nhật Bản, một phần nước Ba Lan, Lỗ Ma Ni và các nước Đông Âu khác. Đối với Mao Trạch Đông, phải giảm lãnh thổ của Liên Bang Xô Viết và trả lại cho Trung Quốc một triệu rưỡi cây số vuông đất đai. Liên Xô tăng quân lực tại vùng biên giới: năm 1967: 15 sư đoàn, năm 1969: 21 sư đoàn. Tháng 3-1969, sau cuộc đụng độ tại Damansky (tiếng Nga) hay Chenpao (tiếng Trung Quốc), sự hiện diện của quân đội Liên Xô

lên đến 30 sư đoàn. Năm 1972, 44 sư đoàn Hồng quân Liên Xô trấn đóng trên 7.000 cây số biên giới giữa hai nước và 1/4 không lực của Hồng quân đã được chuyển từ tây sang đông. Vào năm 1972 cũng như 1969, thế giới nghĩ rằng Liên Xô có thể dùng bom nguyên tử để phá hủy các cơ sở nguyên tử của Trung Quốc tại Lop Nor.

Vào thời điểm này, ngày 21-2-1972, tổng thống Richard Nixon đặt chân lên đất Trung Quốc, và đã được đón tiếp vô cùng trọng thể với những chi tiết nghi lễ được tính toán trước để làm nổi bật hình ảnh của vị thượng khách. Ngày 27-2-1972, thông cáo chung Thượng Hải được ký kết và mở đầu cho một kỷ nguyên mới trong bang giao giữa hai nước và bảy năm sau, liên lạc ngoại giao trên hàng sứ quán đã được thiết lập.

Đặt ra ngoài những tính toán chiến thuật để giải quyết vấn đề chiến tranh Việt Nam, như cố vấn và ngoại trưởng của Nixon, Kissinger đã nói (theo Bismark): "Sự tranh chấp giữa Trung Quốc và Liên Xô sẽ phụng sự một cách tốt đẹp nhất cho các cứu cánh của chúng ta nếu chúng ta có thể thiết lập những liên hệ chặt chẽ hơn những liên hệ giữa hai nước". Thế ba chân trên trường quốc tế gây ra bởi việc Hoa Kỳ và Trung Quốc không còn xem nhau là kẻ thù nữa đã khiến Liên Xô e dè khi muốn tấn công Trung Quốc. Cuộc trả đũa của Liên Xô vào các căn cứ nguyên tử của Trung Quốc tại Lop Nor đã bị hủy bỏ nhờ một phần vào cuộc viếng thăm Bắc Kinh của cựu tổng thống Nixon.

Tiếp theo Mao Trạch Đông, Đặng Tiểu Bình đã lợi dụng thế an toàn chiến lược này, nghĩa là hòa bình với Liên Xô, để dồn hết tài và nhân lực thực hiện "bốn hiện đại hóa": canh nông, kỹ nghệ, khoa học và quốc phòng.

Quốc phòng chỉ là ưu tiên thứ tư trong bốn hiện đại hóa: họ Đặng hiểu rằng muốn kinh tế phát triển và cất cánh, điều kiện cần là những tăng trưởng không bị ngân quỹ quốc phòng triệt tiêu. Theo các chuyên viên kinh tế quốc tế, với đà tăng trưởng hiện nay (khoảng 7% một năm), mười lăm năm nữa Trung Quốc sẽ gia tăng gấp đôi tổng sản lượng quốc gia, vào năm 2000, tổng sản lượng quốc gia của Trung Quốc sẽ qua mặt Anh Quốc và Ý và vào năm 2020 sẽ qua mặt bất cứ cường quốc kinh tế nào của Tây Âu, kể cả Pháp và Đức. Trong khi tổng sản lượng quốc gia tăng, ngân quỹ quốc phòng biến thiên theo tỷ lệ nghịch: từ 17,5% năm 1971 xuống 7,5% năm 1985. Với sự tăng trưởng kinh tế và khả năng tiết kiệm cũng như đầu tư trong nước, Trung Quốc có thể dành cho quốc phòng một ngân quỹ lớn hơn 30 tỷ USD như hiện nay. Theo các chuyên gia có thẩm quyền, những lý do có khả năng làm ngưng trệ vận tốc tăng trưởng này là một cuộc chiến tranh với Liên Xô hoặc một cuộc xáo trộn xã hội rộng lớn kiểu cách mạng văn hóa thời Mao. Nhờ Nixon, Đặng Tiểu Bình đã có đủ thời giờ để phát triển kinh tế quốc gia và thuyết phục được quân đội chờ đợi những thành quả của cuộc phát triển này để được trang bị tối tân hơn.

Cựu tổng thống Nixon là một nhân vật có tầm vóc quốc tế đã đặt chân lên quảng trường Thiên An Môn trong khi cuộc "cách mạng văn hóa" của Mao vừa thủ tiêu hàng triệu nạn nhân. Mười bảy năm sau, Nixon lại đặt chân xuống quảng trường cùng tên, bốn tháng sau khi "mùa xuân Bắc Kinh" đã bị bóp chết và chính quyền Trung Quốc đang bị quốc tế lên án. Trong cuốn "Beyond peace", hoàn thành một vài ngày trước khi ngã bệnh, Richard Milhous Nixon lên án chính sách cứng rắn của Washington đối với Bắc Kinh. Nixon quả thật là một Maoít.

Huỳnh Hùng

Đoàn Viết Hoạt trong tình trạng nguy kịch

Nguồn tin hoàn toàn chính xác từ Việt Nam cho hay từ ngày 2-4-1994, giáo sư Đoàn Viết Hoạt đã bị biệt giam, tay bị còng và chân bị quặt.

Quyện là tên của một dụng cụ để hành hạ tù nhân, gồm ghềnh và sự gián dị của nó: hai miếng sắt hình chữ U với hai lỗ ở hai đầu, một thanh sắt thọc qua hai lỗ đó, hai chân tội nhân bị kẹp giữa miếng sắt hình chữ U và thanh sắt. Chỉ sau một thời gian ngắn, sự cọ sát gây lở loét và làm nạn nhân đau đớn đến cực độ.

Hình phạt trên đã được nhà cầm quyền cộng sản áp dụng với giáo sư Hoạt để trả thù thái độ kiên trì bất khuất của anh. Sau khi bị xử án, 15 năm tù trong phiên tòa phúc thẩm 9-7-1993, Đoàn Viết Hoạt cùng với các chí hữu của anh trong nhóm Diễn Đàn Tự Do là Phạm Đức Khâm, Nguyễn Văn Thuận, Lê Đức Vượng bị giải lên trại Z30D tại Hàm Tân. Từ nhà giam này Đoàn Viết Hoạt đã gửi ra ngoài một lá thư ngỏ gửi đồng bào, trong đó ông kêu gọi toàn dân và nhất là trí thức đẩy mạnh cuộc vận động dân chủ. Anh cũng nhấn nhủ đồng bào và chí hữu phải giữ vững đường lối đấu tranh bất bạo động, đừng vì tàn ác của chế độ mà bỏ mất lòng bao dung và tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc. Lá thư này đã được đọc trong ngày Đoàn Viết Hoạt 3-10-1993 tại Massy, một thành phố gần Paris. Ngay sau đó, giáo sư Hoạt cùng các chí hữu của anh bị giải trở lại về nhà tù Chí Hòa và điều kiện giam giữ trở nên khắc nghiệt hơn. Sự kiện này đã không ngăn cản được Đoàn Viết Hoạt tiếp tục lên tiếng. Ngày 8-12-1993, từ Chí Hòa, Đoàn Viết Hoạt đã gửi ra ngoài một bài viết cho ngày Quốc Tế Nhân Quyền. Bài viết này đã được phổ biến rộng rãi trên báo chí Việt ngữ tại hải ngoại và cũng được chuyển tay ở trong nước. Tức tối trước hành động bất khuất này, nhà cầm quyền cộng sản đã chuyển Đoàn Viết Hoạt, Phạm Đức Khâm, Nguyễn Văn Thuận và Lê Đức Vượng ra trại kỷ luật Xuân Phước thuộc tỉnh Phú Yên. Xuân Phước không phải là một nhà tù mà là một địa ngục, giặc thù của tù nhân chính trị Phạm Văn Thành gửi ra ngoài cho hay trung bình hàng năm có 25% trong số 500 tù nhân bị thiệt mạng vì tình trạng giam cầm dã man. Mục đích của việc chuyển Đoàn Viết Hoạt ra trại Xuân Phước không phải chỉ là để trả thù thái độ thách thức của anh mà còn để cô lập anh hơn nữa với thế giới bên ngoài. Tại đây Đoàn Viết Hoạt đã chinh phục được sự quý mến và tiếp tay của nhiều tù nhân khác.

Ngày 1-1-1994, từ Xuân Phước, Đoàn Viết Hoạt đã gửi ra bên ngoài một bản phúc trình về tình trạng nhân quyền tại Việt Nam. Bản phúc trình này, tuy lời lẽ ôn hòa, là một cáo trạng nặng nề đối với chế độ cộng sản. Ngày 20-1-1994, giữa lúc còn đang bị điều tra gay gắt về "tội" đã gửi bản phúc trình về Nhân Quyền ra bên ngoài, Đoàn Viết Hoạt lại gửi ra một lời tuyên bố nhân đại hội giữa nhiệm kỳ của đảng cộng sản. Trong lời tuyên bố này, một lần nữa, Đoàn Viết Hoạt cảnh cáo đảng cộng sản về hậu quả tai hại cho chính họ của thái độ ngoan cố theo đuổi độc tài đảng trị, một lần nữa Đoàn Viết Hoạt kêu gọi đồng bào và các chí hữu giữ vững lý tưởng dân chủ đa nguyên, giữ vững tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc, giữ nguyên đường lối đấu tranh bất bạo động.

Lần này phản ứng của chính quyền cộng sản còn thô bạo hơn nữa. Đoàn Viết Hoạt bị chuyển ra trại Ba Sao, thuộc tỉnh Hà Nam

Ninh miền Bắc cùng với các tù nhân chính trị khác là Lý Tồng, Trần Mạnh Quỳnh, Trần Tư, và bị cô lập hoàn toàn với bên ngoài. Chính gia đình ông cũng không được thông báo nơi giam giữ của ông, sự hiện diện của ông tại trại Ba Sao đã chỉ được phát hiện nhờ cố gắng tìm kiếm của các chí hữu. Tại đây Đoàn Viết Hoạt và một số tù nhân chính trị bị buộc phải làm một việc khổ sai tàn bạo là đập đá. Đã quá kiệt quệ và hơn nữa với tinh thần bất khuất của anh, Đoàn Viết Hoạt đã từ chối đập đá, coi đó là một xúc phạm đối với một tù nhân lương tâm như anh. Sau một thời gian giằng co, chính quyền cộng sản đã lấy quyết định dã man: biệt giam, còng tay và quặt chân. Bốn tù nhân chính trị khác là Lý Tồng, Trần Mạnh Quỳnh, Trần Tư và một người khác không rõ tên, phần nộ trước biện pháp thô bạo đó đã phản đối và từ chối không đập đá nữa. Hiện họ cũng đang phải chịu cùng một cực hình như Đoàn Viết Hoạt.

Nguồn tin trong nước còn cho biết một chi tiết rất báo động: từ ngày 20-4, Đoàn Viết Hoạt không còn ăn nữa, phần cơm đem vào cho anh được đem ra nguyên vẹn. Những người biết Đoàn Viết Hoạt không tin là anh tuyệt thực, Đoàn Viết Hoạt tự hiểu rằng anh phải sống để tiếp tục tranh đấu. Có lẽ anh đã quá kiệt quệ và đang lâm bệnh.

Nếu rủi ro Đoàn Viết Hoạt qua đời thì đó là một thảm kịch cho đất nước mà đảng cộng sản Việt Nam sẽ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm. Nếu Đoàn Viết Hoạt không còn nữa thì đảng cộng sản cũng không còn hy vọng hòa giải được với nhân dân Việt Nam để giành lấy một chỗ đứng trong sinh hoạt chính trị dân chủ sau này. Hiện nay rõ ràng đảng cộng sản đang lao vào một cuộc chạy trốn diễn đại về đảng trước.

Trước chính sách đàn áp dã man hiện nay sự dũng cảm của Đoàn Viết Hoạt đã vượt xa hơn mọi tưởng tượng, nhưng tấm lòng quảng đại của anh còn đáng kính phục hơn nữa. Không khuất phục trước sự hung bạo, lấy lòng nhân hậu đương đầu với sự độc ác, Đoàn Viết Hoạt đã làm chứng cho chính nghĩa sáng ngời của đổi lập dân chủ Việt Nam.

Cả thế giới cần biết Việt Nam có Đoàn Viết Hoạt vì anh là hy vọng và niềm tự hào của dân tộc Việt Nam. Có ai hiểu tâm sự Đoàn Viết Hoạt qua lời anh trong thư ngỏ cho Ngày Đoàn Viết Hoạt 3-10-1993. *"Nhanh vượt của độc tài thực ra không đáng sợ lắm. Nếu chúng ta chưa thành công thì cũng chỉ vì cuộc vận động dân chủ chưa đến được một cách đầy đủ với tất cả mọi người"*. Đoàn Viết Hoạt quá khiêm tốn để nói rằng những người như anh đang phải trả giá cho sự thụ động của đa số. Nhưng chúng ta, chúng ta có thể nào để mặc cho chính quyền cộng sản dầy dụa và tiêu diệt những con người hiếm hoi mà đất nước còn có được hay không? Làm được gì cho những người như Đoàn Viết Hoạt phải là thao thức của tất cả mọi người còn muốn chia sẻ một tương lai Việt Nam.

Tổ quốc Việt Nam ơi, có phải vì người là "tổ quốc xã hội chủ nghĩa" hay vì người bất lực, mà người nhân tâm đến thế đối với những đứa con đáng quý nhất của người?

Thông Luận

Bảy trí thức Hoa Lục kêu gọi nhà cầm quyền chấm dứt đàn áp tự do tư tưởng và tự do ngôn luận

Từ Mai

Theo nhiều tờ báo quốc tế trong số ra ngày 11-3-1994 (tiêu biểu nhật báo Anh ngữ The New York Times, nhật báo Hoa ngữ Thế giới Nhật Báo), ngày 9 tháng 3 vừa qua, bảy trí thức hàng đầu của Trung Quốc đã công khai gửi tới Chủ tịch đảng Cộng sản kiêm Chủ tịch Nhà nước Giang Trạch Dân và Chủ tịch Quốc hội Kiều Thạch, yêu cầu chính quyền chấm dứt đàn áp các tự do tư tưởng và tự do ngôn luận. Bức thư ấy cùng yêu cầu nhà cầm quyền trả tự do cho tất cả những người bị giam giữ vì phạm phải các điều cấm kỵ nói trên:

"Nhìn vào lịch sử nhân loại, chúng tôi thấy rằng nền văn minh hiện đại bắt đầu khi con người thức tỉnh để trút bỏ những trói buộc về tư tưởng của các chế độ chuyên chế thượng cổ cũng như trung cổ, và để ý thức rằng con người cần có nhân cách độc lập, cần được hưởng một số quyền căn bản, bất khả chuyển nhượng, bất khả xâm phạm, đứng đầu là các quyền tự do tư tưởng và tự do ngôn luận."

Sau khi ví việc muốn "hiện đại hóa" nhưng không nói tới nhân quyền như hành động "leo lên cây để tìm cá", bức thư nhắc tới bản "Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền" của Cách mạng 1789 ở Pháp: "Không biết tới hoặc không đếm xỉa tới nhân quyền là nguyên nhân duy nhất gây nên các nỗi bất hạnh trong dân chúng và tệ trạng tham nhũng trong chính phủ." Bức thư cũng nhắc tới bản "Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền" của Liên Hiệp Quốc với các điều khoản:

- Mọi người đều có quyền tự do tư tưởng, tự do lương tâm, tự do tôn giáo;
- Mọi người đều có quyền tự do phát biểu những ý kiến của mình;
- Không ai có quyền bắt bớ, giam giữ, hoặc phóng thích người khác nếu không có lý do chính đáng để đi tới kết luận:

"Vì thế chúng tôi kêu gọi nhà cầm quyền hãy can đảm chấm dứt giai đoạn lịch sử chỉ vin vào ý nghĩ, lời nói, hoặc văn tự mà buộc tội con người của đất nước chúng ta từ mấy ngàn năm nay, và trả tự do cho những người bị giam giữ chỉ vì ý nghĩ và lời nói của họ."

Bản lên tiếng kết thúc với câu:

"Chúng tôi nhận thấy: chỉ sau khi nhân quyền được tôn trọng và quyền lợi của mọi thành phần dân chúng được thật sự bảo vệ thì xã hội mới thật sự yên định. Nếu không, sẽ chỉ khiến các mâu thuẫn trầm trọng thêm, gây nên những biến động và hỗn loạn không thể nào cứu vãn nổi."

Danh sách và thành phần bảy nhà trí thức:

Đúng như nhận xét của báo New York Times, bảy trí thức ký tên dưới bản lên tiếng là những học giả, sử gia, khoa học gia, văn nghệ sĩ... đứng hàng đầu của lục địa Trung Hoa hiện nay. Đó là:

1. Giáo sư Hứa Lương Anh: 74 tuổi, sử gia, khoa học gia, tòng sự tại Hàn Lâm Viện Khoa Học, người đã góp công rất nhiều trong việc phiên dịch toàn bộ tác phẩm của nhà khoa học Albert Einstein sang Hoa ngữ;

2. Sử gia Vương Lai Lệ: tác giả nhiều công trình nghiên cứu giá trị, là vợ giáo sư Hứa Lương Anh;

3&4. Các Giáo sư Đinh Tử Lâm và Tưởng Bồi Khôn: giáo sư triết học, cả hai đều có con bị thảm sát trong cuộc đàn áp tại Thiên An Môn năm 1989;

5. Giáo sư Lưu Liêu: nhà vật lý học;

6. Nhà thơ nổi danh Thiệu Yên Tường;

7. Nhà văn nữ nổi danh Trương Kháng Kháng.

Trong số bảy nhà trí thức thì năm vị nam, hai vị nữ. Có nhưng vị từng đem những năm mạnh mẽ và lý tưởng nhất của đời mình tranh đấu cho chủ nghĩa cộng sản, và đã thực sự góp phần dựng nên chế độ cộng sản Trung Hoa như giáo sư Hứa Lương Anh; nhưng cũng có người sinh ra sau khi chế độ cộng sản thiết lập và hoàn toàn lớn lên trong chế độ ấy như nhà văn Trương Kháng Kháng.

Giáo sư Hứa Lương Anh sinh năm 1920, được 17 tuổi khi Nhật xâm lăng Trung Hoa năm 1937. Ông hoạt động trong phong trào cộng sản ở Hoa Nam để kháng Nhật trong khoảng 1940-1945 cùng với đương kim ủy viên Chính trị Bộ kiêm chủ tịch Quốc hội Kiều Thạch (ông hơn họ Kiều 4 tuổi). Sau 1945, ông tiếp tục hoạt động cho đến khi đảng Cộng sản toàn thắng, làm chủ toàn cõi Trung Hoa. Năm 1949, sau khi Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc được thiết lập, ông được cử giữ một chức vụ cao trong một lãnh vực giáo dục. Năm 1958, vì bất đồng ý kiến với Mao khi họ Mao thanh trừng các trí thức, ông bị hạ tâng công tác. Sau đó ông bị đẩy vào bóng tối và bị đày đoạ suốt 20 năm tới 1978. Chỉ sau khi Mao chết, Đặng Tiểu Bình được phục hồi với chủ trương hiện đại hóa Trung Hoa, ông mới được khôi phục với uy tín vững hơn trước. Từ đó, ông liên lạc với nhiều nhà trí thức khác để khai sáng ra phong trào "Khoa học và Dân chủ".

Nhà văn Trương Kháng Kháng sinh năm 1950, sau khi đảng Cộng sản đã nắm quyền ở Trung Hoa hơn một năm. Tuy sinh trưởng ở Hàng Châu (Triết Giang) thuộc miền Hoa Nam ấm áp, sau khi tốt nghiệp trung học, bà đã tình nguyện đến sinh sống ở một làng thôn dã và giá rét ở bắc Mãn Châu, thuộc đông bắc Trung Hoa. Sống tại đó 8 năm, có dịp quan sát những nỗi khổ và cảnh bất công người dân phải chịu, bà cảm bút để "ghi lại những cảm xúc của mình". Chuyện ngắn và tiểu thuyết của bà rất được độc giả, nhất là giới hâm mộ. Sau một cuộc trưng cầu ý kiến độc giả, hai tập truyện trong các tác phẩm bà viết được công nhận là "tác phẩm văn chương hay nhất nước". Tuy tương đối còn trẻ, bà là một trong số khá hiếm các nhà văn được ghi danh trong cuốn Who's who in The People's Republic of China do nhà xuất bản K.G.Saur ấn hành đồng thời tại Munchen, Paris, London, New York. Bà cũng được cử thay mặt các nhà cầm bút Hoa Lục đi họp với văn giới quốc tế nhiều lần ở Pháp cùng như ở Đức, và có nhiều bạn trong số các văn gia ngoại quốc.

Nhà thơ Thiệu Yên Tường có uy tín vì những lý do khác. Sinh năm 1933 trong một gia đình trí thức ở Bắc Kinh, văn tài của ông

nảy nở rất sớm. Năm 1946, mới 13 tuổi và còn đang ở năm đầu trung học, ông đã có thơ, truyện ngắn, và nhiều bài nghị luận được đăng trên các báo. Năm 1949, sau khi chế độ cộng sản được thiết lập, tuy mới 16 tuổi và vẫn còn đi học, ông được đặc cách biệt phái đến góp mặt ở đại hội thanh Bắc Kinh với tư cách một biên tập viên. Năm 1957, trở thành một trong những nạn nhân của chính sách thanh lọc do Mao đề xướng, ông bị treo bút và phải sống cơ cực trong bóng tối suốt 20 năm. Mãi đến 1977, ông mới được phục hồi và được quyền sáng tác trở lại. Bên cạnh những thi phẩm dành cho người lớn, ông còn là tác giả nhiều văn thơ trong sáng viết cho thiếu nhi. Trong hai năm 1956-1957, trước khi bị đảng cộng sản cấm sáng tác, ông đã ấn hành hai thi tập dành cho tuổi thơ. Sau khi được phục hồi danh dự, ông được bầu vào Chủ tịch đoàn Hội nhà văn, và cũng là một trong số rất hiếm các nhà thơ ở Trung Hoa hiện nay được ghi danh trong Who's who in the People's Republic of China.

Đúng như nhận xét của đặc phái viên Patrick E. Tyler của báo New York Times, bảy vị trên đều rất nổi danh, với ảnh hưởng và uy tín đáng kể ở Hoa Lục. Năm giáo sư, học giả rất đông sinh viên và rất được đồng nghiệp cùng sinh viên quý trọng. Nhà văn và nhà thơ thuộc thành phần những người làm văn nghệ có chân tài cùng được đọc giả theo dõi, hâm mộ nhất.

Cùng rất khó triệt hạ uy tín các vị. Với một người từng góp phần dựng nên chế độ cộng sản Trung Hoa như giáo sư Hứa Lương Anh, cộng thêm uy tín vững chắc của ông hiện nay, không dễ gì ghép vào tội "phản động". Một trong những cộng tác viên từ hồi kháng Nhật của ông là Kiều Thạch. Bên cạnh chức Chủ tịch Quốc hội, họ Kiều hiện còn là một trong những ủy viên mạnh mẽ nhất của Chính trị Bộ.

"Cốt để tỏ rằng dân tộc Trung Hoa chưa chết hết"

Theo nhật báo New York Times, nguyên nhân gần nhất đưa tới bản lên tiếng là việc nhà cầm quyền cộng sản khủng bố, bắt giữ nhiều trí thức tên tuổi, các nhà lãnh đạo trẻ của phong trào dân chủ gần đây. Theo các ký giả Lincoln Kaye và Carl Goldstein của tuần báo Far Eastern Economic Review, cùng các ký giả Sandra Burton và Jaime A. Florcruz của tuần báo Time trong các số ra ngày 17 và 21 tháng 3-1994, để tạo một khung cảnh "yên tĩnh" cho cuộc viếng thăm của Ngoại trưởng Mỹ Warren Christopher (từ 11 đến 14 tháng 3-94) và cho khóa họp của Quốc hội Hoa Lục (trung tuần tới 23-3-1994), trong khoảng đầu tháng 3-94, nhà cầm quyền cộng sản đã lùng bắt rất nhiều những người từng lên tiếng cho tự do, dân chủ hay bị tình nghi là có liên hệ tới phong trào áy.

Sau 14 năm rưỡi bị giam vì tội đề nghị dân chủ hóa đất nước năm 1978, chuyên viên điện Ngụy Kinh Sinh, người được chính quyền Bắc Kinh thả ra tháng 9-1993 để khoa trương là đã "rất nhân đạo" cho tự do sáu tháng trước kỳ hạn, đã bị bắt trở lại. Ông đã quá bạo dạn nhận lời mời và đã quá can đảm tới gặp vị phụ tá Ngoại trưởng Mỹ đặc trách về nhân quyền John Shattuck ít hôm trước đó. Sau khi bị công an thẩm vấn suốt 30 giờ, ông được lệnh phải rời khỏi Bắc Kinh. Sinh viên Vương Đán, bị giam gần 4 năm vì cuộc biểu tình ở Thiên An Môn năm 1989, cũng bị bắt trở lại và bị thẩm vấn suốt 24 giờ. Được thả ra với chỉ thị "rời khỏi Bắc Kinh", anh không tuân theo, nên lại bị bắt thêm một lần nữa.

Theo tuần báo Time, nhà cầm quyền bắt giam ít nhất 16 người và theo dõi chặt chẽ hàng trăm người. "Cảnh sát mặc sắc phục và công an thường phục canh gác quanh nhà những người tỏ ý bất mãn cùng các cảm tình viên của họ".

Trong một cuộc phỏng vấn dành cho ký giả Patrick E. Tyler của báo New York Times tại phòng riêng của mình trong cư xá đại học Bắc Kinh, giáo sư Hứa Lương Anh cho biết: "Chỉ vì những điều họ nói mà họ (các trí thức, chuyên viên trẻ) bị bắt bớ, giam giữ. Lớp trí thức lớn tuổi có nhiệm vụ phải lên tiếng bênh vực họ". Ông cho biết bản lên tiếng được đưa ra để "chứng tỏ dân tộc Trung Hoa chưa chết hết". "Chưa đến nỗi cả nước Trung Hoa không còn ai! Chúng tôi muốn tỏ rằng: vẫn còn có người dám lên tiếng cho nhân quyền".

Bản văn cũng mở đầu bằng câu:

"Gần đây, ở Bắc Kinh và Thượng Hải nhiều người bị bắt bớ và thẩm vấn chỉ vì tư tưởng, ngôn ngữ của họ. Dư luận thế giới rất xôn xao. Những người quan tâm đến vận mệnh quốc gia dân tộc, những người biết nhận thức và nhiệt thành với công cuộc hiện đại hóa xứ sở...kinh hoàng và lo âu"

Nguyên nhân gần nhất của bản lên tiếng đúng là tình liên đới giữa các trí thức lớn tuổi với lớp trí thức, chuyên viên trẻ. Nguyên nhân sâu xa hơn là mối ưu tư vẫn có từ lâu cho tương lai đất nước, dân tộc Trung Hoa.

NHẬN XÉT

Ít ai kỳ vọng một bản văn ngắn với lời lẽ khá ôn tồn của một nhóm gồm 7 người dạy học, nghiên cứu hoặc viết văn, làm thơ, có thể đem lại những thay đổi quan trọng cho đất nước Trung Hoa trong một thời gian gần. Trung Hoa là một lục địa mệnh mông với trên một tỉ dân. Đảng cộng sản Trung Hoa đã độc quyền thống trị với kỷ luật sắt thép gần nửa thế kỷ nay. Chính quyền hiện tại với rất nhiều phần tử bảo thủ có quá nhiều lý do để không muốn nói lòng sự kiểm soát.

Tuy nhiên, những điều 7 nhà trí thức nói lên là *sự thật và hợp lý*. Đúng như bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền công bố sau cuộc Cách mạng Pháp cho thấy: *Tệ trạng tham nhũng gây nên các sự bất mãn trầm trọng trong xã hội Trung Hoa hiện nay phần lớn do chính sách cai trị chuyên chế*. Dân Trung Hoa không được phép nói lên những điều họ thấy và họ nghĩ [...]. Muốn sống chung với cộng đồng thế giới, Trung Hoa cần phải thay đổi, không thể cứ khư khư giữ mãi những lễ thói thuở còn khép kín.

Bản lên tiếng của 7 nhà trí thức đã được in trên rất nhiều báo chí quốc tế, các báo ở Đài Loan, Hồng Kông, và hầu hết các báo của cộng đồng Trung Hoa hải ngoại. Với phương tiện truyền thông của thế giới hiện nay, chúng ta có thể tin chắc rằng hàng chục ngàn, trăm ngàn bản... hay hơn nữa đã về tới Trung Hoa, kể cả qua điện thư. Nhiều đại hội thanh ngoại quốc với các chương trình Hoa ngữ cũng đã loan báo và tuyên đọc. Những người tuổi trẻ bất mãn với hoàn cảnh hiện tại và khao khát tự do, dân chủ ở Trung Hoa đã biết rằng: những điều họ suy nghĩ và mong muốn là đúng, vì ít nhất nhiều trí thức danh vọng và uy tín cùng đã nghĩ như họ cùng đã công khai bày tỏ tình liên đới với họ. Phong trào tranh đấu cho tự do và dân quyền ở Trung Hoa chỉ có thể mỗi ngày một mạnh thêm.

Rất có thể trước khi nhắm mắt, giáo sư Hứa Lương Anh (nay đã 74 tuổi) vẫn chưa trông thấy những thành quả của bản lên tiếng. Rất có thể còn nhiều năm, và phải trải qua nhiều tranh đấu nữa, dân tộc Trung Hoa mới được phép nói lên những điều mình nghĩ và trông thấy. Cuộc Cách mạng 1789 ở Pháp thường được coi là kết quả những tư tưởng tiến bộ của Voltaire và Jean Jacques Rousseau. Cả hai ông cùng mất năm 1778, 11 năm trước khi Cách mạng bùng nổ. Người trí thức thường trông thấy trước để báo trước cho thời đại của mình. Nếu những lời họ báo động và cảnh

tĩnh được lưu tâm, nếu những biện pháp thay đổi họ đề nghị được thi hành phần nào, cách mạng và bạo động có cơ tránh khỏi. Sát hại hoặc bịt miệng họ không ngăn nổi bánh xe lịch sử. Cũng như giáo sư Đoàn Viết Hoạt, chuyên gia Nguyễn Xuân Tú (Hà Sĩ Phu)... đang làm cho dân tộc Việt Nam, giáo sư Hứa Lương Anh và các bạn của ông đang làm cho dân tộc Trung Hoa hiện nay những điều Voltaire và Rousseau từng làm cho dân tộc Pháp trước kia. Họ thi hành thi hành nhiệm vụ của người trí thức.

Chúng ta cũng có thể hỏi: khi đưa ra bản lên tiếng, bảy nhà trí thức Trung Hoa có nghĩ tới, có biết sợ sự "trừng phạt" của guồng máy cai trị cộng sản? Ít nhất ba người trong nhóm họ (giáo sư Hứa Lương Anh, sử gia Vương Lai Lệ, và nhà thơ Thiệu Yên Tường) từng là nạn nhân cơn thịnh nộ của các lãnh tụ cộng sản Trung Quốc, mỗi người trong suốt 20 năm. Các vị còn lại, dù bản thân chưa trải qua, hẳn cũng từng nghe tới. Chưa chắc được trông thấy những thành quả của điều mình lên tiếng tại sao họ vẫn cố nói? Nhất là khi những tai họa cho bản thân (và gia đình) có thể tới ngay.

Là trí thức, hơn nữa, trí thức Trung Hoa, hẳn không ai trong bọn họ không biết tới những câu sau đây của một trí thức Trung Hoa khác, đưa ra từ trên 700 năm trước, Văn Sơn Văn Thiên Tường:

Nhân sinh tự cổ thù vô tử
Lưu thủ đan tâm chiếu hân thanh
(Xưa nay ai thoát vòng sinh tử
Để tấm lòng son chiếu sử xanh)

Trong văn học Trung Hoa và văn học nhân loại mà họ cũng đã thấm nhuần, không thiếu gì những câu như thế. Sử Trung Hoa cũng như sử nhân loại mà họ thường đọc, không thiếu gương những danh nhân "thung dung tựu nghĩa", những kẻ sĩ chỉ biết sợ chính nghĩa và tôn phục lễ phải, những Lạn Tương Như, Văn Thiên Tường... Họ không quản các nguy hiểm có thể tới với bản thân để nói lên sự thật vì đối với họ, hễ là "sự thật" thì cần được nói, nhất là khi việc nói lên ấy có ích cho đất nước dân tộc họ.

KẾT LUẬN

Việc lên tiếng của 7 trí thức Hoa Lục sẽ có tác dụng không nhỏ trong cuộc tranh đấu đòi nhân quyền và dân chủ cho dân tộc Trung Hoa. Vì vị trí gần nhau và hoàn cảnh có nhiều điểm tương tự, chúng ta có thể nghĩ rằng biến cố ấy, không sớm thì chậm, bằng cách này hay cách khác, cũng sẽ có ảnh hưởng đến cuộc tranh đấu của dân tộc Việt Nam.

Dân tộc ta không thiếu những trí thức sáng suốt và can đảm như Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế, Hà Sĩ Phu... Trong số các trí thức đã một thời tin theo con đường cộng sản (không khác Hứa Lương Anh) và nay biết rõ cần phải thay đổi, chúng ta cũng có Hoàng Minh Chính, Nguyễn Kiên Giang, Lữ Phương, Nguyễn Phong Hồ Hiếu... cùng nhiều vị khác. Nhưng ít nhất cho tới nay, các việc lên tiếng ở Việt Nam thường lẻ tẻ và đơn độc, chưa đủ mạnh để gây chấn động trong nước cùng để thế giới thật sự lưu ý tới. Do đó nhiều tiếng nói sáng suốt và can đảm đã bị lấn át, chưa gây được tác dụng xứng đáng. Chúng ta có quyền hy vọng rằng khi Việt Nam tiếp xúc với thế giới nhiều thêm, các hành động lên tiếng ở Việt Nam cũng sẽ nhiều, mạnh mẽ và hiệu quả hơn. Một tia sáng đơn lẻ dễ bị chìm trong màn đêm, nhưng nhiều tia sáng hợp nhau sẽ đủ sức phá tan bóng tối.

Từ Mai

Sự chuyển mình của trí thức Việt Nam

Sơn Long

L.T.S: Sơn Long là một trí thức ở trong nước, hoạt động trong ngành khoa học nhân văn

Có nhiều định nghĩa và cách hiểu về trí thức, nhưng điểm chung, trí thức phải là người có tri thức. Vì có tri thức nên người trí thức thường đóng vai trò người thầy. Những trí thức lớn đã là người thầy của cả một dân tộc, một thời đại hay nhiều thời đại. Các triết gia, giáo chủ, nhà khoa học, nhà giáo, văn nghệ sĩ, nhà chính trị lớn là những nhà trí thức đã hướng dẫn, thúc đẩy bước đi lên của xã hội loài người.

Nhìn lại lịch sử nhân loại, không ai có thể phủ nhận vai trò của người trí thức. Marx, Lênine, những ông tổ của chủ nghĩa cộng sản là những trí thức lớn và rất coi trọng vai trò của trí thức và tri thức. Thế nhưng khi đã nắm được quyền lực thì có lãnh tụ lại coi "trí thức không ích lợi bằng cục phân" như Mao Trạch Đông, có phong trào cách mạng do người cộng sản lãnh đạo đã đề ra khẩu hiệu "trí, phú, địa, hào đào tận gốc, tróc tận rễ" như phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh, có chế độ chủ trương tiêu diệt hết trí thức như chế độ của Pôn Pốt. Do đó, dưới các chế độ cộng sản, quan niệm và vai trò của trí thức đã thay đổi hay có sự khác biệt, thậm chí mâu thuẫn giữa lý thuyết và thực tiễn. Điều này tác động mạnh đến trí thức và làm chính bản thân người trí thức cũng tự thay đổi.

Tự ngàn xưa, đông cũng như tây, trí thức được nhân dân kính trọng vì ngoài tri thức, người trí thức chân chính còn có nhân cách lớn và lòng dũng cảm. Bao nhiêu triết gia, nhà văn, nhà khoa học đã chịu chết, tù ngục chứ không chịu từ bỏ tư tưởng của mình. Có sử quan thời phong kiến Trung quốc chấp nhận rơi đầu chứ nhất định không sửa một chữ - chân lý lịch sử - mà mình đã viết ra. Trong lịch sử Việt Nam, Chu Văn An với "thất trăm số" và cuộc sống cao khiết của mình đã được coi là gương sáng - người thầy chân chính - của mọi thế hệ người Việt.

Những người trí thức có tâm huyết, sống vì đời, thể hiện hoài bão của mình bằng hai cách: Dựa vào thế lực chính trị để truyền bá, thực hiện tư tưởng của mình hoặc dùng tác phẩm, tư tưởng và cuộc sống của mình để tác động đến xã hội. Nếu người trí thức nắm được hoặc dựa vào quyền lực chính trị, lý thuyết của họ sẽ được thực hiện nhanh chóng. Do đó các triết gia Hy Lạp và Trung quốc thời cổ phải ra sức thuyết phục các vị vua sử dụng các học thuyết của mình. Việc này không dễ dàng vì các vị vua, những người nắm quyền lực, nhiều tham vọng và ích kỷ, nên thường theo "bá đạo" hơn "vương đạo", trí thức chỉ được trọng dụng nhất thời.

Việc người trí thức có thể tự mình làm được là xác lập tư tưởng, nói tiếng nói của lương tri, sống cuộc đời bất khuất vì chân lý. Điều này đòi hỏi người trí thức phải có nhân cách lớn và lòng dũng cảm. Cả hai cách trên đều nói lên mối quan hệ giữa chính trị và trí thức trong việc tác động đến cuộc sống xã hội. Đây cũng là điểm phát xuất những vấn đề nan giải và bi kịch của trí thức. Quyền lực chính trị giải phóng con người nhưng đồng thời cũng đè nặng lên số phận con người, tác động sâu xa đến cuộc sống của trí thức.

Ở Việt Nam, từ cuối thế kỷ 19, nhiều trí thức đã lao tâm khổ tứ tìm đường, lao vào cuộc đấu tranh, cống hiến hết đời mình để chiến đấu cho nền độc lập dân tộc và sự canh tân đất nước. Từ khi có đảng cộng sản, nhiều trí thức đã đến với những người cộng sản, chung lòng góp sức cho cuộc chiến đấu vì dân tộc, dù họ có tin hay không tin vào chủ nghĩa cộng sản. Những người cộng sản ban đầu đã rất trân trọng và phát huy sự đóng góp của trí thức.

Tuy nhiên, từ khi nắm được quyền lực, những người cộng sản đã đối xử tệ với trí thức. Ngoài một số ít người được cử giữ một số chức vụ khá quan trọng nhưng không phải là chủ chốt có toàn quyền quyết định, đại bộ phận trí thức chỉ được coi là chuyên viên hay tham mưu. Đảng lãnh đạo toàn diện, triệt để và tuyệt đối nên trí thức phải phục tùng nhiệm vụ chính trị. Dần dần, trí thức mất đi sự suy nghĩ độc lập, sáng tạo, những phẩm chất quan trọng hàng đầu của mình. Trí thức chỉ nói theo và diễn giải, biện hộ những điều lãnh đạo đã nói. Đây bắt đầu thảm cảnh của trí thức vì trí thức đã tự mình đánh mất phần quan trọng nhất trong phẩm giá của mình, thậm chí tha hóa, mất mình, không còn là trí thức.

Những cuộc thanh trừng trí thức trong vụ án "xét lại-chống đảng", trong vụ Nhân văn-Giai phẩm và nhiều vụ có tính cách cá biệt khác, chính sách "cây gậy và củ cà rốt" mà đảng đã áp dụng với trí thức, cộng với sự mù quáng, cuồng tín nhất thời của một số trí thức đã làm cho một số trí thức trở nên tròn trịa, hèn nhát, tê liệt lòng phản kháng. Tự bản thân người trí thức cũng có cái hèn riêng của mình, do ích kỷ, mưu cầu địa vị, mơ ước cuộc sống "vinh thân phì gia" và muốn đạt được mục đích đó chỉ có thể dựa vào quyền lực, phục tùng vô điều kiện sự lãnh đạo của đảng. Những ai không làm như thế phải trả giá rất đắt cho bản thân và gia đình, con cháu mình. Do đó, trí thức, từ vị trí là người thầy, trở thành kẻ tay sai, người đầy tớ. Trong chuyện này, có lỗi ở bản thân người trí thức nhưng lỗi nặng hơn, nguyên nhân sâu xa hơn là ở chế độ.

Trong một thời gian khá dài, dưới chế độ cộng sản, trí thức sa xuống vực thẳm suy thoái. Thời gian gần đây, những dấu hiệu mới về sự hồi sinh vai trò trí thức đã xuất hiện. Trí thức đã dám nói, dám viết về tất cả mọi vấn đề với sự suy nghĩ độc lập của mình, đặc biệt phê phán sự lãnh đạo của đảng và những sai lầm của chế độ. Từ những vị trí, những mức độ, góc độ, lãnh vực và tính cách khác nhau, trí thức đã lên tiếng: các trí thức miền Bắc như Nguyễn Khắc Viện, Nguyễn Kiến Giang, Hà Sĩ Phu, Phan Đình Diệu, Hoàng Minh Chính, Đào Phan,... ở miền Nam có Chân Tín, Nguyễn Ngọc Lan, Nguyễn Đan Quế, Đoàn Viết Hoạt, Lữ Phương,..., các nhà nghiên cứu, văn nghệ sĩ như Hoàng Ngọc Hiến, Nguyễn Đăng Mạnh, Nguyễn văn Hạnh, Hữu Loan, Dương Thu Hương, Phùng Gia Lộc, Trần Huy Quang, Lê Lưu, Bảo Ninh, Đặng Nhật Minh, Trần Văn Thủy, Nguyễn Ngọc, Bùi Minh Quốc, Bảo Cự, Phùng Quán, Nguyễn Đức Sơn, Trần Vàng Sao,...

Gần đây nhất, có nhiều bài viết phê phán đảng rất nặng nề và các tác giả đã ghi tên thật, địa chỉ rõ ràng, cả lý lịch cụ thể như các bài của Nguyễn Phong Hồ Hiếu, Nguyễn Thanh Giang, Trần Minh Thảo,... Các bài viết tiến bộ đã được giới trí thức và những người quan tâm đến vận mệnh đất nước phổ biến, chuyền tay cho nhau thành cả một phong trào khắp cả nước, bất chấp sự đe dọa và cấm đoán của đảng và nhà cầm quyền, báo hiệu một giai đoạn mới về sự chuyển mình của trí thức để tìm lại vai trò của mình.

Có một vấn đề đang được đặt ra hiện nay là trí thức nên đứng trên lập trường nào để phê phán đảng. Có người cho rằng cần đứng trên các quan điểm của nghị quyết của đảng để xây dựng đảng, buộc đảng phải thực hiện những điều đã ghi trong nghị quyết. Có người nói phê phán để xây dựng chứ không nhằm đả phá, lật đổ. Có người nói cần phải tranh thủ những thành phần tốt trong đảng, nói có sách lược, chiến lược. Có người cho rằng cứ nói thẳng, nói thật, nói hết, đảng có tồn tại hay không là một vấn đề khác, vấn đề của đảng, của lịch sử,... Mọi cách nói đều cần thiết, có tác dụng riêng và tất cả cộng lại sẽ có tác dụng tổng hợp rất lớn. Điều cần quan tâm là các tiếng nói này không nên kêu gọi hận thù, bạo động đổ máu vì đây không phải là phương thức tốt nhất để giải quyết những vấn đề của lịch sử. Đấu tranh là cần thiết, rất cần thiết, luôn luôn cần thiết, càng cần thiết trong giai đoạn hiện nay nhưng nếu lên án cộng sản mà lại sử dụng các phương pháp tàn bạo của người cộng sản thì có khác gì, có hơn gì cộng sản.

Tiếng nói của người trí thức là quan trọng dù tiếng nói đó chưa đủ, nhưng trước hết phải có nói, dám nói. Trí thức còn phải liên hiệp lại, liên kết trong một cuộc đấu tranh chung cho chân lý và tiến bộ xã hội.

Trí thức Việt Nam, trong và ngoài nước, có chỗ đứng, hoàn cảnh khác nhau nhưng đều phải giải quyết những vấn đề lớn giống nhau. Trí thức là trí thức, nhân cách, lòng dũng cảm và tinh thần phục vụ. Có đủ bốn yếu tố đó, trí thức sẽ là người thầy, cứu tinh của xã hội. Thiếu một trong bốn yếu tố đó, trí thức sẽ tự hạn chế vai trò của mình, hoặc chỉ còn là những tay sai, những kẻ ba hoa rỗng tuếch, hoặc những tên cơ hội không làm được gì cho nhân dân, cho đất nước và xã hội loài người.

Sơn Long

Những điều trông thấy...

*Xuân này hơn hẳn mấy xuân qua
Cắm vận" thôi rồi! Chỉ đồ-la!
Phen này các cụ tha hồ "phất"
Tham ô, móc ngoặc, nở như hoa!*

*Khách hỏi: "Ngài theo chủ nghĩa nào?"
"Thượng tâng: Lê, Mác, Sít, Hồ, Mao...
Hạ tâng: "Định hướng" tư bản tía...
Tay giương cờ đỏ, tay cầm dao."*

*"Dân chủ, Đa nguyên,...? Treo cổ chúng!
Độc tài, chuyên chính,... phải đề cao.
Diễn biến hòa bình, luôn cảnh giác:
Chúng ông nơm nớp sợ mất niêu!"*

Nguyễn Trung Ngôn
Paris, 2-94

Góp ý với những trao đổi dân chủ

Lê Minh Văn

LTS. Ông Lê Minh Văn là một cựu sinh viên trường Quốc Gia Hành Chánh VNCH đồng thời cũng là độc giả lâu năm của Thông Luận. Ông Lê Minh Văn đã gửi cho Thông Luận hai bài viết rất công phu. Dưới đây chúng tôi đăng một trong hai bài viết ấy để tiếng nói của những người từng chiến đấu trong hàng ngũ quốc gia được đối chiếu với tiếng nói của những người cộng sản chống đảng, bỏ đảng.

A. Kinh tế thị trường và tự do chính trị

Dân chủ và Thị trường là hai yếu tố liên kết hỗ tương không thể tách rời nhau được. Do đó khi những nhà lãnh đạo Việt Nam theo chân Trung quốc chủ trương "kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa" nhiều người phải tự hỏi phạm trù Xã Hội Chủ Nghĩa (XHCN) về thứ hai của phương trình ấy là gì? Phải chăng đó là một triết thuyết mới, xây dựng trên một ý niệm mới sản sinh trong những hoàn cảnh mới của Trung quốc và Việt Nam? Điều đó còn mơ hồ lắm, vì người ta chỉ viện dẫn nền chuyên chính XHCN như một công cụ bảo đảm ổn định chính trị. Thực tế, khi một nhà nước độc tài XHCN muốn những tay kích thích thị trường để tự cứu từ một nền kinh tế suy sụp trên đà tan vỡ, kết quả chẳng mấy tốt đẹp vì sự "pha trộn" giữa những khái niệm điều tiết của một hệ thống chỉ đạo một bên, và những qui luật của cơ chế thị trường tự do ở bên khác, sẽ không làm nảy sinh những yếu tố sinh động mới, cần cho phát triển. Cuộc hôn nhân gượng ép này thiếu hẳn tính "phối hợp" của một nền kinh tế thị trường đích thực trong một xã hội dân sự toàn hảo với những khái niệm rõ rệt về dân chủ chính trị và kinh tế, cùng phong cách văn hóa trong kinh tế đã bén rễ trong xã hội đa nguyên. Khi cởi mở nền kinh tế theo hướng thị trường, nhà nước XHCNVN đã đạt được một vài thành quả nhất thời, có tính bề mặt. Dù tổng sản lượng quốc gia 1993 có tăng 7,5% so với 1992, nhịp độ tăng trưởng kinh tế bình quân 7,2% trong các năm 1991, 1992, 1993 và thu nhập đầu người có tăng lên 165 USD năm 1993 thì những con số thống kê này chẳng nói lên được bao nhiêu tình trạng lành mạnh và sức khỏe của một nền kinh tế. Với liên minh "nhà nước-Tư bản đỏ", lợi tức QG rơi vào túi một thiểu số người có quyền thế trong lúc đại đa số quần chúng càng nghèo đi.

Các nhà lãnh đạo Việt Nam thường viện dẫn kinh nghiệm phát triển dưới những chế độ độc tài, "tân khổng giáo" ở Tân Gia Ba, "Quốc dân đảng" Đài Loan, hoặc quân phiệt ở Nam Triều Tiên... Nhưng họ quên rằng bản chất các chế độ ấy chẳng hề giống chế độ chính trị XHCN ở Việt Nam. Những chế độ độc tài những thập niên qua như Franco ở Tây Ban Nha cũ, Pinochet ở Chile cũng khác hẳn. Những chế độ ấy chỉ độc tài chính trị mà thả lỏng kinh tế cho những nhà tư bản. Do đó những cơ cấu căn bản của một nền kinh tế thị trường vẫn có thể xây dựng được và sẽ được điều tiết đúng hướng một khi các chính quyền nhất thời ấy sụp đổ. Ngược lại ở VN, nhà nước XHCN bao trùm mọi sinh hoạt quốc gia, kể cả lãnh vực kinh tế thông qua liên minh "nhà

nước CS-mafia kinh tế". Đảng và nhà nước dùng quyền hành tuyệt đối để bảo vệ, dung dưỡng cho những tay tư bản đỏ xuất thân từ lớp cán bộ thoái hóa tham nhũng hoặc những gian thương có liên hệ mật thiết với giới cầm quyền, cấu kết với những thế lực tư bản quốc tế, tha hồ đục ruỗng tài sản và sinh lực quốc gia. Nền kinh tế từ đó chỉ có thể phát triển một cách bệnh hoạn, lệch hướng. Về chính trị, những lực lượng tiến bộ sẽ bị triệt tiêu trong ngắn hạn, các phong trào dân chủ dù có hình thành được với sự thâm nhập của tư bản sau cấm vận cũng dễ dàng bị bao vây, phá hoại.

Tác dụng kép của tình trạng này là thiểu số cá nhân lãnh đạo trở nên giàu sụ trong lúc công khổ càng rộng, bộ máy nhà nước càng rệu rã vì thoái hóa và tham nhũng: yếu dần đi, giao động, mong manh để sẽ đi đến giai đoạn cuối cùng là tự nó sẽ tan vỡ ra từng mảnh.

B. Những vấn đề cần làm sáng tỏ trong trao đổi dân chủ

Dân chủ hóa đất nước là mục tiêu cao nhất của cuộc đấu tranh hiện tại. Nhưng phương thức đi đến vận hội đó vẫn là đề tài cho những cuộc tranh luận:

Thứ nhất: Việt Nam hiện có một tầng lớp trí thức chăng?

Từ khi Việt Nam chủ trương cởi mở kinh tế, một xu hướng tiến bộ đã hình thành trong lòng dân tộc. Luận điểm của giới trí thức XHCN nói chung có thể tóm tắt trong mấy điểm chính.

Đảng phải ý thức về ưu thế lịch sử của mình trong vai tưởng lãnh đạo. Đảng đã có công với dân tộc khi hoàn thành được cuộc tranh đấu giành độc lập. Nhưng xây dựng chủ nghĩa xã hội trên một nước VN lạc hậu là một sai lầm chiến lược.

Đảng phải thấy rõ nhu cầu dân chủ trong xu thế tiến hóa thời đại mà từ bỏ giáo điều Marx-Lenin, cải biến thành Đảng kiểu mới để vẫn tồn tại trong thế hợp pháp.

Trong hiện tình chính trị VN, các lực lượng xã hội chưa xuất hiện vì sự yếu kém của tầng lớp trí thức, Đảng vẫn là lực lượng nòng cốt duy nhất có khả năng lãnh đạo đất nước.

Đảng phải công nhận những quyền tự do tối thiểu như tự do phát biểu, hội họp, quyền bầu cử, ứng cử...

Giữa những trí thức đó, tiến sĩ Phan Đình Diệu đã nổi hẳn lên với những phát biểu chính trị rành mạch và có hệ thống của ông. Nhưng không thể tránh khỏi một vài hiểu lầm cần thảo luận khi ông bàn về những lực lượng xã hội. Gạt ra ngoài những trí thức cũ đào tạo ở miền Nam trước đây sống ở nước ngoài xa rời quê hương, tiến sĩ Diệu tỏ ý bi quan về hiện tình VN thiếu vắng một tầng lớp trí thức đủ để hình thành một lực lượng xã hội khả dĩ đối lập được với Đảng Cộng sản. Gọi là trí thức trong nước, ngoài những con bù nhìn trong quốc hội, những khoa bảng XHCN chỉ nặng về chuyên môn mà thiếu hẳn ý thức chính trị. Luận điểm này đã được góp ý. Người viết cũng nghĩ khác tiến sĩ Diệu. Xuất thân và quá khứ chính trị nhất thời của trí thức không quan trọng lắm. Nếu quan niệm trí thức là tinh thần "kể si" biết suy nghĩ, thao thức với vận nước và sẵn sàng nhập cuộc thì nền văn hóa đặc thù đã giúp dân tộc Việt Nam tồn tại mấy ngàn năm trong lịch sử bị hùng của nó, vẫn là cái nôi sản sinh trí thức bất kỳ thời điểm nào.

Tiếng nói dân tộc dân chủ đã cất lên từ mọi quá khứ, từ mọi thế đứng khác nhau; và dù bị trù dập, một cao trào đấu tranh cho Dân chủ đang hình thành, kết hợp trong lòng nó những thao thức không khác biệt nhau mấy. Những trí thức XHCN bao gồm những đảng viên phản tỉnh sẽ có khuynh hướng xích lại với trí thức miền Nam còn ở lại mà lòng can đảm và giá trị trí thức đã

được minh chứng qua các vụ án Cao trào Nhân bản của bác sĩ Nguyễn Đan Quế và Diễn đàn Tự do của giáo sư Đoàn Viết Hoạt... Tự do kinh tế sẽ phá vỡ dần từng mảng sức đề kháng của lực lượng thống trị mà hình thành xã hội dân sự với sự lớn mạnh của những lực lượng dân chủ trong nước, kết hợp với trí thức hải ngoại. Sự hỗ trợ về tài chính của khối Việt kiều nói chung sẽ đóng góp tích cực vào việc củng cố một tầng lớp doanh nhân mới, biết làm ăn, có kiến thức, về một thị trường đích thực. Kho báu kỹ thuật ấy sẽ là thế mạnh quyết định cho sự tiến bộ của đất nước trong tương lai. Cả về mặt chính trị, kiến thức hiện đại của trí thức đang sống và đóng góp ở những nước văn minh, tiến bộ nhất sẽ soi chiếu tầm nhìn quốc gia về những hướng đi chiến lược cho những cấu trúc chính trị, mô hình kinh tế, những sắc thái văn hóa mới và những tổ chức xã hội trong một hướng hoàn chỉnh nhất cho một nước Việt Nam vài ba chục năm sau. Dù hiện tại họ thiếu những dữ kiện của thực tế quê hương nhất thời, một hướng tiến biểu kiến cho xã hội Việt Nam tương lai được sàng lọc từ môi trường dân chủ họ đang sống sẽ không phải là một việc làm vô ích, nặng tính trình diễn như một vài định kiến có sẵn được phát biểu qua một trí thức làm công tác văn hóa trong nước, trao đổi với người Việt ở nước ngoài trên Thông Luận số 65. Cũng không được xác thực lắm luận điểm cho rằng hãy chờ đến khi các lực lượng xã hội đồng loạt xuất hiện ở Việt Nam, lúc ấy mô hình dân chủ cho đất nước sẽ từ thực tế mà nở rộ lên.

Thứ hai: Hòa hợp, hòa giải với ai và làm sao có được sự hòa hợp mong đợi?

Cụm từ "Hòa hợp hòa giải dân tộc" không mới. Nhưng trước thực tế nguy hiểm đang có cơ phá sản toàn bộ giá trị dân tộc, hòa hợp, hòa giải bỗng trở thành nhu cầu bức thiết và đặt ra những vấn đề nóng hổi.

1. **Hòa giải Dân tộc:** Tại sao đặt vấn đề hòa giải? Ai hòa giải với ai? Hòa giải như thế nào?

Khi mỗi bên đối chấp nhận thức được lỗi lầm về phía mình để xảy ra xung đột, nhu cầu hòa giải sẽ xuất hiện, và từ đó thiện chí hòa giải manh nha. Lịch sử cho thấy rằng dân tộc VN trung hậu, văn hóa VN bao dung, con người VN biết suy nghĩ nên thiện chí hòa giải luôn luôn có. Đặc biệt, những người VN hấp thụ nền văn hóa nhân bản phương Tây, cởi mở hơn, dễ thấy có nhu cầu hòa giải với người cộng sản. Nhưng ngược lại, những người đương quyền trong nước chưa công khai nhận lỗi lầm và chưa một lần muốn thành thật hòa giải như họ đã có lần kêu gọi. Điều đó dĩ nhiên. Khi Đảng của chuyên chính vô sản vẫn còn tồn tại, vấn đề hòa giải tất nhiên phải đi vào ngõ cụt. Nó chỉ được khai thông khi người cộng sản đang nắm chính quyền công khai nhận lỗi lầm lịch sử của họ và bày tỏ thiện chí trở về với dân tộc, tự lột xác thành những con người mới, có những tư tưởng mới.

2. **Hòa hợp** mới là vấn đề cần thiết trong thời điểm này để triển khai có lợi nhất cho cao trào tranh đấu cho vận hội dân chủ hóa đất nước. Hòa hợp là nguyện vọng của cả một dân tộc nạn nhân của hận thù dai dẳng được cổ vũ bởi những thế lực phản động trong nước có, ngoại lai có.

Cuộc chiến tranh được gọi là thần thánh "chống Mỹ cứu nước" thật sự cần thiết chẳng cho đất nước và dân tộc? Câu trả lời không thể không tiêu cực khi thế lực đô la của người Mỹ "bại trận" đang đổ vào VN để vực cho "người chiến thắng" kiệt quệ sống lại! Nó cũng thật cay đắng với một đất nước tan hoang tri trệ bị bỏ lại đằng sau đã tiến hóa hơn ba mươi năm từ khi nó được phát động.

Vấn đề đã được đặt lại. Nhưng bóng ma của nó vẫn còn ám ảnh nhiều người. Trong ngôn ngữ "trao đổi" vẫn còn những bài nói, bài thơ nặng tính hận thù, giết chóc; những phát biểu, tự bạch vẫn cho mình đứng cao hơn những con người phải lưu vong ở nước ngoài; vẫn còn tự hào nhắc nhở về thành tích chiến đấu "chống Mỹ nguy". Những mặc cảm vô ích ấy chỉ vô tình đánh trúng niềm đau thầm lặng của những kẻ bại trận, bị ngược đãi, mất quê hương trong cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn thâm khốc.

Lịch sử đang khép dần cánh cửa ngộ nhận cho những quá khứ chính trị khác nhau. Tất cả đều là nạn nhân của những thế lực u minh. Mong thay họ sẽ tìm được nhau với nụ cười anh em chân thật, nhiệt tình cởi mở, cột chặt thân phận với nhau trong cuộc chiến đấu mới (nhưng lần này hy vọng được hồn dân tộc soi sáng, dẫn đường. Mong thay!

Thứ ba: Khẳng định nhu cầu dân chủ đa nguyên

Trí thức miền Nam, trí thức XHCN bao gồm cả những đảng viên phản tỉnh đã phát biểu nguyện vọng tha thiết nhất của dân tộc về dân chủ và đa nguyên chính trị. Từ thế đứng cá nhân, họ đã bị đàn áp, bỏ tù hoặc kỷ luật, răn đe. Chính quyền cộng sản đang mất ăn mất ngủ vì "diễn tiến hòa bình" đang dần dần lan rộng.

Người Việt hải ngoại có những điều kiện thuận lợi hơn nhiều, đã vạch ra một hướng đi đồng thuận có giá trị phổ cập hỗ trợ và nuôi dưỡng cho những lực lượng trong nước lớn mạnh. Nhưng tiếc thay, ngôn ngữ chính trị sử dụng trong các đoàn thể, phe nhóm thể hiện những phong cách dân chủ tương phản đã làm cho sự kết hợp trở thành ảo tưởng. Từ đó những lực lượng riêng phải tìm thế liên lạc với những nhân tố tích cực trong nước chuẩn bị phương hướng tiến đến những tổ chức chung trong tương lai khi thời cơ thuận lợi. Nhưng cách biệt quan điểm hiện tại nằm trong phương cách tranh đấu và những mục tiêu ngắn hạn. Dân chủ hóa đất nước vẫn là cái đích cao nhất nhằm chống lại luận điểm "dân chủ sẽ đưa đến hỗn loạn". Vấn đề mấu chốt nằm ở đó. Nội dung cụ thể tranh đấu mang tính thuyết phục hay hoang tưởng nằm trong những luận cứ dân chủ xác thực và cần thiết cho tương lai đất nước. Dĩ nhiên cuộc tranh đấu đó không chỉ nhằm mục tiêu gần là đánh đổ bằng mọi giá chế độ cộng sản hiện tại mà không đưa ra một mô thức thay thế nó. Chấp nhận cuộc thư hùng dân chủ với một đảng cộng sản cải biến trong một viễn ảnh dân chủ cao xa bóng bẩy nhưng không tiên liệu những thế lực tác hại sau hậu trường chính trị sẽ chỉ đưa đến dân chủ giả hình. Một nền dân chủ đích thực cho VN trong giai đoạn chuyển mình ở thời kỳ hậu cộng sản cần một sự kết tinh các nguyên tắc dân chủ căn bản với kinh tế Việt Nam mà những yếu tố văn hóa truyền thống, tinh thần xã thôn, tâm lý năng động và những mặt tiêu cực nảy sinh dưới chế độ XHCN, nông thôn nghèo đói... phải được tính đến. Một mô hình thích hợp trong ngắn hạn vẫn có thể dự phóng dùng làm luận điểm đấu tranh tích cực với mô thức quái dị "Thị trường XHCN".

Thứ tư: Đảng CSVN phải chọn lựa để sẽ tồn tại như người khởi xướng trận thư hùng Dân chủ tương lai.

Viễn cảnh đó dĩ nhiên được nhiều người mong đợi. Nhưng những gì đã xảy ra ở VN cho đến bây giờ chưa cho thấy một hướng thay đổi đáng kể nào về chính trị trong tương lai gần. Đầu não Đảng CS vẫn chủ trương xây dựng chủ nghĩa xã hội (?), và mới đây trong dịp tưởng niệm Lênin còn mạnh mẽ khẳng định chủ nghĩa này chỉ mới thất bại ở Đông Âu và Liên Xô cũ vì người ta

đã áp dụng sai lạc nó! Một kết luận được rút ra là đảng CSVN đã quan niệm coi mô hình kinh tế chỉ là một bước tạm lùi như thời "kinh tế mới" đầu kỷ nguyên của Lênin? hoặc cải biến Lênin thành một chủ nghĩa "hiện thực" hơn vừa có khả năng đạt thịnh vượng kinh tế, vừa duy trì chuyên chính vô sản? Hiện tại điều này chưa được làm sáng tỏ. Sự cứng rắn của đảng CSVN vẫn còn chứa đựng những ẩn số bí mật; trong lúc với Trung Quốc, dư luận phương tây vẫn nghi là Đặng Tiểu Bình và phe cải cách của ông đang mơ Lý Quang Diệu với sự hồi phục những trật tự "Khổng giáo" để ổn định xã hội ở về thứ hai của công thức "thị trường xã hội chủ nghĩa"! Sự thật là nếu những mô thức của kinh tế thị trường tự do đã vận hành được trong lòng xã hội XHCN cũng có nghĩa là chủ nghĩa ấy đã mất hết thực chất, bị xói mòn. Huống hồ đất nước chỉ còn trông chờ vào nguồn đầu tư khổng lồ của các nước tư bản để gượng dậy khi Hà Nội mong ước hơn 20 tỷ USD từ đây đến năm 2000. Liệu những chiếc đề "điều tiết độ" mỏng manh của cơ chế XHCN có chống nổi "con lũ lụt" đó là?

Lý luận "dân chủ sẽ đưa đến hỗn loạn" cũng chỉ là một cái cớ. Dĩ nhiên những nhà lãnh đạo CS cuối mùa ở VN và Á châu sợ dân chủ. Vì trong xã hội ấy tất cả sẽ phơi bày trước công luận và chỉ có lẽ phải mới tồn tại. Nơi những nền dân chủ đa nguyên cả hàng trăm năm như Pháp chẳng hạn, những cuộc đình công của các công đoàn Air France, đóng cửa phi trường Paris trong nhiều ngày thiệt hại cả tỷ Franc đã không hề bị kết án. Trên những hệ thống truyền thông, các nhà lãnh đạo quốc gia đã bị phê phán và nhiều khi bị điều cốt dưới đủ mọi hình thức mà chẳng hề bị tru dập. Tính đa nguyên đó của dân chủ dĩ nhiên còn xa lạ lắm với nếp nghĩ Việt Nam đã quen khép mình với kỷ luật tự giác trong sự tôn trọng trật tự và quyền lợi chung. Tập đoàn CS lãnh đạo đã lợi dụng tinh thần đó mà áp đặt những tham vọng riêng tư của họ. Tình trạng không bình thường này sẽ còn tồn tại được và kéo dài chừng nào mà thế giới phương tây chỉ nhìn VN dưới khía cạnh lợi nhuận thuần kinh tế, lờ đi những vấn đề dân chủ và nhân quyền; chừng nào mà đối lập dân chủ còn chưa kết hợp được và từng lớp trí thức vẫn còn bàn xuông về dân chủ mà chưa chuyển qua hành động thực tế. Những nguyên tắc căn bản của dân chủ vẫn là nguyện vọng của mỗi người dân Việt tha thiết với tự do trong một thứ trật tự xã hội được bảo đảm bởi một nhà nước pháp quyền đích thực hình thành trong khung cảnh lập pháp dân chủ.

Cái lô gic của tình hình là sớm hay muộn nền dân chủ, tối cần thiết cho sự phục hồi quốc gia và tạo niềm phấn khích cho dân tộc vươn lên, cũng phải xuất hiện. Vấn đề đặt ra là liệu thiểu số đang nắm quyền đảng có thức tỉnh dân chủ kịp chẳng trước khi đất nước tan vỡ thêm; và tầng lớp trí thức có hành động được hữu hiệu để thúc đẩy quá trình đó hay không?

Mong thay tất cả mọi người có trách nhiệm lắng nghe được lương tâm mình qua tuyên ngôn độc lập mở đầu bản Hiến pháp Hoa Kỳ vẫn được xem như cây cổ thụ của nền dân chủ thế giới:

"Tất cả mọi người đều sinh ra bình đẳng. Họ được Thượng đế ban phát những quyền bất khả xâm phạm như quyền được sống, được tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc. Chính quyền dựng nên bởi con người chỉ nhằm bảo vệ những quyền ấy; và quyền hành thực sự của họ cũng chỉ có do sự đồng thuận của người bị trị. Khi mà hình thái chính quyền trở thành tai hại đối với mục đích ấy, người dân có quyền thay đổi hoặc hủy diệt nó".

Lê Minh Văn

Paris, 4-1994

Vấn đề nhân quyền và dân chủ

Nguyễn Hữu Chung

Trong bài viết trên Thông Luận tựa đề "Chính phủ Clinton và vấn đề nhân quyền" đề ngày 12-3-1993, tôi có viết trong phần mở đầu:

"Với chính phủ của ông Clinton, người ta bắt đầu thấy chính sách ngoại giao của Mỹ đặt nặng vấn đề nhân quyền, không như các ông Reagan và Bush, miệng nói nhân quyền nhưng lại đi đàm với bọn bạo chúa".

Tôi xin lỗi các bạn, đây là một sự sai lầm của tôi khi tin tưởng vào một người trẻ tuổi như ông Clinton và những trí thức (đa số là giáo sư đại học) được ông Clinton sử dụng trong việc bênh vực cho nhân quyền trong những ngày đầu nhiệm kỳ của ông. Bài báo được viết khoảng một tháng sau khi ông Clinton nhậm chức. Tinh thần của một ông tổng thống khi chưa nhậm chức hay mới vừa nhậm chức cũng giống lý tưởng của một thanh niên ở tuổi 20 hay mới tình đầu ở tuổi 18. Tinh thần của một ông tổng thống sau một năm nhậm chức thì đã khác. Cũng trong bài này, trên cơ sở của sự tin tưởng nơi việc bảo vệ nhân quyền của chính phủ Clinton, tôi có viết ở đoạn kết:

"Câu hỏi đặt ra là chính phủ Mỹ có khả năng trao đổi với Hà Nội chuyện cấm vận và chuyện nhân quyền hay không? Câu trả lời là... không. Bởi vì đối với cộng sản Việt Nam, chấp nhận tôn trọng nhân quyền là bước đầu chấp nhận dân chủ, là bắt đầu chịu thua. Về phía Hoa Kỳ, đòn bẩy duy nhất mà họ đang có đối với Hà Nội là chuyện cấm vận. Rút cái đòn bẩy đó đi thì không còn cái gì khác để chế ngự cộng sản Việt Nam. Chỉ rút nó đi khi nào thấy được một cái lợi lớn lao và bảo đảm có được cái lợi đó. Cộng sản Việt Nam có thể hứa đủ thứ. Nhưng ở Hoa Thịnh Đốn ai cũng biết rằng cộng sản Việt Nam nuốt lời hứa như nuốt một trái nho. Vì vậy, tuy nhiều người thấy rằng cái đòn bẩy cấm vận là không thẩm mỹ, là anachronique như ông tổng thống Mitterrand nói, nhưng chẳng ai muốn rút nó đi".

Cách nay không lâu, ông Clinton đã rút cái đòn bẩy đó ra. Lý do chắc chắn là chính phủ Mỹ đã thấy cái lợi lớn lao khi làm việc này. Việc chính phủ Mỹ không đòi Hà Nội một điều gì hết khi bỏ cấm vận đã làm nhiều người đặt câu hỏi: Không biết cái tinh thần tôn trọng nhân quyền của xứ Mỹ và của ông tổng thống Clinton có thật hay không? Tôi vẫn nghi là nó có, nhưng nó có không giống như chúng ta tưởng.

Văn hóa của Hoa Kỳ và các nước Tây Âu là một nền văn hóa dân chủ. Trong hệ thống giá trị của nền văn hóa này có sự tôn trọng nhân quyền. Ai không biết điều này, không tỏ ra tôn trọng nó là chứng tỏ rằng mình là một người vô học hay không tiến bộ. Vì vậy, sẽ là một điều bất bình thường khi những người trí thức như các ông Mitterrand hay ông Chirac khi đi viếng Việt Nam không nói cho mọi người nghe rõ là mình đã nêu vấn đề nhân quyền, vấn đề tù chính trị với Hà Nội. Cũng như người ta phải nói lên sự ghê tởm của mình khi thấy những cuộc tàn sát.



Nhưng sự tôn trọng những giá trị tinh thần của đa số ngưng ở đó, ở cái thái độ để chúng tỏ rằng mình không phải là người không có văn hóa. Chỉ có một thiểu số (càng ngày càng ít) tiến xa hơn trong việc tôn trọng và bảo vệ những giá trị tinh thần của mình bằng những hành động tích cực. Hành động tích cực có nghĩa là phải dấn thân, hy sinh thì giờ và tiền bạc (đôi khi phải chấp nhận nguy hiểm), là mất quyền lợi. Chính sách đối ngoại của chính phủ Hoa Kỳ và các nước Tây Âu đã chứng tỏ rằng các nước này chỉ biểu lộ thái độ tôn trọng nhân quyền trên nguyên tắc, nhưng họ không chấp nhận hy sinh để bảo vệ những giá trị tinh thần của họ như nhiều người lầm tưởng. Chính sách của họ đối với các chế độ độc tài và nhất là trong cuộc chiến ở Bosnie đã chứng tỏ điều đó.

Tại sao đến tận bây giờ Hoa Kỳ và Tây Âu mới quyết định can thiệp vào cuộc chiến này sau hai năm tàn sát, 200 ngàn người đã bị giết, hai triệu người mất nhà cửa và phải tị nạn, gần hết lãnh thổ Bosnie bị quân Serbe chiếm. Câu trả lời là tại vì áp lực của dư luận quần chúng Tây phương đã quá cao, vì người ta đã "hết chịu nổi" với những hình ảnh của những cuộc tàn sát, nhất là cuộc tàn sát gần đây do một quả đại bác rơi giữa chợ. Người Tây phương không thể tiếp tục ngồi nhìn khi mỗi ngày mỗi thấy trên TV của họ hình ảnh máu và xác chết của thường dân vô tội. Họ không chịu nổi vì đó là những lời nguyện rửa hàng ngày vào mặt họ. Cũng như mỗi ngày có một kẻ mất dạy đến đứng trước nhà họ chửi họ, chứ không phải vì có một kẻ mất dạy nào đó đang chửi một người khác ở một nơi khác. Đối với nhiều người, chuyện Bosnie đã vượt qua phạm vi nguyên tắc tinh thần, chính họ đang bị tấn công.

Sau thế chiến thứ hai, Hoa Kỳ lãnh đạo thế giới tự do và đưa ra nguyên tắc là họ sẽ can thiệp nơi nào dân chủ bị xâm phạm và can thiệp một cách cụ thể, bằng quân sự, khi lãnh thổ bị xâm chiếm bằng vũ lực. Nói vậy, họ thâm hiểu các chế độ độc tài trong vòng ảnh hưởng của họ là dân chủ. Trên nguyên tắc đó, các liên minh phòng thủ được thiết lập. Trong thực tế, Hoa Kỳ không can thiệp để bảo vệ dân chủ mà là can thiệp để bảo vệ vùng ảnh hưởng của họ. Trên bản đồ treo ở tòa Bạch Ốc cũng như trong thâm tâm người Mỹ, vùng ảnh hưởng của Hoa Kỳ, trong thời gian 45 năm chiến tranh lạnh, không có vùng Balkan. Vùng này thuộc ảnh hưởng của Liên Bang Xô Viết. Vì vậy, khi chiến tranh xảy ra ở Yougoslavie, Hoa Kỳ không thấy có lý do gì để cho NATO can thiệp, mặc dầu cuộc chiến đã rất dã man và phe Serbe quả là một phe phát-xít. Nhiều người bảo rằng đã có Liên Hiệp Quốc. Nhưng điều mà Liên Hiệp Quốc làm là để tránh việc chiến tranh có thể lan rộng vì ai cũng nhớ rằng chính nơi đây thế chiến thứ nhất đã bùng phát. Chúng ta thấy hình ảnh lính mũ xanh tiếp tế thực phẩm cho dân chúng và hoan hỉ về việc này. Nhưng chúng ta quên rằng Liên Hiệp Quốc đã phong tỏa không cho Bosnie được tiếp tế vũ khí, vì vậy Bosnie không có vũ khí nặng (xe tăng và đại pháo không thể lén lút đưa vào như vũ khí nhẹ) trong khi phe Serbe được trang bị nhiều vũ khí nặng (của quân đội Yougoslavie). Liên Hiệp Quốc can thiệp là để không cho các nước Hồi giáo trực tiếp giúp đỡ Bosnie vì sợ chiến tranh lan rộng. Nếu lính mũ xanh hiện diện ở đó không làm công việc tiếp tế thực phẩm cho dân chúng thì họ không còn chuyện gì khác để làm vì họ không có nhiệm vụ chống lại sự tiến quân của phe Serbe. Họ không làm hòa bình (peace making) mà chỉ giữ hòa bình (peace keeping) và khi hòa bình không có thì đâu có cái gì để giữ. Tối

ngày hôm nay, sở dĩ chính phủ Bosnie còn, một phần lãnh thổ Bosnie còn, là do sự chiến đấu anh dũng của người Bosnie chứ không phải do Liên Hiệp Quốc, trừ trường hợp thành phố Sebrenica, nơi mà vị tư lệnh Liên Hiệp Quốc người Pháp đã quyết tâm bảo vệ thường dân vô tội vì không có đường để di tản họ.

Quyết định gần đây của Hoa Kỳ và Tây Âu hăm dọa dội bom các dàn trọng pháo chung quanh thành phố Sarajevo nếu phe Serbe không chịu rút đi không phải là để cứu thành phố này mà là để tránh việc bị "nguyên rủa" hằng ngày bởi những hình ảnh đã man trên TV của họ, bởi vì họ, dưới lá cờ Liên Hiệp Quốc, đã bất công đối với Bosnie. Dù sao, nó cũng là một quyết định đáng khen vì nó chứng tỏ đa số dân chúng Tây phương còn muốn bảo vệ những giá trị tinh thần của mình. Nhưng rồi việc gì sẽ xảy đến? Đang có âm mưu ép buộc Bosnie phải chấp nhận hòa bình bằng cách nhượng cho phe Serbe những phần đất đã bị chiếm đóng. Lãnh tụ nào sẽ tuyên bố rằng đó là một nền hòa bình trong công lý? Nhưng làm sao để cho phe Serbe trả lại một phần lãnh thổ cho Bosnie? Chỉ có một cách, đó là ngưng phong tỏa Bosnie để xứ này có thể nhận vũ khí nặng hầu phản công để lấy lại đất. Nhưng chẳng có lãnh tụ nào dám nghĩ tới. Vấn đề mấu chốt là lãnh thổ của Bosnie và xứ này không thể tồn tại với những thành phố ốc đảo luôn luôn bị bao vây. Khi tôi viết những dòng này thì có tin phi cơ Hoa Kỳ đã bắn rơi bốn phi cơ Serbe. Đây chỉ là một thông điệp hay một hành động trong một kế hoạch? Phải chờ xem. Điều rõ ràng là chính sách của Hoa Kỳ và Tây phương ở vùng này, cho tới ngày hôm nay, là một sự sai lạc. Các lãnh tụ Hoa Kỳ và Tây phương không phải là những người hèn nhát, họ chỉ lo cho cái lợi vật chất của xứ họ để có lá phiếu nên ít khi chịu thấy xa.

Trước sự vị kỷ không thể chối cãi của họ, những người tranh đấu cho dân chủ ở các nước độc tài hy vọng gì ở họ? Đối với Tây phương, chiến tranh lạnh không còn nữa, chủ nghĩa cộng sản không còn nữa và sự tồn tại của bốn nước cộng sản Trung Quốc, Việt Nam, Cuba và Bắc Triều Tiên không còn là một mối đe dọa cộng sản. Tây phương chống cộng sản (vấn đề sinh tử) nhưng không chống độc tài (vấn đề giá trị tinh thần), vì vậy đối với họ việc vi phạm nhân quyền ngày hôm nay không còn ý nghĩa quan trọng như việc vi phạm nhân quyền trước đây dưới các chế độ cộng sản, khi mà điều này được dùng như đề tài số một trong công tác tuyên truyền chống cộng. Họ nghĩ rằng khi đã chấp nhận kinh tế thị trường, những nước như Trung Quốc, Việt Nam rồi sẽ lọt vào quỹ đạo của họ, phải chịu đi theo "trật tự kinh tế" của họ. Bao nhiêu đó đã đủ, việc các chế độ tiếp tục độc tài có thể là một điều "không hợp nhân" nhưng không vi phạm quyền lợi kinh tế của họ, vì vậy thỉnh thoảng họ chỉ phải phản đối khi dư luận chống đối lên cao.

Chính sách của Hoa Kỳ và các nước Tây phương đối với Trung Quốc trong những năm qua cho thấy một cách rõ rệt rằng điều họ bảo vệ là quyền lợi kinh tế chứ không phải lý tưởng tự do, dựa trên nhận thức rằng quốc gia cộng sản này không còn chống tư bản nữa. Thị trường tiêu thụ một tỷ người đã khiến cho Pháp là nước đầu tiên bình thường hóa bang giao với Trung Quốc sau vụ Thiên An Môn, sau mấy tháng lạnh lùng. Hoa Kỳ giận dữ và hăm hừ nhưng vẫn tiếp tục cho Trung Quốc qui chế tối huệ quốc. Trung Quốc biết rõ điều đó nên nếu thỉnh thoảng họ có làm một cử chỉ đẹp về phương diện nhân quyền là để giúp các chính phủ Tây phương lấy điểm với dân chúng chứ không phải vì sợ bị trừng

phạt. Đó chỉ là một xảo thuật. Thả một người tù chính trị rồi bắt nhiều người khác để "làm vốn". Như việc Trung Quốc muốn được tổ chức Thế Vận Hội năm 2000, trước khi ủy ban thế vận hội đại hội để chọn lựa, họ cho thả người tù nổi tiếng là Wei Jingsheng. Sau khi ủy ban này không chọn Trung Quốc, họ bắt một số người khác như nhà báo Xi Yang, nhà trí thức Gao Yu và nhiều người thuộc nhóm "Hiến chương hòa bình", một nhóm ôn hòa chủ trương dân chủ đa nguyên. Mới đây, Wei Jingsheng đã bị bắt nhốt mấy ngày sau khi gặp thứ trưởng ngoại giao Hoa Kỳ về nhân quyền, ông John Shattuck, và khuyên ông này rằng "Hoa Kỳ nên đặt điều kiện với Trung Quốc về vấn đề nhân quyền khi thảo luận về qui chế tối huệ quốc, vì đây là hy vọng duy nhất của những người đối kháng chính phủ". Nhiều người khác cũng vừa bị bắt cùng lúc với ông Wei. Muốn bắt, muốn thả lúc nào tùy nghi, điều này chứng tỏ rằng chính quyền Trung Quốc coi đám tù nhân chính trị như những miếng mồi để dụ dỗ người khác, thả ra để nhận một món quà, nhốt vào khi thấy mấy người này bắt đầu gây rắc rối, chứ chẳng có tôn trọng nhân quyền chi cả. Dư luận dân chúng Hoa Kỳ thì chẳng làm gì hơn ngoài những lời cảnh cáo để rồi rốt cuộc vẫn giao hảo tốt đẹp với Bắc Kinh.

Đối với Việt Nam thì sao? Tôi nghĩ mọi người đã rõ. Dân chủ và nhân quyền ở Việt Nam không có liên hệ đến chính sách của Hoa Kỳ và Tây phương đối với Hà Nội. Chúng ta không nên có ảo tưởng như nhiều người bên Pháp đã hồ hởi một cách thái quá vì mấy câu tuyên bố của ông Mitterrand ở Hà Nội. Dĩ nhiên là trong những ngày tới Hoa Kỳ sẽ nêu vấn đề nhân quyền với Hà Nội như là một đề tài trong nhiều đề tài thương thảo để đi tới việc bình thường hóa bang giao giữa hai nước. Nhưng tôi xin lập lại, nhân quyền không phải là một yếu tố quyết định, tuy rằng nó sẽ được chính phủ Mỹ quảng cáo rùm beng. Yếu tố quyết định là việc Hoa Kỳ thẩm định sau một thời gian bỏ cấm vận coi Hà Nội có chịu đi vào quỹ đạo kinh tế và quỹ đạo chiến lược của họ hay không, hay Hà Nội vẫn cứ ương ngạnh như Bắc Triều Tiên, Cuba, Iran, Iraq, Lybia, v.v... Dĩ nhiên là chúng ta phải kêu gào để dân chúng Mỹ quay mặt lại nhìn thăm trạng vi phạm nhân quyền ở xứ ta, vì dư luận có tham phiên thì chính phủ mới quan tâm và Hà Nội mới nhượng tay một chút đối với những người tranh đấu ở trong xứ. Về điểm này, phải thú thật một điều là cho tới ngày hôm nay người Việt ở Mỹ không gây được một ảnh hưởng nhỏ trong dư luận Mỹ. Lý do vì sao? Để tránh có thiên kiến, tôi xin nhường câu trả lời cho những lãnh tụ chống cộng bên Mỹ.

Nhưng điều cần phải lưu ý là dư luận ở trong nước còn quan trọng hơn dư luận ở ngoài nước. Theo chỗ tôi biết thì dư luận trong nước biết ít hay không để ý đến vấn đề tranh đấu cho dân chủ và nhân quyền. Những vụ án Nguyễn Đan Quế, Đoàn Viết Hoạt, những vụ đàn áp Phật giáo đã không là một đề tài bàn tán của quần chúng, trừ một số nhỏ trí thức ở Sài Gòn. Tại sao? Đường như người dân Việt Nam, nhất là người dân miền Bắc, đã quen với kiếp người bị trị. Người ta sẵn sàng chửi nhau nửa ngày vì chuyện con chó nhà hàng xóm đái bậy hay chuyện một đứa trẻ con chơi nghịch, nhưng trước mặt một người cán bộ (không cần phải là công an) thì họ co rút lại, chẳng dám cãi lý, tuy rằng họ có lý. Tương quan giữa nhân dân và chính quyền chỉ được thực hiện bằng năn nỉ, chạy chọt hay trốn tránh. Đã bỏ cấm vận, sẽ có nhiều người ngoại quốc vào Việt nam, nếu họ thấy dân chúng Việt Nam ù lì, không có tinh thần mong muốn tự do dân chủ thì khi trở về bản xứ, chẳng những họ không giúp tạo một dư luận

thuận lợi mà còn cười khi thấy chúng ta, những người Việt hải ngoại tranh đấu cho dân chủ ở Việt Nam.

Ngoài ra, còn một điều thực tế là nếu đảng cộng sản Việt Nam sụp đổ hay chấp nhận đổi mới chính trị thì dân chúng Việt Nam có sẵn sàng hay chưa? Tôi không đặt vấn đề trình độ dân trí của người Việt Nam có đủ để có một chế độ dân chủ hay không. Tôi nghĩ rằng đã đủ và còn có thể thừa để khởi đầu dân chủ. Điều tôi muốn nói là sự ham muốn dân chủ và tự do, và coi đó như một điều kiện cần của đời sống xã hội. Vì có ham muốn thì mới tranh đấu để đạt được. Nhưng nếu không thể đổ máu ra mà tranh đấu vì sự đàn áp quá dã man thì cũng phải biểu lộ sự ham muốn của mình, cũng như một người đói, nếu không đập tù kiếng để cướp đồ ăn vì sợ công an bắn chết thì cũng phải nói cho người khác biết rằng mình đói để người ta tìm cách cho mình ăn. Và khi vì một lý do nào đó mà tự do dân chủ tới thì cũng phải biết chạy ra đường mà ôm lấy nó và nuôi dưỡng nó, chứ không để những kẻ đầu cơ chính trị ôm lấy rồi đem xé thịt. Bởi vì nếu không phải dân chúng Việt Nam, ở trong nước Việt Nam, nuôi dưỡng tự do dân chủ của họ thì ai sẽ làm điều đó? Chẳng lẽ lại cần ông tổng thống Tây hay ông tổng thống Mỹ đứng kề kề một bên cạnh chừng không cho ông tân tổng thống Việt Nam xé thịt nền dân chủ mới ra đời. Chế độ độc tài nào cũng khởi đầu bằng những khẩu hiệu dân chủ, nhưng vì dân chúng không đem tâm nuôi dưỡng dân chủ, và nhất là lớp trí thức lại không thức mà ngủ yên, gối đầu trên bóng lộc triều đình.

Vì vậy, điều mà mọi người Việt Nam hải ngoại cần làm là đem tinh thần dân chủ, tư tưởng dân chủ, thái độ dân chủ về Việt Nam, nếu mình có những thứ đó. Để người dân Việt Nam thấy đó mà thích. Có thích mới tìm. Xin đừng trở về với vẻ sang cả vì trong túi có vài ngàn đô-la. Bởi vì đô-la thì người Việt chẳng có bao nhiêu so với người Tàu để mà tự phụ. Còn về đáng đáp thì dù mình có tở ba lớp phấn hay mang ba cái ca-vát thì mình cũng chẳng thành Tây. Chỉ cung cách xử sự của mình sẽ cho thấy mình có học được gì ở xứ văn minh. Nhân vấn đề này, tôi muốn nói lên đây sự thán phục của tôi đối với Tổ Chức Phục Hưng vì những thành viên của tổ chức này từ nhiều năm qua đã hy sinh rất nhiều công và của để đưa tiếng nói dân chủ về Việt Nam bằng cách trước đây đã yểm trợ đài phát thanh Irina ở Moscou và hiện tại tự thực hiện lấy chương trình phát thanh mỗi ngày về Việt Nam. Tôi kêu gọi tất cả thân hữu và đồng bào khắp nơi ủng hộ anh em Phục Hưng. Qua tài liệu mà tôi nhận được thì tôi thấy chương trình lúc ban đầu của ban phát thanh này rất thông minh, dựa trên sự thông tin trung thực chứ không chửi bới. Đây là chương trình phát thanh của riêng người Việt hải ngoại, nó không phải là phần Việt ngữ của đài tiếng nói Anh, Pháp hay Hoa Kỳ. Nó sẽ giúp cho người trong xứ hiểu rõ hơn về người Việt hải ngoại. Nhưng theo ý tôi, hình ảnh và thái độ của những người Việt trở về xứ còn quan trọng hơn. Chẳng những quan trọng hơn chương trình phát thanh này mà còn quan trọng hơn những lời tuyên bố của những ông tổng thống Tây hay Mỹ. Khi người Việt hải ngoại trở về và mưu tìm trong sự bất hợp pháp cái vui chơi hay cái lợi lộc gì đó thì họ đã hủy hoại tương lai xứ sở. Những người đó đáng hổ thẹn khi trở sang đây chê bai cộng sản.

Nguyễn Hữu Chung
Montréal 4-3-1994

Richard Nixon và luật chơi dân chủ

Ngày 27-4-1994, Hoa Kỳ làm lễ quốc táng một vị tổng thống đã phải từ chức 20 năm trước đây: Richard Nixon - mất ngày 22-4-1994, thọ 81 tuổi. Các vị tổng thống kế tiếp: Gerald Ford - Jimmy Carter - Ronald Reagan - George Bush - Bill Clinton đều có mặt. Các nhà lãnh đạo quốc gia trên thế giới đều bày tỏ lòng ngưỡng mộ và cho rằng Richard Nixon là một nhà lãnh đạo sáng chói nhất trong thế kỷ 20 về chính trị quốc tế và là một người đã đóng góp lớn trong công việc xây dựng hòa bình. Riêng người Mỹ vẫn còn ray rứt giữa công và tội của ông. Đối với hàng triệu người, Richard Nixon là nhà lãnh đạo sáng suốt nhất trong lịch sử Hoa Kỳ, nhưng cũng là người đã vi phạm luật chơi dân chủ. Đó là điều mà một dân tộc lớn không thể chấp nhận được. Tuy nhiên với ý chí vươn lên từ thất bại, với bản năng không chấp nhận bỏ cuộc, trong 20 năm (61-81 tuổi), Richard Nixon đã gây được một phần nào tín nhiệm trong quần chúng. Ông không còn là một trong 10 người đáng ghét nhất của dân tộc Mỹ, như ở thời điểm 1979, sau khi xảy ra vụ Watergate.

Richard Nixon sinh ngày 9-1-1913 tại Yorba-Linda, California, trong một gia đình khiêm tốn. Cha ông - ông Frank Nixon - đã phải làm nhiều nghề để sinh sống như thợ mộc, công nhân, nông dân, chủ tiệm chạp phô và xăng dầu. Mẹ ông - bà Hanna Milhous - cựu sinh viên trường đại học Whittier, giỏi ngoại ngữ, sùng đạo và tranh đấu tích cực cho những giá trị đạo đức. Từ nhỏ, đời sống và giáo dục gia đình đã dạy cho ông biết giá trị của sự cố gắng, của ý chí thành công. Ông học giỏi, có tài hùng biện và thành công sớm trong chính trường. Năm 24 tuổi, tốt nghiệp đại học luật (Duke University); 33 tuổi, dân biểu; 37 tuổi, thượng nghị sĩ; 39 tuổi, phó tổng thống.

Trong tám năm giữ chức vụ phó tổng thống, ông đã thăm viếng 54 quốc gia, tiếp xúc với nhiều nhà lãnh đạo lớn (De Gaulle, Churchill, Kroutchev) và đã nghiên cứu tình hình thế giới. Nhưng vào năm 1960, ông bị J.F. Kennedy đánh bại trong cuộc tranh cử vào chức vụ tổng thống. Hai năm sau, ông lại thua Pat Brown trong cuộc tranh cử vào chức vụ thống đốc California. Chán nản, ông tuyên bố rời khỏi chính trường. Tuy nhiên, không ít lâu sau, ông chuẩn bị nhận lãnh những chức vụ quan trọng trong đảng Cộng hòa. Năm 1968, ông là ứng cử viên tổng thống của đảng này và đã thắng phó tổng thống Hubert Humphrey, ứng cử viên của đảng dân chủ. Vào thời đó, xã hội Mỹ bị khủng hoảng trầm trọng do sự kéo dài cuộc chiến Việt Nam, do sự hoang mang của giới trẻ trước xã hội tiêu thụ, do sự nổi dậy của người da đen đòi được bình đẳng về quyền công dân. Thêm vào đó, giới trí thức, vì không tín nhiệm vị tân tổng thống này, đã không hướng dẫn dư luận để làm giảm bớt sự căng thẳng. Nước Mỹ có nguy cơ lâm vào tình trạng hỗn loạn. Ba năm sau, R. Nixon đã giải quyết được những vấn đề lớn. Những cải cách xã hội đã mang lại một vài kết quả tốt và nhất là sự thành công vượt bậc của ông

trong lãnh vực chính trị quốc tế. Cuộc viếng thăm Trung Hoa của ông từ ngày 21 đến 28-2-1972, đã mở đầu cho cuộc bang giao mới giữa hai nước (và đã không ảnh hưởng đến quan hệ giữa Hoa Kỳ và Đài Loan). Tiếp theo là sự thành công trong cuộc thương thuyết với L. Brejnev vào cuối tháng 5-1972 về việc giới hạn vũ khí chiến lược SALT. Và sau đó là hòa đàm Paris, chấm dứt sự tham chiến của Hoa Kỳ tại Việt Nam. Ông được nhân dân Hoa Kỳ hoan nghênh và tái đắc cử một cách vẻ vang với hơn 60 phần trăm số phiếu. Nhưng hơn một năm sau, ngày 8-9-1974, ông phải từ chức vì vụ Watergate. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử Hoa Kỳ một vị tổng thống phải từ chức.

Vụ Watergate bắt đầu từ đêm 17-6-1972 khi cảnh sát bắt gặp một ê-kíp 5 người đặt micro tại văn phòng vận động bầu cử của đảng Dân chủ trong toà nhà Watergate. Sau hơn một năm điều tra, những bằng chứng cụ thể cho thấy tổng thống R. Nixon đã nói dối, tìm cách mua chuộc sự im lặng của các thủ phạm và đã lạm dụng quyền hành. Báo chí và nhân dân Hoa Kỳ phản đối mãnh liệt khiến R. Nixon phải từ chức. Nếu không, ông có thể bị truy tố và có thể bị ở tù.

Có nhiều dư luận cho rằng người Mỹ đã quá nghiêm khắc trong việc đánh đuổi một vị tổng thống tài ba, có công với quốc gia. Nhưng dân chủ có những luật chơi của nó. Sức mạnh của dân chủ là niềm tin vào các giá trị căn bản. Khi các giá trị này bị coi thường thì niềm tin sẽ bị lung lay và nền móng dân chủ sẽ bị chao đảo. Dân chủ cần thiết và quý giá hơn cả, không có nó, không có một nhà lãnh đạo tài ba nào có thể mang lại phồn vinh, hạnh phúc cho một dân tộc.

Giữa luật chơi dân chủ và R. Nixon, nhân dân Hoa Kỳ đã chọn lựa luật chơi dân chủ, và đó là một chọn lựa lành mạnh của một dân tộc lớn. Chính R. Nixon cũng đã thú nhận lỗi lầm của ông là đã không tôn trọng những luật chơi chính trị và đã không tự giữ mình như các vị tổng thống trước. Ông là người đã từng cho và nhận những cú đấm, nhưng trong vụ Watergate, ông đã nhận lấy những cú đấm ngàn cân của chính ông, vào lúc 61 tuổi. Ông buồn phiền và lâm bệnh nặng. Nhờ gia đình, bạn bè và bản năng không chấp nhận bỏ cuộc, ông đã vươn lên từ đáy vực thẳm và dùng quãng đời còn lại để phục vụ hữu ích cho quốc gia. Ông viết hồi ký và những tác phẩm địa chính, và hoạt động không ngừng. Ông được các vị tổng thống kế tiếp tham khảo và được nhiều quốc gia tiếp đón như một quốc khách. Sau 20 năm càn cù cố gắng, ông đã lấy lại sự tín nhiệm của phần lớn quần chúng Hoa Kỳ bằng thái độ sống của ông hơn là bằng kiến thức hay kinh nghiệm chính trị. Tình yêu gia đình vợ con, tình yêu lý tưởng, lòng dũng cảm, sức sống của ông đã làm cho nhiều người Mỹ xúc động và ngưỡng mộ.

Võ Xuân Minh

Pháp quyền hay pháp trị ?

Trần Thanh Hiệp

Xuất hiện từ trong nước ít lâu nay, từ ngữ "pháp quyền" bắt đầu được sử dụng trên các báo của người Việt ở ngoài nước. Lo ngại rằng hiện tượng này có thể gây nên nhiều sự hiểu lầm về những ngữ nghĩa của từ ngữ "pháp quyền" đứng riêng, hoặc đứng chung với từ ngữ Nhà nước trong thành ngữ "Nhà nước pháp quyền", vào dịp một cuộc hội thảo* tôi có đưa ra một số ý kiến về từ ngữ có vấn đề ấy. Dưới đây là bài tham luận của tôi, phần đầu chỉ tóm lược, phần sau có thêm một vài bổ sung nhỏ.

I. Pháp quyền, pháp trị về mặt "danh" hay là mặt hình thức

"Pháp quyền", từ ngữ mới

(...) Gần đây, nhân có nhiều trao đổi ý kiến về các vấn đề đa nguyên, đa đảng, dân chủ, đổi mới v.v..., người ta thấy xuất hiện trên sách báo trong nước một từ kép mới, "pháp quyền". Việc sửa đổi hiến pháp đã buộc các người lãnh đạo, các quan chức cộng sản phải nói tới "pháp quyền". Năm 1992, Viện Nhà nước và Pháp luật ở Hà Nội đã xuất bản một cuốn sách nhỏ dày hơn 100 trang dưới tựa đề "Tìm hiểu về Nhà nước pháp quyền", sáng tác chung của một tiến sĩ, ba phó tiến sĩ khoa học pháp lý và một luật gia. Ngoài ra, một nhân vật trí thức được coi như có xu hướng chống đảng, giáo sư Phan Đình Diệu, công khai lên tiếng cổ vũ cho việc thiết lập một "Nhà nước pháp quyền". Có lẽ thái độ chống đối tuy ôn hòa nhưng ở ngay trong lòng chế độ ấy đã gián tiếp làm cho từ ngữ "pháp quyền" được hội nhập dễ dàng vào ngôn ngữ chính trị của người Việt ở ngoài nước và bắt đầu được lác đác sử dụng trên báo chí hải ngoại. Kết quả là về mặt thuật ngữ, vì từ ngữ mới "pháp quyền" xen lẫn với những từ ngữ cũ "pháp trị", "pháp luật", người đọc không biết là có khác biệt giữa "pháp quyền", "pháp trị", "pháp luật" hay không và nếu có thì phải căn cứ vào đâu để nhận biết!

(...) pháp luật, trước hết là một vấn đề ngôn ngữ vì ngôn ngữ trong pháp luật là sự thể hiện của quyền lực nên phải thận trọng. Dùng "danh" (hay "cái để biểu đạt", le signifiant) của cộng sản thì phải hiểu rõ "thực" (hay "cái được biểu đạt", le signifié) của nó là gì. Để tránh tệ trạng chính tà, thị phi đảo lộn, làm mất công sức phục hồi sự thật như thói tục đảo điên trong sinh hoạt chính trị, văn hóa gần hai thập niên qua ở hải ngoại đã cho thấy.

(...) muốn hiểu rõ nội dung chữ "pháp quyền" thì không thể chỉ căn cứ vào nghĩa riêng của hai từ đơn "pháp" và "quyền" rồi kết luận vội vàng và đại khái - nhưng rất sai lầm - rằng "pháp quyền" có nghĩa là pháp luật với quyền cao nhất. Phải đặt chữ này vào trong hệ thống các văn bản qui chuẩn cấu thành chế độ xã hội chủ nghĩa đương hành, trong ý hệ cộng sản mới làm lộ rõ được nội dung đích thực của nó. Nếu làm như thế thì sẽ thấy ngay rằng "pháp quyền" không biểu thị loại pháp luật mà chúng ta biết và chấp nhận nghĩa là loại pháp luật của các nước dân chủ tự do. Trái lại, nó biểu thị thứ pháp luật riêng của cộng sản hoàn toàn khác - tới mức độ trái ngược - với pháp luật không cộng sản. Như vậy, không có lý do gì để dùng nó.

Chữ "pháp quyền" ở đâu ra?

(.) Không đi quá sâu vào địa hạt chuyên môn rất phức tạp của luật học, chỉ xin nêu lên một vài cơ sở xét đoán để giải thích tại sao không nên dùng "pháp quyền". Điều không nên quên là các nhà lãnh đạo, các quan chức, các luật gia cộng sản không dùng pháp luật, pháp trị, lại dùng "pháp quyền" không phải vì họ không biết đã có các chữ pháp luật, pháp trị mà tại vì họ không muốn nhượng bộ các đòi hỏi dân chủ vì nhượng bộ thì sẽ bị lôi cuốn vào việc phải chấp nhận và áp dụng thứ pháp luật của các nước tự do dân chủ.

Chính vì thế mà họ đã phải mượn chữ "pháp quyền" - đã có từ trước nhưng với một nghĩa khác - mượn cách Trung Cộng đã dùng chữ này để dịch chữ "droit" của người Pháp. Ông TSIEN Tehe Hao, tiến sĩ luật khoa, năm 1980 trong một cuộc hội luận của "Trung tâm triết học về pháp luật" ở Paris, cho biết rằng Trung Cộng đã dùng chữ "faquan" (pháp quyền) với nghĩa của chữ "droit", như khi họ dịch chữ "droit bourgeois" là "zichan faquan, tư sản pháp quyền". Ông còn nói thêm "pháp quyền" hiểu theo ngữ nghĩa là "quyền do luật định (pouvoir légal)". Với mọi dự phòng sai, sót và căn cứ vào những tài liệu của chính "Đảng Cộng sản Việt Nam", tôi xin đưa ra một giả thuyết là chữ "pháp quyền" chỉ mới bắt đầu được dùng công khai, theo nghĩa mới, không sớm hơn năm 1985 (về bằng chứng, xin xem ở dưới). Trước đó, một số từ điển Hán-Việt, Hán-Pháp, Pháp-Hán xuất bản từ những năm 30 đến những năm 60 ở Hồng Kông, Thượng Hải, Hà Nội, Sài Gòn đều có ghi chữ "pháp quyền" nhưng chỉ để đối dịch chữ "jurisdiction" của Pháp và có nghĩa là "quyền tài phán" tức là quyền để xét xử. Ở những thời điểm ấy, nó không hề có nghĩa tổng quát ngang với chữ "pháp luật". Hai cuốn từ điển Pháp-Việt và Hán-Việt của Đào Duy Anh không thấy ghi chữ "pháp quyền". Cần nhấn mạnh rằng các từ điển Việt Nam xuất bản tại Hà Nội, như "Từ điển tiếng Việt" (1977) hay "Từ điển Pháp-Việt, Dictionnaire français-vietnamien" (1981) đều không thấy ghi chữ "pháp quyền". Cuốn từ điển thứ hai này đã dịch chữ "droit" là "luật, pháp luật" và chữ "jurisdiction" là quyền xét xử. Mãi đến năm 1992 cộng sản mới ghi chữ "pháp quyền" vào các từ điển của họ như cuốn "Từ điển tiếng Việt" hay "Từ điển Việt-Pháp" với những nghĩa mới. Từ điển tiếng Việt định nghĩa "pháp quyền" (danh từ) là "Hệ thống pháp luật tiêu biểu cho quyền lực của Nhà nước, cho bản chất của một chế độ". Còn "Từ điển Việt-Pháp" thì dùng chữ "droit" để đối dịch chữ "pháp quyền" (ngoài ra, chữ này cũng còn có nghĩa thứ hai là quyền xét xử, nghĩa của chữ "jurisdiction"). Những điều kể trên cho phép qui kết rằng cộng sản đã dùng chữ "pháp quyền" với một nội dung rất xác định để dịch chữ "droit" của Pháp và vì thế không thể coi "pháp quyền" là tương đương với "pháp luật", quá thông dụng và hầu như đã mất tính cách thuật ngữ để thành khẩu ngữ. Nhưng nội dung cộng sản muốn có là nội dung nào? Điểm này sẽ được quảng diễn ở phần II là phần bàn về nội dung. Xin trích dẫn ba đoạn rất tiêu biểu cho quan điểm cộng sản về pháp luật của họ tức là về "pháp

quyền".

Đoạn trích dẫn thứ nhất liên quan đến "pháp quyền" khi chữ này chưa được chính thức dùng để dịch chữ "droit":

"Hiến pháp vừa phải ghi lại những thành quả đã đạt được, 'hợp pháp hóa' các thành quả đó, ổn định các thành quả đó thành "pháp quyền" (tức là được qui định thành pháp luật và được bảo đảm bằng pháp luật) nhưng không thể không đề cập những mục tiêu phải đạt trong tương lai, một tương lai không xa lắm...". (*Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Hà Nội 1985, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, tr. 344*).

Hai đoạn trích dẫn còn lại cho thấy dưới mắt đảng cộng sản, luật pháp nghĩa là gì:

1. "Luật: văn bản do cơ quan quyền lực tối cao ban hành qui định những phép tắc trong quan hệ xã hội, buộc mọi người phải tuân theo" (*Từ điển tiếng Việt, Hà Nội 1992, Trung tâm từ điển ngôn ngữ*).

2. "Trong hệ thống pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, luật hình sự có vị trí rất quan trọng. Nó là công cụ sắc bén của Nhà nước chuyên chính vô sản để bảo vệ những thành quả của cách mạng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa..." (*Lời nói đầu, Bộ Luật hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Hà Nội 1985, Nhà Xuất bản Pháp lý*).

Rõ ràng là một định nghĩa dành riêng cho pháp luật cộng sản với những mập mờ cố ý: cơ quan quyền lực tối cao theo hiến pháp là quốc hội nhưng theo thực tế thì là "Đảng". Sử dụng chữ "pháp quyền" trong ngữ cảnh ấy như là một chữ tương đương với chữ "droit" thì không thể chủ quan đến mức coi rằng đó là cùng một thứ pháp luật hiểu theo nghĩa của luật học không cộng sản. Nếu trong thâm tâm không chấp nhận luật của cộng sản thì tốt hơn hết là đừng dùng chữ "pháp quyền". Chữ "droit" xưa nay vốn được dịch là "pháp", ghép hai từ "pháp", "quyền" vào nhau cũng vẫn để dịch chữ ấy là vừa thừa lại vừa thiếu. Thừa là vì đã là pháp thì tất nhiên là có quyền (để chế tài, *trừng phạt*). Vấn đề là quyền ấy ở đâu ra và phải được hành sử như thế nào (trong trường hợp Việt Nam XHCN, quyền của pháp ở dưới Nghị quyết của Đảng). Như vậy, chỉ nói đến quyền không thôi, là nói thiếu. Và Nhà nước nào cai trị bằng thứ "pháp quyền" ấy cũng không thể là một nhà nước "pháp trị" theo nghĩa quen thuộc của danh từ.

II. Pháp quyền và pháp trị về mặt "thực" hay là mặt nội dung

Pháp trị và Nhà nước pháp trị

Như trên đã nói, "pháp quyền" chỉ là một nhãn hiệu cộng sản dùng để dán vào "pháp luật" tự do dân chủ mà thực chất khác xa pháp luật cộng sản. Lấy "pháp quyền" để dịch thành ngữ *État de Droit* là "Nhà nước pháp quyền" thay vì "Nhà nước pháp trị" là còn làm lớn thêm hơn nữa khoảng cách giữa hai thứ pháp luật ấy. Có thể nói, khoảng cách một trời một vực vì thêm vào sự khác biệt của hai thứ pháp luật lại còn có sự khác biệt của hai loại nhà nước!

État de Droit, tiếng Đức *Rechtsstaat*, (Nhà nước pháp trị) là một đề tài luật học không đơn giản như nhiều người tưởng, nhất là nếu chỉ hiểu Nhà nước pháp trị qua định nghĩa sơ sài của pháp trị là "căn cứ vào pháp luật để trị lý quốc gia". Cần nhấn mạnh ngay rằng "nhà nước pháp trị" nói tới ngày nay không phải là loại "nhà nước pháp trị" thuở xưa trước Công nguyên, vào thời của các pháp gia nổi tiếng như Quản Trọng (nước Tề), Tử Sản (nước Trịnh), Công Tôn Ưng (nước Tần), Thận Đáo (nước Triệu), Lý Tư (nước Tần), Hàn Phi Tử (một pháp gia kiệt xuất không có dịp thi thố tài năng nhưng đã bị giết chết vì tư tưởng pháp trị của

mình) v.v...

Với một quá trình hình thành và biến đổi, ngày càng hoàn mỹ, dài trên năm thế kỷ, Nhà nước pháp trị là thành quả của nhiều cuộc cách mạng vừa đổ máu vừa ôn hòa, là nơi tàng trữ những giá trị văn hóa phương Tây, là tinh hoa của văn minh phương Tây và trước thềm thế kỷ 21, đã trở nên kiểu mẫu lý tưởng tổ chức xã hội cho nhân loại.

Miêu tả đầy đủ ở đây các loại nhà nước pháp trị là điều không làm được vì khó mà bao quát hết, dù chỉ phác họa sơ qua hình thể (configuration) của tất cả các nhà nước pháp trị đã hiện hữu ở phương Tây. Tuy nhiên, để tiện việc so sánh nhà nước pháp trị với "Nhà nước pháp quyền", tưởng cũng nên nêu lên những đặc tính chung của các nhà nước pháp trị:

1. Nhà nước pháp trị là nhà nước sinh ra để chống chuyên chế và vì vậy có bản chất chống chuyên chế, bắt đầu bằng việc chống thần quyền, quân quyền tuyệt đối.

2. Nhà nước pháp trị là sự biểu lộ khát vọng của loài người muốn chinh phục phẩm giá, quyền lực cho "con Người" (*l'Homme, la Personne*) nạn nhân của thần thánh, vua chúa, thiên nhiên, đồng loại v.v...

3. Nhà nước pháp trị, do đó, là nhà nước của mọi con dân trong một nước (nghĩa là của quốc dân) và bởi thế nó được coi như là nhà nước của quốc gia dân tộc (*la Nation*) không phải của riêng của một cá nhân, một giòng họ, một tôn giáo, một giai cấp, một đảng phái, một tập đoàn cầm quyền nào v.v...

4. Nhà nước pháp trị, để tồn tại mà không mất bản chất, đã thiết lập và thượng tôn một trật tự xã hội dựa trên pháp luật, trật tự pháp lý (*ordre juridique*); trong hệ thống pháp luật (pháp chế) của trật tự pháp lý này, các quy phạm có đẳng cấp trên dưới rõ rệt (hiến pháp, luật, văn bản dưới luật v.v...) không ai có thể tùy tiện đảo lộn hay xóa bỏ.

5. Nhà nước pháp trị, bởi vậy, đã phải phân chia quyền hành minh bạch (lập pháp, hành pháp, tư pháp) và hành sử các quyền này theo đúng kỷ cương, có sự kiểm soát nghiêm mật để tránh lạm quyền, bảo đảm cho các "nhân quyền", thành văn hay không thành văn, được thực sự tôn trọng, để cho con người, mọi người, có cơ hội hành sử tự do của mình, để cho có đa nguyên về tư tưởng, về tổ chức v.v... Nhà nước pháp trị là nhà nước có đặc điểm nổi bật "ít nhà nước".

6. Nhà nước pháp trị, kể từ thập niên 50, ngày càng có xu hướng mạnh mẽ rộng ra ngoài biên cương của quốc gia phạm vi hoạt động của mình (Liên Hiệp Quốc) và đến thập niên 90 thì các hệ thống pháp luật riêng đã bắt đầu có sự điều hành chung đang có cơ đi tới thống nhất làm nền tảng cho một trật tự pháp lý toàn cầu.

7. Nhà nước pháp trị, nói tóm lại, là dấu tích mà loài người đã và đang lưu lại trên bước đường tiến hóa xa dài đã qua và còn đang đi tới của mình.

8. Nhà nước pháp trị, như lịch sử đã chứng minh, cho đến nay là nhà nước của dân chủ tự do (*démocratie libérale*), những nhà nước chuyên chính cũ để trở thành nhà nước pháp trị đều tự hủy diệt mầm mống chuyên chính, như Liên Xô cũ và các nước ở Đông Âu.

Trung Quốc, Việt Nam (Cuba, Bắc Hàn chắc cũng vậy!) không nói pháp trị, chỉ nói "pháp quyền" là để tiếp tục duy trì chuyên chế (chuyên chính).

Nhà nước hiện nay ở VN không phải là Nhà nước pháp trị

Đến đây, có thể nêu lên hai câu hỏi. Thứ nhất, Nhà nước Cộng

hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay tuy mang nhãn hiệu "Nhà nước pháp quyền" có phải là nhà nước pháp trị không? Thứ hai, nếu là không, hay chưa, là nhà nước pháp trị thì trong tương lai nó có thể trở thành nhà nước pháp trị được không?

Để trả lời câu hỏi thứ nhất, không thể căn cứ vào quyển "Tìm hiểu về Nhà nước pháp quyền" mặc dù rằng nó là sản phẩm của Viện nhà nước và pháp luật và Nhà xuất bản pháp lý "được phép" xuất bản. Trước hết vì đó không phải là tiếng nói chính thức của Đảng. Thứ đến, dù cho là tiếng nói của Đảng chẳng nữa thì tiếng nói ấy cũng chỉ là một luận điệu trong nhiều luận điệu tuyên truyền, luận điệu dành cho dư luận ngoại quốc và quảng cáo cho trò "đổi mới" kiểu "Vũ như Cẩn"! Sau hết, tuy một mặt phải khen năm tác giả của cuốn sách đã cố gắng tỏ ra khách quan, dám nói tới một số ý kiến trước đây vẫn bị kết án là tư sản phản động nhưng mặt khác lại không thể không phiến trách họ đã đơn giản hóa quá mức các kiến thức về nhà nước pháp trị và đôi khi cố ý hay vô tình gây một cảm tưởng rằng "nhà nước pháp quyền" là nhà nước pháp trị và nội dung cả hai chỉ có bấy nhiêu, nghĩa là như đã được "tổng thuật" trong cuốn sách của họ!

Muốn có cơ sở chắc chắn để quyết đoán rằng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là loại nhà nước gì, có phải là nhà nước pháp trị gọi theo ngôn ngữ cộng sản mới, "nhà nước pháp quyền" không, thì phải dựa vào những tài liệu gốc, xuất phát từ chủ nghĩa Mác-Lênin, các nghị quyết của Đảng, các sách, báo chính thống của Đảng.

Cái gọi là Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa chính thức được Đại Hội IV cho ra đời sau khi Đảng Cộng sản cưỡng chiếm xong được miền Nam, đã phát hiện đầy đủ cả về mọi mặt bản chất của nó. Các tài liệu chính thức của Đại Hội này đã cho thấy từ hiến pháp đến tất cả pháp luật xã hội chủ nghĩa đều qui về một mối duy nhất đúc kết qua những đoạn trích dẫn dưới đây:

"Nội dung hệ thống pháp luật bao gồm các thể chế có mối liên lạc hữu cơ với nhau, bổ sung lẫn nhau và làm điều kiện cho nhau nhằm cuối cùng xây dựng và thực hiện cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý. Hệ thống pháp luật của ta phải thể hiện rõ chế độ tập trung dân chủ trong quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý xã hội..."

Tóm lại, hệ thống pháp luật mà chúng ta xây dựng phải thể hiện tính nguyên tắc nhất quán, nội dung qui phạm năng động, mềm dẻo nhưng chặt chẽ, rõ ràng, bảo đảm sức mạnh của chuyên chính vô sản..." (*Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Tập II, Bình luận, Hà Nội 1985, Nhà Xuất bản Khoa học xã hội, tr. 360-361*).

"Pháp chế xã hội chủ nghĩa là một biện pháp quan trọng nhằm tăng cường chuyên chính vô sản..." (*Trường Chinh, Tham luận tại Đại Hội Đảng lần thứ IV*).

Quảng diễn ý kiến của Trường Chinh, các luật gia được giao chức vụ chính thức của Đảng đã nói về pháp luật (nghĩa là pháp quyền) xã hội chủ nghĩa như sau:

"Dưới ánh sáng của Nghị quyết Đại Hội lần thứ IV của Đảng, chúng ta khẳng định rằng: Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa là Nhà nước chuyên chính vô sản trên phạm vi cả nước" (Tạ Như Khuê, Những vấn đề pháp lý qua Nghị quyết Đại Hội lần thứ IV của Đảng, tr. 33, Hà Nội 1978, Viện Luật học, Nhà xuất bản Khoa học xã hội).

"Giữa nhà nước chuyên chính vô sản và Đảng có mối tương quan chặt chẽ. Trong chế độ xã hội chủ nghĩa, Đảng cộng sản là đảng nắm chính quyền và như mọi người đều biết, vấn đề chính quyền là là vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng. Đảng không

thể lãnh đạo xã hội, lãnh đạo nhân dân, xây dựng chủ nghĩa xã hội nếu không có Nhà nước. Ngược lại, Nhà nước không thể làm tròn nhiệm vụ của chuyên chính vô sản, không thể phát huy được mạnh mẽ và đầy đủ các chức năng của mình nếu không có sự lãnh đạo của Đảng. Nhà nước sẽ không phải là Nhà nước xã hội chủ nghĩa nếu không do Đảng cộng sản lãnh đạo, nếu hoạt động của nó không dựa trên đường lối Mác-xít-Lênin-nít của Đảng. Sự lãnh đạo của Đảng là bảo đảm cao nhất cho sự tồn tại và hoạt động của Nhà nước xã hội chủ nghĩa" (Ngô Hưởng Đàm, Sách đã dẫn, tr. 45)

Quan điểm, chủ trương về Nhà nước ở trên là sự thực thi tư tưởng Mác-Lênin:

"Đảng lãnh đạo Nhà nước một cách toàn diện... Không một vấn đề quan trọng nào về chính trị hoặc về tổ chức được cơ quan Nhà nước ở nước cộng hòa chúng ta giải quyết mà không có ý kiến lãnh đạo của Đảng" (Lênin Toàn tập, tập 41, tr. 31, Ngô Hưởng Đàm trích dẫn trong sách đã dẫn).

"...một nguyên tắc tối quan trọng là bộ máy Nhà nước phải phục tùng và thực hiện mọi đường lối, chính sách và chỉ thị của Đảng... như Lênin đã viết: Cần sử dụng mọi lực lượng để đạt được một cách vô điều kiện sự phục tùng hoàn toàn của bộ máy Nhà nước đối với chính sách Đảng" (sách đã dẫn, tr. 48).

Lời kết luận không thể rõ rệt hơn của một luật gia khác, một luật gia "hộ Đảng", Nguyễn văn Thảo, về Nhà nước xã hội chủ nghĩa là:

"Toàn bộ đường lối, chính sách của Đảng ghi trong Đại Hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng và các Nghị quyết tiếp theo của các phiên họp của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, các chỉ thị của Bộ chỉ huy và Ban bí thư là nội dung cơ bản, chỉ đạo mọi hoạt động xây dựng pháp luật của Nhà nước..." (Nguyễn văn Thảo, Hiến pháp..., sách đã dẫn, tr. 263).

Sau khi đọc hết mấy đoạn trích dẫn trên, ai là người đủ can đảm để nói rằng "Nhà nước pháp quyền" kiểu cộng sản Việt Nam là Nhà nước pháp trị kiểu phương Tây?

Nhà nước ấy trong tương lai cũng không thể trở thành Nhà nước pháp trị được

Để trả lời câu hỏi "Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam" có thể trở thành một Nhà nước pháp trị được không? quả thật không khó khăn gì. Năm 1992, Đảng Cộng sản Việt Nam đã sửa đổi hiến pháp và không nói tới chuyên chính vô sản nữa. Nhưng không nói không phải là sẽ không có chuyên chính vô sản nữa. Năm 1945, "cụ Hồ" đã công khai và chính thức tuyên bố giải tán Đảng Cộng sản, rồi cuộc Đảng vẫn tiếp tục hoạt động và hoạt động mạnh mẽ đến năm 1975 chiếm quyền trọn cả nước bằng chủ nghĩa và Đảng. Mặt khác cái khung của chuyên chính vô sản vẫn còn, Đảng vẫn nắm quyền lãnh đạo, nghĩa là nắm quyền sinh quyền sát ở trong tay, Nhà nước chỉ là công cụ cai trị của Đảng. Có gì bảo đảm và ai dám bảo đảm rằng Đảng đã tự giác ngộ, đã đi vào con đường dân chủ nghĩa là đã từ bỏ chuyên chính, nhất là Đảng vẫn khư khư ôm lấy điều 4 của hiến pháp giành cho riêng mình độc quyền lãnh đạo chính trị, vẫn thẳng tay đàn áp những người dân chủ ôn hòa như Nguyễn Đan Quế, Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Văn Thuận, Đoàn Thanh Liêm, vẫn lũng đoạn nội bộ các tôn giáo, trói tay văn nghệ sĩ, bưng miệng báo chí v.v...? Chừng nào không có bằng chứng rõ rệt thì không thể không coi cái gọi là "Nhà nước pháp quyền" hiện đang cầm quyền là Nhà nước chuyên chính vô sản.

"Pháp quyền" là pháp luật chuyên chế, "Nhà nước pháp quyền" là Nhà nước chuyên chính

Nếu muốn dùng chữ "pháp quyền" để dịch chữ "droit" thì phải hiểu và nhớ rằng đối với cộng sản, đặc biệt đối với những người cộng sản đã qui y tư tưởng Mác-Lênin, "luật" hay theo từ ngữ mới "pháp quyền", chỉ là công cụ (mà còn phải sắc bén!) của chuyên chính vô sản nghĩa là loại luật lệ có tính giai cấp rõ rệt do Đảng Cộng sản, tuy mượn danh nghĩa "nhân dân" nhưng kỳ thực tự quyền làm ra, tự quyền dùng bạo lực để áp đặt, không ai, kể cả Liên Hiệp Quốc, có quyền kiểm soát vì Đảng đã tự kiểm soát rồi. Đảng đề ra luật nên Đảng ở trên luật. Quốc hội cộng sản do Đảng lập ra, chỉ là công cụ, bù nhìn của Đảng, các văn bản do quốc hội ấy biểu quyết không là gì khác hơn những sao chép dưới hình thức khác của những nghị quyết của Đảng. Nếu muốn dùng thành ngữ "Nhà nước pháp quyền" để dịch thành ngữ "État de Droit" thì cũng nên hiểu và nhớ rằng "Nhà nước" cộng sản là công cụ nhằm thực hiện chuyên chính vô sản, công cụ này nếu đi đôi với công cụ "pháp quyền" thì mức độ chuyên chính phải coi là tối đa. Đó là thứ Nhà nước có tên gọi là cực quyền toàn trị (totalitarisme). Một Nhà nước giả thiết có "pháp quyền", biết tôn trọng "pháp quyền" nhưng ở dưới một chế "đảng trị" kiểu "Đảng lãnh đạo..." thì dù có đổi tên gọi thành "Nhà nước pháp quyền" cũng vẫn là một nhà nước chuyên chính vô sản. Pháp luật trực tiếp ảnh hưởng tới tài sản, tự do, danh dự, an ninh, thậm chí tới cả sinh mạng con người nên phải rõ ràng phân minh, không thể có chuyện "ông nói gà, bà nói vịt". Cho nên phải dùng tên gọi "Nhà nước pháp trị" để phân biệt loại Nhà nước dân chủ tự do, có bản chất chống mọi hình thức chuyên chế, với loại Nhà nước cộng sản, có bản chất chuyên chế tới cực độ, và để chỉ loại Nhà nước không ở dưới chế độ đảng trị kiểu "Đảng lãnh đạo", tức là loại Nhà nước "État de Droit" của phương Tây, với sự thượng tôn luật pháp để nhân quyền được tôn trọng, bạo lực không được dùng để chuyên chế, công lý, nhân đạo được thực hiện trong xã hội ở đây và ngay bây giờ.

Phải tránh không nên dùng từ ngữ "pháp quyền"

Tổng kết, phải gạt bỏ từ ngữ "pháp quyền" và thành ngữ "Nhà nước pháp quyền" nếu chúng ta, nhất là những luật gia, không muốn trở thành đồng lõa tri tình hay vô tình với cộng sản để lường gạt dư luận quốc tế và, nguy hại hơn, lường gạt đồng bào. Để dứt khoát như vậy, cần rũ bỏ mọi ảo tưởng về một "viễn tượng dân chủ hóa bằng kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa" mà những người cộng sản đang ra sức dựng lên trong dư luận và bằng những từ ngữ lập lờ. Điều lúc nào cũng phải ghi nhớ là những người cộng sản "mác-xít-lê-nin-nít" có những tin tưởng có tính qui luật "khoa học" theo đó, trước sau như một, "Nhà nước", (Etat), phải là "vô sản tổ chức thành giai cấp thống trị" (L'Etat, c'est-à-dire le prolétariat organisé en classe dominante). Cách định nghĩa Nhà nước như vậy là của Marx và Lenin, trong cuốn sách gối đầu giường của những người cộng sản Việt Nam, cuốn "Nhà nước và cách mạng" (L'Etat et la révolution), đã đưa nó lên hàng giáo điều cộng sản vĩnh hằng. Lenin còn khai triển quan điểm của Marx về loại Nhà nước ấy đại ý như sau: "Học thuyết về đấu tranh giai cấp mà Marx áp dụng vào các vấn đề Nhà nước và cách mạng xã hội chủ nghĩa nhất định phải đưa tới sự thống trị của vô sản, đưa tới chuyên chính của nó, nghĩa là một chính quyền không chia với ai cả và trực tiếp dựa trên sức mạnh vô trang của quần chúng... Vô sản cần có những quyền của một Nhà nước, một tổ chức có sức mạnh tập trung, một tổ chức bạo lực vừa để trấn áp sự kháng cự của những kẻ bóc lột vừa để lãnh đạo đại đa

số quần chúng trong việc xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa". Đó là "tư tưởng Mác-Lênin", ai còn hồ nghi xin đọc lại cuốn "Nhà nước và cách mạng" nói ở trên. Cái gọi là tư tưởng Hồ Chí Minh cũng chỉ là con hoang của tư tưởng "Mác-Lênin", Nhà nước "Việt Nam dân chủ cộng hòa" những năm 1946 và 1959 mà "cụ Hồ" là tay thợ cả, là một Nhà nước "thi hành nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản" nghĩa là một Nhà nước chuyên chính (mèo đen thì phải gọi là mèo đen, không thể gọi là mèo trắng cũng như đã chuyên chính thì không thể dân chủ). Các quan điểm về Nhà nước mà cặp đôi Marx-Engels đã phát biểu vào giữa thế kỷ trước, Lenin đã phát biểu vào năm 1917 nay đã bị thực tế minh chứng là sai lầm to lớn. Vậy mà một "tối thiểu số" những người cộng sản Việt Nam vẫn một mực bám chặt lấy chúng dù rằng - thật là trớ trêu! - chính thiểu số ấy lại đã tự biến mình thành tư sản (đồ) để bóc lột, và tiếp tay cho tư bản ngoại quốc, bóc lột vô sản dân tộc. Chờ đợi tập đoàn thiểu số cầm quyền ấy tự mình lật đổ mình để đất nước được dân chủ hóa là "đáy bể mò kim"! Công thức phải ghi lòng tạc dạ để không bị huyền hoặc là: "Nhà nước xã hội chủ nghĩa, loại mác-xít-lê-nin-nít (dù gọi là Nhà nước pháp quyền) = Nhà nước chuyên chế".

Gạt bỏ từ ngữ "pháp quyền", thành ngữ "Nhà nước pháp quyền" có nghĩa là không thể chấp nhận việc Đảng Cộng sản tiếp tục áp đặt các "pháp quyền" (tức là luật pháp) hiện hành mà thực chất chỉ là các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, không thể chấp nhận "Nhà nước pháp quyền" đang được rao bán mà thực chất cũng chỉ là công cụ của Đảng để toàn trị đất nước.

Yêu sách chính đáng vì hợp thời, hợp tình, hợp lý là Đảng Cộng sản Việt Nam phải trả lại cho quốc dân quyền quản trị quốc gia để quốc dân hành sử quyền ấy theo thể thức dân chủ, nghĩa là bầu cử tự do. Về điểm này, những người Việt Nam đã chọn dân chủ - tuyệt đại đa số - không có gì học hỏi chủ nghĩa cộng sản và phò sản của nó là tư tưởng Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, những hoang tưởng cực quyền toàn trị đã phá sản, không có gì học hỏi người cộng sản, tay nghề về chuyên chính. Đảng Cộng sản không nên loanh quanh với những luận điệu không chút gì nghiêm chỉnh như "pháp quyền", "ổn định" v.v... để câu giờ trên đau khổ của đồng bào đã kéo dài từ nửa thế kỷ nay.

Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại chức, nếu muốn trở thành - và được quốc tế cũng như những người Việt Nam dân chủ công nhận - một "Etat de droit" hay "Rechtsstaat", "Nhà nước pháp trị", thì phải đổi luật pháp của mình, xóa bỏ mọi tàn tích của chế độ đảng trị độc tôn nhân danh đấu tranh giai cấp coi rẻ phẩm giá, tự do của con người, khinh thường luật, đạo lý quốc tế và đặc biệt phải vĩnh viễn dứt khoát từ bỏ ý đồ dùng pháp luật làm công cụ chuyên chế bất kỳ dưới hình thức nào, danh nghĩa gì.

Trần Thanh Hiệp

* Paris, 10-04-1994, do Ủy Ban Dân Chủ tổ chức.

** Thuật ngữ chính thức cộng sản dịch "ordre juridique" là "trật tự pháp luật" (xin đọc Bộ luật hình sự, Nhà xuất bản Pháp lý, Hà Nội 1985). Sự kiện thuật ngữ này không dùng thành ngữ "trật tự pháp lý" mà dùng thành ngữ "trật tự pháp luật" buộc phải qui kết rằng trật tự cộng sản đã và đang áp đặt là một trật tự chỉ dựa trên luật pháp thực định (droit positif) không thôi, nghĩa là chỉ bao gồm luật pháp do cộng sản làm ra và ban hành, không kể gì tới luật tự nhiên (droit naturel) các triết lý, học lý, các qui phạm quốc tế có tính cưỡng chế qui phạm của cả loài người (jus cogens) và các qui phạm quốc tế khác về nhân quyền v.v...

Truyện ngắn

Quyển sách chép tay

Trần Duy Phiên

LTS. Trần Duy Phiên tốt nghiệp Đại học Sư phạm Huế khoa Văn, năm 1967. Dạy học tại Kontum. Đã xuất bản tập truyện ngắn "Trước khi mặt trời mọc" (Đối Diện, Sài Gòn 1972). Sau 1975, nghỉ dạy học và làm đủ thứ nghề kiếm sống. Hiện vẫn sống tại Kontum. Truyện "Quyển sách chép tay" tuy viết từ 1989, nhưng chưa hề được đăng.

1

Một ngày làm cỏ mệt bỏ hơi tai, tôi vác cuốc về tới nhà, thằng bé hàng xóm ôm vỗ chờ ở hiên.

- Có việc gì đấy, cháu? - Tôi hỏi, lao cuốc vào bụi chuối sát hè.

Thằng bé ngáp ngừng rồi theo tôi vào nhà.

- Cháu có điều không hiểu, hỏi chú. - Ngồi xuống chiếc ghế con, nó mở vở kê lên hai bắp đùi. - Câu này, chú à... - Ngón tay lấm mực tì ra trên mặt giấy, nó ngừng mặt nhìn tôi.

- Thì đọc đi! - Đang thay áo bên trong liếp cửa, tôi giục, người rít rít đặc quánh mồ hôi.

- "*Mai cốt cách tuyết tinh thần*" - Thằng bé đọc.

Tôi không thèm nhìn theo ngón tay nó nữa. Ba mươi năm trước, tôi đã thuộc nằm lòng. "*Mai cốt cách tuyết tinh thần, mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười*", hai câu thơ Đoàn Trường Tân Thanh hiện trong trí tôi rõ như hai người đẹp.

- Thúy Kiều, Thúy Vân đó mà! - Tôi cười, kéo ghế ngồi bên thằng bé.

- Cháu cũng hiểu thế. - Nó ngược nhìn tôi. - Nhưng mà... nhưng mà thưa chú, cái chữ "*mai*" ấy ạ!

Hiểu ý thằng bé, tôi giải thích:

- "*Mai*" ở đây là cây hoa trắng hoặc vàng, cuối đông nở hoa. Thơ biểu tượng, tác giả muốn ví vóc dáng hai nàng.

Thằng bé thỏa mãn, vui vẻ ra về.

2

Thằng bé vui vẻ ra về, tôi bắt đầu buồn bực.

Cũng như mọi người, lớn lên tôi đã cố học lấy một nghề mình thích. Không tính tháng ngày lê la ở mẩu giáo, mười hai năm phổ thông, bốn năm chuyên nghiệp, tôi dạy học.

Kiểm sống bằng phần chưa được mười năm, tôi đành thôi dạy. Tờ đơn xin nghỉ việc tôi gởi tận tay cha nó. Ngày ấy anh Hoàng còn sống, đương chức hiệu trưởng. Anh quản lý nhà trường như một đại tá cầm quyền tư lệnh. Anh rót vào tai chúng tôi và buộc gọi lên đầu học trò những tràng kế hoạch, phương án, biện pháp, triển khai, tiến công, khẩn trương, quán triệt, theo dõi, bám sát, truy diệt,... Chúng tôi không thấy kẻ thù đâu, trấn áp ai, thanh toán cái gì! Nhưng vì pháp lệnh, phải có thành tích báo cáo, phải phấn đấu tiên tiến, đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua để được nâng lương, chí ít, cũng có chút tiền thưởng. Giáo viên theo dõi truy bức nhau. Học sinh rình rập bới móc nhau. Nghĩa là từ thầy đến trò phải tạo cho ra đối thủ và biến thành nạn nhân mà góp ý xây dựng. Nhưng góp không thấy chỉ có tan, xây không kịp đổ. Căng quá, đứt. Lương tri là loại đèn không cần năng lượng nào cả. Kiến thức không đủ chất mặn để muối mặt. Học sinh bỏ học, giáo viên bỏ nghề. Nhưng tôi ra đi không hẳn vì lý do ấy.

Cũng như người thợ coi trọng đồ nghề, thầy giáo chúng tôi quý sách.

Anh Hoàng truyền một lệnh từ trên xuống tịch thu sách báo đòi truy. Chi đoàn cho người đến tận nhà tôi mang giúp hơn ngàn quyển sách tới trường. Tôi rưng rưng xin anh Hoàng cho giữ lại một số thiết thân, cam đoan đây là những sách nghiêm túc dùng để tra cứu. Anh nhìn tôi với ánh mắt lạnh, bực bội, ngăm ngăm răn đe. Tôi uất lắm nhưng cảm lạnh. Chính giữa hội trường, sách báo ném vào tôi tấp, un cao như một ngọn đồi. Sợ người ta nhìn thấy ngán nước trong mắt, tôi ra về ngay. Tuần sau, phòng chứa được dọn sạch, không sót tấm bìa. Một người bạn nói sách chuyển đi bán ký để gói hàng hoặc tái chế. Một người khác nói đã chuyển ra bãi rác, đốt sạch. Trong sổ sách của mình, tôi tiếc thương mấy bộ Larousse, bộ Bách khoa số học, Sử ký Tư Mã Thiên, tập tranh thời Phục Hưng, bộ Chiến tranh và Hòa bình, Anh em nhà Karamazov,... và nhất là tập Đoạn Trường Tân Thanh do thầy tôi chép tay bằng chữ Nôm cho tôi - món quà mến tặng đứa học trò cứng nhất của thầy.

3

Sáng hôm sau, thằng bé qua nhà tôi thật sớm.

- Chú ơi! - Nó gọi lớn ngay từ ngoài ngõ.

- Gì đấy nữa? - Tôi hỏi, cố sửa giọng cho bớt xằng.

- Cháu mới đọc tờ báo này... - Nó bước vào, hai tay căng ra trước mắt tôi một trang báo. Đang cho nước vào bình, tôi cúi xuống. Thằng bé tỏ ra lo lắng - Tác giả bài này không giải thích như chú.

Nước đổ tràn lan, mắt tôi vẫn không rời những dòng chữ nhỏ như kiến. Tác giả bài báo tự đắc phát hiện "*mai*" trong câu thơ này không phải loại hoa cảnh, "*mai*" ở đây là một giống tre. Cơ sở đưa ra để phủ bác cách hiểu cũ là trích hai câu trong bài ca dao lính thú đời xưa.

- "*Miếng ăn măng trúc măng mai, những giang cùng nửa lấy ai bạn cùng*" - Thằng bé đọc lớn đoạn văn, nhìn tôi chờ đợi.

Trúc, mai, giang, nửa,... đều là họ nhà Tre. Tôi sinh ra ở Huế, lớn lên, đi vào thì có đi ra thì chưa. Cây mai tre tôi nào biết gốc ngọn mớ tề nhưng tổ tiên đã đưa vào câu hát kia mà! Cái gì mình không biết không phải không có. Ngày ở Huế, tôi chỉ biết tre trúc, tre hóp, tre mảy, tre giáo, tre lồ ô, tre giang, tre ngà, tre mõ, tre gai, tre vàng,... Lên Kontum, tôi biết thêm tre le.

- Cháu đã hỏi mẹ chưa?

- Dạ rồi, mẹ cháu không biết. Mẹ cháu dạy môn sử. Mẹ cháu nói qua rồi chú chỉ cho.

- Thế thầy giáo phụ trách bộ môn?

Nó đứng im lặng. Bóng nắng vào sân. Công trồng là công bỏ, làm cỏ là công ăn - bài học nghề mới của tôi. Nghi đến đám mì, cỏ dại đang theo mưa tranh đất, tôi nói:

- Cháu hỏi thầy giáo ngay đi. Phần chú, chú chưa biết phải giải thích thế nào cho ổn. Để thư thả, chú suy nghĩ, tra cứu lại.

Thằng bé ra về. Tôi vác cuốc lên vai, vừa đi vừa nhớ quyển sách của thầy tôi cho.

4

Tôi đang ăn cơm tối, thằng bé đi thẳng vào nhà.

- Thầy giáo măng cháu là thứ vợ vắn; không chịu tiếp thu Giáo khoa là pháp lệnh. Trong sách không học cứ chạy đi tìm ngoài. Cuối năm, rớt mới trắng mắt ra.

Tôi vẫn tiếp tục ăn. Nó kéo ghế ngồi bên, tỉ tê kể lại - Theo thầy giáo, "*mai*" ở đây là cây mơ, có nơi gọi là "*môi*", quả nhỏ như

áo Tàu, thường dùng làm kẹo - kẹo "ô mai" vừa ngọt vừa mặn ừa chua các em hay ngâm đấy! Thầy giáo cũng không vừa, dẫn hứng ca dao. "*Trúc xinh trúc mọc bờ ao, mai xinh mai đứng nơi nào cũng xinh*". Thầy còn lập luận: Nếu Nguyễn Du dùng từ "mai" là tre, sao không viết "*Tre cốt cách...*" hoặc "*Trúc cốt cách...*" sẽ phổ cập và tạo được biểu tượng điển hình hơn. Nguyễn Du là một nhà thơ chứ đâu phải nhà sưu tầm các giống cây hiếm, viết để nhiều người hiểu. Vậy "mai" ở đây nhất quyết không phải mai tre.

- Cháu về học bài đi! - Tôi nói vào lúc cuối bữa - Cháu cũng biết, cả ngày hôm nay chú ở rầy, không biết bàn bạc với ai một chữ.

Thằng bé về, tôi mặc áo đi ngay. Tôi chợt nhớ anh Phùng, một tay văn học, bậc đàn anh lịch lãm của tôi. Sách không có, hỏi người, biết sao!

Anh Phùng vui vẻ đón tôi, sai con pha trà, rút ngăn kéo lấy ra mấy điều thuốc thơm. Anh cũng khó khăn như tôi, thường hút thuốc rê. Ai cho năm ba điều, anh dành lại, gắp bạn tâm đắc mới đưa ra. Mọi thuốc xong, tôi vào đề ngay:

- Anh hiểu thế nào về từ "mai" trong "*mai cốt cách...*"?

Anh Phùng cúi thấp đầu như cố tập trung trí lực kéo một ký ức từ xa.

- "*Mai*" là một loại tre. - Anh thận trọng nói.

Tôi tạm đứng về phía đối lập, gom cả mình cộng với lập luận của thầy giáo, phản bác lại anh tối tấp.

Anh Phùng ngồi im một lúc, xe những sợi tóc bạc giữa mấy ngón tay khô khốc. Tôi đã quen phong thái trầm lặng của anh. Đến lúc bình trà cạn, anh nói:

- Các cụ ta ngày xưa không đề cao cây "*mai cảnh*" bằng cây "*mai tre*". Họ nhà Tre biểu trưng cho quân tử. Tiết trực tâm hư - Anh cười - Nếu con chim sẻ đậu trên cành mai cảnh không đủ biện minh sự phần nộ của Mạc Đĩnh Chi và quốc trạng của chúng ta làm sao hàng phục được các danh sỹ Trung Hoa - Anh lại cười - Từ Huế trở vào, người ta quý cây "*mai cảnh*", trở ra, người ta chỉ trọng cây đào. Đừng quên Nguyễn Du sinh ra và lớn lên ở Nghệ An.

- Nhưng biết đâu - Tôi đặt nghi vấn - Nguyễn Du viết Đoạn Trường Tân Thanh khi đã vào Huế làm quan?

Anh Phùng cau mặt ngồi im. Trời trở lạnh, tôi ra về. Lần này anh Phùng không giúp tôi được gì. Đêm nay chắc khó ngủ. Lao lực như nông dân, lao tâm như trí thức là cách sống thiết thời nhất của một công dân trong xã hội. Nhưng tôi đã lỡ mang nghiệp vào thân!

5

Thằng bé để yên cho tôi ba hôm rồi qua lại.

- Chú giúp cháu được chưa? - Tôi lắc đầu, vẫn chưa hết tin tưởng, nó hỏi tiếp. - Vậy làm sao hở chú?

- Có một cách... - Tôi chợt im, tránh nhìn nó.

- Chú cứ nói đi!

- Chú có một quyển Đoạn Trường Tân Thanh chép tay bằng chữ Nôm, thứ chữ mà Nguyễn Du dùng để viết nên tác phẩm ấy. Chỉ việc mở sách ra, cúi xuống... Nếu "*mai*" trên đầu có bộ trúc là mai tre, nếu ở bên có bộ mộc là mai cảnh.

- Sao chú không làm ngay việc ấy từ hôm kia?

- Cha cháu đốt mắt của chú đã lâu rồi!

Thằng bé đứng cúi mặt. Tôi ngồi lặng thinh.

Kontum 09-11-89

Trần Duy Phiên

Đòi hay không đòi ?

"Hãy cẩn trọng nơi củi lửa"
(Bình thư, Trần Quốc Tuấn)

LTS: Chúng tôi nhận được bài dưới đây mà tác giả, giáo sư Lâm Lễ Trinh, viết riêng cho Thông Luận. Xin cảm ơn giáo sư Lâm Lễ Trinh và xin giới thiệu cùng bạn đọc. Tiến sĩ luật khoa, tiến sĩ giáo dục, giáo sư Lâm Lễ Trinh là cựu thẩm phán, cựu luật sư Tòa Thượng Thẩm Saigon, cựu giảng viên Học viện Quốc gia Hành chánh, Trưởng Chính trị Kinh doanh Đà Lạt, cựu Bộ trưởng Nội vụ, cựu đại sứ VNCH. Di cư qua Mỹ, giáo sư Lâm Lễ Trinh giảng dạy môn Văn hóa Mỹ tại California.

Vài tuần sau khi lệnh cấm vận được bãi bỏ ở Việt Nam, một số đồng cộng đồng người Việt đã phát động rầm rộ tại nhiều tiểu bang của Hoa Kỳ một chiến dịch yêu cầu chính phủ Mỹ can thiệp với Hà Nội trả lại tài sản tịch thu của Việt kiều hải ngoại. Tổ chức American Legion và vài dân biểu trong đó có Torricelli cổ xúy và khuyến khích chiến dịch này.

Đặc biệt, tại quận Cam, miền Nam Cali, chỉ trong vài tuần, có đến 1.285 lá đơn khiếu nại được điền và gửi cho Bộ Ngoại giao Hoa Thịnh Đốn.

Về mặt tâm lý, sự nô nức của đồng bào Việt rất dễ hiểu. Không ai không cảm thấy bồi hồi sung sướng khi nghĩ đến ngày thu hồi, dù chỉ một phần hay giá tượng trưng, căn nhà nhỏ, mảnh vườn xưa, cửa tiệm con... tạo ra bởi mồ hôi, nước mắt của một cuộc đời. Tuy nhiên nên bình tâm xét lại một cách dè dặt một số vấn đề quan trọng về phương diện pháp lý, chính trị và thực tế.

1. Về thủ tục pháp lý

Sau khi chính phủ miền Nam Việt Nam sụp đổ năm 1975, tất cả tài sản, tiền khoản và tài sản của chế độ tại Hoa Kỳ bị chính quyền Hoa Thịnh Đốn chặn giữ. Tổng số ước lượng không quá 270 triệu mỹ kim. Khi bang giao được bình thường hóa, Mỹ phải trả tài sản này lại cho Hà Nội.

Ngay sau tháng 4-1975, Tòa Bạch Ốc đã tuyên bố cộng sản có trách nhiệm bồi thường thỏa đáng những gì họ tước đoạt của các công ty, xí nghiệp, hiệp hội hay tư nhân **mang quốc tịch Mỹ khi Miền Nam bị cưỡng chiếm**. Theo một đạo luật ban hành năm 1980, các đương đơn phải khiếu nại trước 1983 là thời hạn chót. Đến nay, Bộ Ngoại giao cho biết có 1.300 đơn bị bác vì bất hợp lệ và 98 đơn được chấp nhận, trị giá tài sản trên 270 triệu mỹ kim, đa số thuộc các công ty lớn như General Electric, Warner Bros, IBM, World Trade Corporation, Artists Entertainment Co... Ngay đối với trường hợp ưu tiên này, nhiều điều phức tạp còn cần được giải quyết, xác định tình trạng hư hao của tài sản bị khiếu nại, giám định tỷ lệ thiệt hại, hình thức bồi thường, phần lời phải trả cho sở hữu chủ từ 1975 đến nay, v.v...

Các trường hợp khác - ngoài trường hợp trên - liên hệ đến Việt kiều ở Hoa Kỳ, chưa được chính quyền Mỹ nghiên cứu để nêu ra với Hà Nội. Chưa gì gần đây, một đại diện của Tòa đại sứ CSVN tại Liên Hiệp Quốc, Nử Ước, Nguyễn Quý Đức, đã đánh tiếng rằng chính phủ Việt Nam "*không dự trù duyệt các đơn của những người bỏ chạy năm 1975 mà không phải là công dân Mỹ. Họ không thực tiễn...*". Mặt khác, điều nên ghi là trong số gần hai triệu đồng bào di cư, những người làm chủ tài sản chỉ là thiểu số.

Dại để, những trường hợp còn phải đặt ra với chánh quyền Mỹ (chưa nói tới cộng sản Hà Nội) là những trường hợp kể sau, theo thứ tự:

1. Trường hợp sở hữu chủ tài sản - độc thân hay cả người hôn phối - bỏ xứ ra đi và sau đó, đã nhập quốc tịch Mỹ.

2. Trường hợp một trong hai vợ chồng đến Hoa Kỳ trước, trở thành công dân Mỹ và làm thủ tục xin đoàn tụ gia đình với vợ hay chồng kẹt ở Việt Nam và chưa có quốc tịch Mỹ. Tài sản của họ bị cộng sản tước đoạt khi người hôn phối chót rời xứ.

3. Trường hợp tài sản bị tịch thu thuộc sở hữu chủ đã hay chưa lập gia đình, hiện sống tại Mỹ nhưng chưa nhập quốc tịch và hưởng quy chế thường trú.

Nếu các trường hợp trên đây được chính quyền Hoa Kỳ chấp nhận đưa ra bàn thảo với Hà Nội, phía cộng sản Hà Nội có thể bác bỏ, vin vào lý do Việt kiều tự ý ra đi và bỏ lại tài sản không người cai quản hay một số đã "tự nguyện" (!) làm giấy giao hay hiến cho nhà chức trách địa phương. Lý do này, lẽ tất nhiên, không đứng vững vì sự áp bức và đe dọa của cộng sản là duyên cớ chính đáng để Hoa Kỳ nhận cho Việt kiều được tị nạn chính trị.

2. Trên phương diện chính trị

Trong giai đoạn phức tạp của công cuộc đấu tranh hậu cấm vận, chiến dịch đòi tài sản cần được nghiên cứu rất thận trọng về mục tiêu, chiến lược và thời điểm thích đáng.

Mới đây, có hai lập trường khác biệt:

Lập trường thứ nhất là nên khai thác triệt để và cấp thời sự thương thuyết Việt-Mỹ trong những ngày sắp đến để áp lực Hà Nội, ngang qua phái đoàn Hoa Kỳ, tôn trọng lẽ phải và bồi tổn thích đáng tài sản tước đoạt của Việt kiều. Thoạt đầu, lập trường này có vẻ "hấp dẫn... hợp tình, hợp lý". Đây là cơ hội "ngàn năm một thuở... thừa thắng xông lên" để "bắt chẹt" Hà Nội, với tài sản 270 triệu mỹ kim mà Hoa Thịnh Đốn còn nắm chắc trong tay.

Sau sự nổ nức ban đầu, cần bình tâm xét lại cái ngòi nổ chậm của quả bom đòi tài sản. Việc gì sẽ xảy ra nếu - và đây chỉ là một giả thuyết khó sớm thành sự thực - Hà Nội thâm hiểm tuyên bố đồng ý, trên nguyên tắc mà thôi, giao trả hay bồi thường tài sản? Các Việt kiều đương đơn, trong đó đa số đã từng tuyên bố "chống cộng đến khuya" và không công nhận chế độ độc tài Hà Nội, sẽ phải, dù muốn hay không, tiếp xúc với nhà cầm quyền cộng sản để lập thủ tục chứng minh, kê khai và giám định tài sản. Mê hồn trận này sẽ đưa họ, một cách vô hình chung, vào quỹ đạo của bọn quỷ đồ quá sung sướng vì sắp thắng thêm một trận chiến để dàng khác bằng cách giết sập những "pháo đài chống cộng cuối cùng ở hải ngoại".

Trong bối cảnh hiện tại, lập trường khác là cảnh giác chống âm mưu ly tán của Hà Nội, siết chặt hơn hàng ngũ, đẩy mạnh quyết liệt và một cách thực tiễn, sự giải thể của chế độ phản dân chủ và coi nhẹ nhân quyền. Nói cách khác, chiến dịch đòi tài sản chỉ nên đặt ra khi hội đủ điều kiện chính trị và pháp lý bảo đảm thi hành lương thiện lời cam kết. Không thể để Hà Nội lợi dụng sơ hở của chiến dịch để chia rẽ cộng đồng của chúng ta. Cộng sản không bỏ qua một cơ hội nào để giăng cạm bẫy và đưa đối phương vào những trò "hú tim" chính trị. Trong trận đấu cuối cùng để giành lại dân chủ, nên hành động thật đần đo, "cẩn trọng nơi cùi lử" (Độc Bình thư của đức Trần Hưng Đạo).

3. Sau hết, trên thực tế

Trong hiện tại, chính quyền Hà Nội đã tiếp xúc, trực tiếp hay gián tiếp, với một số cự doanh gia của thời trước 1975 hiện sống ở hải ngoại, để mời mọc, khuyến dụ họ - theo kế hoạch "giọng

kèn, tiếng uyển" trở về xứ để cộng tác và đầu tư. Họ được hứa hẹn chia quyền lợi, cổ phần... Các đồng bào nói trên, trong đó có một số không ít người Việt gốc Hoa, đã vỡ mộng và thất vọng sau khi tiếp xúc với cộng sản và được biết những điều kiện khắt khe: phải hoàn trả nợ vay của ngân hàng trong giai đoạn quốc gia (lãi, vốn và tiền phạt), thanh toán cho cộng sản chi phí quản lý và chỉnh trang, sòng phẳng về thuế vụ từ 1975 đến nay, bồi tổn cho cơ quan hay tư nhân đang sử dụng bất động sản để họ dọn đi, bỏ vốn thêm để đầu tư và khai thác, buộc ở lại trong xứ để kinh doanh, v.v...

Trong các vấn đề nhúc nhủc nêu trên, chưa kể những cuộc vận động, lòn cúi và hối lộ mọi cấp cầm quyền địa phương.

Đến nay, vài hội đoàn hải ngoại đã phát cho đồng bào, để điền vào và gởi cho chính phủ Hoa Kỳ, mẫu đơn in sẵn "Đòi tài sản - Assets Claims" và "Bản khai có tuyên thệ - Affidavit" để kê khai động sản và bất động sản, trị giá ước lượng, thị thực chữ ký của đương đơn và nhân chứng, kèm theo văn kiện chứng minh v.v... Thiển nghĩ hành động này vô bổ và quá sớm về mặt thủ tục. Nên lưu ý rằng tài liệu quý giá về quyền sở hữu, gởi theo đơn, có thể mất hay thất lạc và chính quyền Hoa Kỳ - nếu nhận can thiệp - chưa cần hồ sơ vừa kể, trước khi Bộ Ngoại giao và Quốc hội biết số Việt kiều đồng ý khiếu nại. Chính phủ sẽ quyết định về sau, có nên hay không nên ra chỉ thị cho phái đoàn Mỹ ghi vấn đề đòi tài sản vào chương trình nghị sự để thảo luận với đại diện Hà Nội. Trong trường hợp đồng thuận về nguyên tắc trả tài sản, hai bên Mỹ - Việt còn cần một thời gian tranh luận về thể thức thi hành. Mỗi đương đơn sẽ còn phải trình diện để xuất nạp hồ sơ cần thiết và được xét giải quyết theo từng vụ. Thủ tục này đòi hỏi nhiều tháng, nhiều năm.

Đối với những Việt kiều nào chọn lập trường khiếu nại cấp thời, điều duy nhất có thể làm được hiện thời là thơ thỉnh nguyện (petition) với nội dung vắn tắt, ghi địa chỉ và tên, đề nghị sĩ và dân biểu của họ xin đặt vấn đề với Quốc hội và Bộ Ngoại giao ra chỉ thị cho phái đoàn Hoa Kỳ tại hội nghị Mỹ - Việt đang hay sắp nhóm họp.

Mong rằng ý kiến xây dựng trên đây sẽ lưu ý các nhà lãnh đạo cộng đồng xét kỹ lại chủ đích và hậu quả của chiến dịch đòi tài sản. Không ai nghi ngờ thành tâm phục vụ của họ. Tuy nhiên, kế hoạch chỉ có thể thành công và đem lại lợi ích cho công cuộc đấu tranh chung là khi nào được nghiên cứu dưới mọi khía cạnh để điều chỉnh lại, nếu cần, để đem ra thi hành đúng thời điểm.

Chắc chắn trong chúng ta, không ai muốn chứng kiến cảnh chua xót của những người Việt mệnh danh quốc gia đứng thành hàng hàng, lớp lớp trước Tòa Đại sứ và các văn phòng Lãnh sự của cộng sản Việt Nam sắp mở tại Hoa Kỳ để châu chực làm thủ tục đòi lại một căn nhà, một cửa tiệm hay một mảnh vườn hào huyền với một giá quá đắt bằng cách hy sinh - thêm một lần nữa - lý tưởng tự do.

Hiến pháp năm 1992, điều 17 và 18 của CSVN chưa tu chính để công nhận quyền tư hữu của người dân thì nói đến chuyện dân làm chủ tài sản chỉ là một chuyện tếu, một trò cười. Còn đối với Việt kiều hải ngoại - mà Hà Nội gọi là "bọn Ngụy" - dù họ ở chân trời góc biển nào, dù họ giữ nguyên hay thay quốc tịch, giấc mơ lấy lại tài sản bị bọn băng đảng đỏ tước đoạt chỉ là việc "hái trắng trên cành cây", một đề tài phiếm luận trong lúc trà dư tửu hậu.

Cần chặn đứng âm mưu phá hoại của Hà Nội. Cần tiết kiệm sinh lực cho những ngày gay go sắp đến.

Lâm Lễ Trinh (29-03-1994)
Huntington Beach, California

Thông Luận với văn nghệ

Quản Mỹ Lan

Đã bảy năm nay, khi nói đến Thông Luận là người ta nghĩ ngay tới lập trường ba điểm mà điểm mấu chốt gây nhiều tranh cãi nhất là hòa giải và hòa hợp dân tộc! Nếu bình thường mà xét như những gì đã viết chính thức trên tờ báo thì chẳng có gì để phải thắc mắc vì nó chỉ nói lên lòng bao dung giữa những người Việt Nam yêu quê hương. Nhưng vì có cả một chiến dịch bôi nhọ Thông Luận trong cộng đồng người Việt hải ngoại nên cụm từ "Hòa giải và hòa hợp dân tộc" được đổi ra là "Hòa hợp hòa giải với cộng sản". Do đó có một số người chỉ nhìn từ xa và cho rằng Thông Luận "đám sau lưng chiến sĩ". Kết quả là Thông Luận cứ phải tứ bề thọ địch trên một chuyện mà bản thân không hề làm.

Nhưng từ 1992 đến nay, có lẽ tình trạng đã đổi khác, từ 250 người gặp nhau trong kỳ tổ chức đầu tiên tại nhà hàng Tikok với một chương trình văn nghệ đã chiến đấu đưa đến buổi họp mặt rất thành công tháng 5 năm 1993 với hơn 700 người tham dự, chứng tỏ rằng Thông Luận không cô đơn. Và năm nay, cũng với hơn 700 - với một số khuôn mặt mới - tham dự buổi họp mặt vào ngày 23-4 vừa qua, trong thời kỳ không ít người đi nghỉ lễ Phục Sinh ở xa, và tại Paris cùng ngày ấy, có nhiều đám cưới cũng như những buổi gặp gỡ hội họp của các hội bạn; thì có thể nói, lại một lần nữa Thông Luận thu phục được cảm tình của quần chúng. Thế không có nghĩa là mọi người đều đồng quan điểm chính trị với Thông Luận, mà chỉ muốn nói là, cả những người không thích chính trị cũng đã đến với Thông Luận. Vì thật ra Thông Luận còn làm được những việc khác ngoài chính trị.

Nhận xét đầu tiên của khách thường lãm là năm nay có một bản chương trình rất đặc biệt đóng thành tập, với bài viết về trường ca Hòn Vọng Phu của Lê Thương qua ngòi bút sắc bén của nhà phê bình Đặng Tiến, với bản giới thiệu Hòn Vọng Phu và chương trình bằng hai thứ tiếng để các bạn ngoại quốc theo dõi diễn tiến dễ dàng hơn.

Chủ đề của buổi hội ngộ là "Ta ở trời Tây nhớ trời Đông", mượn ý thơ của thi sĩ Kim Tuấn, bài thơ đã được phổ nhạc một ít lâu trước khi cái chết đã mang đi vĩnh viễn người nhạc sĩ tài hoa Phạm Đình Chương.

*Ta ở trời Tây nhớ trời Đông
Nhớ chăng sợi khói cuốn phiêu bồng
Có muôn trùng núi ngăn người đến
Có một nguồn xa chia mấy sông...*

Biển cổ ngày 30-4-1975 và những gì sau đó đã đẩy bật ta ra khỏi đất nước, đã tạo ra biết bao chia lìa, nhưng có ai ra đi trong hoàn cảnh oái oăm ấy mà không nghĩ đến một ngày kia trở về quê hương, ngày về với hy vọng, với hăng hái vui tươi, với những bước chân rộn ràng như nhịp đập của con tim. Buổi văn nghệ năm nay được bắt đầu trong tinh thần ấy với phần đầu tiên là "Những nẻo đường Việt Nam", qua hai bản nhạc Con Đường Vui (nhạc

Lê Vy, lời Phạm Duy và Mai Hạnh) và Những Nẻo Đường Việt Nam (của Thanh Bình) đã gây hào hứng ngay từ phút đầu qua bốn giọng nam và bốn giọng nữ hát với tất cả say mê nhiệt tình. Sau đó là những bài Rời Đây Anh Sẽ Đưa Em Về Nhà (Phạm Duy) qua tiếng hát của Nguyễn Phan Huy, Sài Gòn (Y Vân) do cô bé Tuấn Phương 16 tuổi duyên dáng trong chiếc áo dài tha thướt, Mười Năm Tình Cũ (Trần Quảng Nam) được Thanh Loan diễn tả với tất cả tâm hồn, và Mưa Sài Gòn Mưa Hà Nội (thơ Hoàng Anh Tuấn, nhạc Phạm Đình Chương) được lột tả nhờ hai giọng ca mạnh của Long và Phan Huy.

Phần hai là "Quê hương qua dân ca dân nhạc" từ các cháu bé đến các cô chú hát múa đều mặc y phục cổ truyền khăn đóng áo dài cho con trai, áo tứ thân với khăn vành dây, khăn nhung, khăn mỏ quạ cho con gái, qua các bản nhạc, điệu hát đậm nét dân tộc: Ông Ninh Ông Nang, múa của các cháu bé từ 5 đến 10 tuổi, Người Ở Người Ở Đứng Về (Quan họ Bắc Ninh) trình bày do ba "liền chị" Bích Đào, Thanh Hằng, Quỳnh Tư và hai "liền anh" Long và Quang Minh, Giận Thì Giận Thương Thì Thương (dân ca Nghệ Tĩnh), Ru Con (dân ca miền Nam) với tiếng hát và tiếng đàn tranh Quỳnh Hạnh, và múa lụa của Huỳnh Mai qua bài Mười Thương (dân ca miền Trung).

Sang phần ba "Non sông cảm tử" có những bài Đi Chùa Hương (ý thơ Nguyễn Nhược Pháp, nhạc Nguyễn Khuê) diễn tả bởi giọng ca điêu luyện của Phương Thủy, Khúc Hát Ân Tình (Xuân Tiên và Thanh Nam) do tốp ca nữ vừa hát vừa sử dụng sinh tiền làm nhịp, Trăng Sáng Vườn Chè (thơ Nguyễn Bính) với giọng hát dí dỏm của Minh Thắng, Dặm Về (thơ Nguyễn Đình Tiên, nhạc Cung Tiến với tên Kể Ở) qua giọng ngâm và tiếng hát của Thụy Khanh, Tình Hoài Hương (Phạm Duy) diễn tả bởi Quang Minh, Tiếng Gọi Hòa Bình, điệu múa của tám cô gái "đôi tám", biểu tượng cho thế hệ tiếp nối cha anh, theo một bản nhạc của Ca đoàn Lam Sơn.

Tất cả đã theo một diễn biến hài hòa đưa người thường ngoạn từ tiết mục này sang tiết mục khác một cách êm ái qua lời giới thiệu của Quỳnh Dao và Mỹ Lan.

Lúc còn ở trong nước, khi nghe câu:
*Ví dầu cầu ván đóng đinh
Cầu tre lắt lẻo gập ghềnh khó đi*
ta chẳng "cảm" được gì cho lắm, nhưng khi ở giữa thủ đô Paris nghe Quỳnh Hạnh với giọng Bình Dương ngân nga:
*Khó đi mẹ dẫn con đi
Con thi trường học, mẹ thi trường đời*
và tiếp theo là tiếng ru hời:
*Gió mùa thu mẹ ru con ngủ
Năm canh chầy thức đủ vừa năm
Hồi chàng là chàng ơi, em nhớ tới chàng...*
người nghe làm sao mà không mũi lòng thương cảm cho số phận

long đong của những người mẹ, những người vợ Việt Nam...

Những người yêu thơ thì lại có giọng ngâm trầm ấm của Thụy Khanh và tác giả Nguyễn Đình Tiên, người đại tá cộng sản hồi hưu, đã phải giấu giếm trong mấy mươi năm trường đứa con tinh thần của mình để đến khi nhà nước cởi trói văn nghệ mới dám nhận đó là bài thơ tình duy nhất ông đã làm thời trẻ khi già từ người yêu! Cung Tiến đã chọn Dặm Về để phổ nhạc một cách tài tình. Lời thơ nghe như băng láng, như khói sương mà cung bậc thì như hư như thực, âm điệu nhẹ như gió thoảng, rất thien vừa đủ để ngâm ngùi cho những người yêu tiền những người yêu.

*Ngựa chệ dưng bên thác trong veo
Lòng chệ buồn khi nắng qua đèo
Nơi đây gió giạt vương chân ngựa
Hương chạy quay đầu theo gió theo...*

có phải hương chạy quay đầu theo gió theo hay ai đang ngó ai vì "...mong nhớ mong...". Tình yêu, sao mà tuyệt vời!

Rồi Quang Minh, từ Quan họ Bắc Ninh rất duyên dáng qua đến dân ca Nghệ Tĩnh, anh hát ví dặm tuy phát âm bằng giọng bắc nhưng trong nhạc vẫn toát ra vẻ rất đáng yêu. Có "quê" không? Không "quê" một chút nào hết, mà trái lại chỉ nói lên tình cảm đối với một vùng trời quê hương, nơi có những tình yêu tha thiết ngọt ngào:

*Anh cứ bảo rằng anh thương em
Sao không bàn đầu đuôi cận kề
Việc chưa đầu nên em bàn với mẹ*

nhưng mà

*Giận thì giận, mà thương thì thương
Anh sai đường em đâu chịu nổi
Anh yêu ới xin đừng có giận vội
Trước tiên anh phải tự trách mình...*

Người ta còn đang ngần ngại với giọng hát dễ thương ấy thì Minh lại lên tiếng với Tinh Hoài Hương. Từ ngày xưa trong tiềm thức Phạm Duy đã thấy:

*Nước mắt có về miền quê lai láng
Xa quê hương, yêu quê hương*

Dư âm của tiếng hát Quang Minh như còn đâu đây, và chỉ một câu ấy thôi, Phạm Duy đã làm cho tất cả mọi người Việt Nam, dù bất cứ ở phương trời nào, cũng phải yêu quê hương, cũng phải một ngày nào trở về quê hương dấu yêu.

"Nhớ cố hương xao xuyến tác lòng" là tiêu đề của phần hợp xướng Hòn Vọng Phu của Lê Thương do ban Ngân Thông đảm nhiệm.

Hơn 30 người, từ người hát đến các nhạc sĩ đều dồn tất cả chú tâm vào hiệu lệnh của Phạm Ngọc Lân, người điều khiển. Thời gian như ngừng lại.

Rồi trong sự lặng yên đó, bỗngưng tiếng trống thúc quân nổi lên dồn dập như giục giã, thôi thúc lên đường khoác chinh y, và văng vẳng đâu đây tiếng sáo véo von (của Trần Ngọc) cùng tiếng đàn tranh (của Quỳnh Hạnh) cất lên với giọng ngâm sa mạc của Thụy Khanh qua lời thơ tha thiết

*Trống Tràng Thành lung lay bóng nguyệt
Khói Cam Tuyền mờ mịt thức mây
Chín tầng gươm báu trao tay*

Nửa đêm truyền hịch định ngày xuất chinh và rồi như gió cuốn, như triều dâng, mọi người cất tiếng như đang cùng nhau lên đường với người tráng sĩ trả nợ núi sông, nhưng vẫn

canh cánh bên lòng nợ thê nhi xót xa cho người ở lại, để cho "hàng cò theo trống đồn, ngoài sườn non cuối thôn, pháp phối ngâm ngùi bay" vì "thấm bao niềm chia phôi". Nàng chinh phụ chỉ biết mỗi mòn trông chờ vì ai kia đã "quên ghi vào gan đá bao nguyên thê" cho người chinh phụ "mong chồng còn đứng muôn năm".

Bài Ai Xuôi Vạn Lý được mào đầu bằng

Xanh kia thăm thăm từng trên

Vì ai gây dựng cho nên nỗi này

Người vợ Việt Nam thủy chung vẫn ôm con chờ chồng mỗi mòn theo năm tháng, tình yêu ấy đã động đến cả đất trời, đến chim muông hoa lá. Núi đồi Trường Sơn kéo nhau ra biển khơi cùng nàng ngóng chờ người cũ. Dòng Cửu Long vội vã tuôn nguồn nước bạc đổ xuống đi tìm chàng, vì thương cảm tình nàng, khuyên nàng hãy thấp nén hương quý tiếc thương chàng và hãy trở về đừng để xuân phai, vì "thời gian có hứa mấy khi, sẽ đem đến trả đúng kỳ, những người mang mệnh biệt ly".

Bài Người Chinh Phu Về.

Hết chiến chinh, chàng trở về chốn cũ tìm người xưa trên "đường chiều mật mù, cát bay tỏa bước ngựa phi", có "bóng chàng chập chùng vượt núi non cũ" và trên dặm trường ấy, vẫn còn "dấu binh lửa chiếu hoàng quang đục ngầu". Năm mươi năm sau, chưa biết có ai dựng được ngón ngừ như Lê Thương vì trong hào quang của người chiến thắng vẫn còn cái xót xa của máu đổ thịt rơi, cái tang thương của cuộc chiến. Rồi trong cái hào quang của người danh tướng trở về, trong nhịp ngựa phi vọng lên từ núi đá, cái kinh hoàng của lời thề xưa không trọn vẹn vì nàng sau bao năm "bên đời ai oán, bên rừng đa đoan" đã phải "trao người con quý cho người trông nom, thiếp xin lỗi thề".

Cho dù chàng có "vượt Hoành Sơn, vòng thành Huế" có gặp lại "thành Cổ Loa, đền Vạn Kiếp", "xuyên khắp nước Nam" đi tìm nàng, nhưng đâu còn nữa. Bao thu đã qua, rêu phong đã xóa mất dấu người xưa, "vàng dương" còn "tiếp đưa bóng chàng". Nhưng lòng nàng cũng đã "lặn chử trước câu hư thề".

Trước vết thương lòng ấy, sử xanh âm thầm vẫn trôi và chàng tuy không gặp lại người vợ trung trinh chỉ còn lại chiếc gương thiêng trao cho người con quý khuyên con "đi gây lại cơ đồ".

Ở đây người ta thấy được tâm sự của Lê Thương gửi vào ý nhạc. Ông đã ra ngoài truyền thuyết, giao lại cho thế hệ mai sau bốn phận gìn giữ quê hương. Chúng ta, dù ở chân trời nào, cũng xin lãnh nhận những lời vàng ngọc ấy.

Vì "ngân đời còn truyền, truyện nàng Vọng Phu".

Nàng Vọng Phu hóa đá của Lê Thương đã hóa thân vào người chinh phụ của Đặng Trần Côn, Đoàn Thị Điểm để mãi mãi ở lại với ngàn sau!

Ta ở trời Tây, nhưng sao quên được trời Đông ấy!

Nói đến người hát thì phải nhắc đến hai giọng ca tuyệt vời của Nguyễn Quang Bạch Thảo và Nguyễn Kim Tuấn. Mỗi lần tiếng solo cất lên thì mọi người như bị thu hút, ru hồn vào lời ca. Trong bài Ai Xuôi Vạn Lý, người soạn hòa âm đã hoàn toàn khai thác giọng hát vừa mạnh mẽ vừa truyền cảm thiết tha của Bạch Thảo để nói lên tâm sự xót xa của người chinh phụ. Trong Người Chinh Phu Về thì chủ yếu do Kim Tuấn diễn tả? Ai đã nghe Bạch Thảo và Kim Tuấn hát cùng đều hỏi tại sao lại không phải là ca sĩ chuyên nghiệp. Nhưng Tuấn thì thích khoa học, còn Thảo thì yêu thế giới học đường hơn cái bạc bèo của đời ca sĩ. Chọn lựa ấy không đáng yêu lắm sao?

(xem tiếp trang 31)

SOS phế binh Việt Nam

LTS: Phan Minh Hiền, 38 tuổi, là bác sĩ đa khoa tại Le Perreux, một vùng phụ cận Paris. Từ 1975 đến nay, Anh đã tham gia nhiều chương trình hoạt động xã hội do các Hội Médecins du Monde, Médecins du Vietnam tổ chức hay do chính Anh tự thực hiện lấy. Hoạt động nổi bật gần đây nhất của Anh là chương trình tặng xe lăn mà Anh đã phát động từ cuối năm 1993. Sau đây là bài nói chuyện với bác sĩ Phan Minh Hiền.

1. Xin Anh tóm lược quá trình hoạt động xã hội của Anh và Hội Médecins du Vietnam.

Tháng 6-1982, theo lời đề nghị của bác sĩ Bernard Kouchner, hội Médecins du Monde, tôi tham gia chương trình cứu vớt người tị nạn trên Biển Đông ba tháng. Sau khi quan sát tình hình tại một số trại tị nạn Đông Nam Á, tôi về Pháp vận động với các giới chức Pháp giúp người tị nạn tại các trại tạm cư nói trên một cách cụ thể hơn, và năm 1984 tôi thành lập hội Đường Mới giúp người tị nạn vừa đến Pháp. Ngoài những chuyện cố vấn và hướng dẫn người tị nạn hội nhập hữu hiệu vào cuộc sống mới, tôi đã cùng một số anh em thiện chí khác dựng một trại chăn nuôi tại tỉnh Aube (gần Troyes) để những ai không tìm được công ăn việc làm về đây lập nghiệp, nhưng dự án này không thành công vì không ai muốn sống ở đồng quê. Trong lúc vận động tôi gặp rất nhiều chống đối từ phía những người quá khích, họ khuyên tôi không nên giúp đỡ thuyền nhân, cứ để thảm cảnh tị nạn gia tăng thì đồng bào trong nước sẽ không vượt biên nữa, dân chúng sẽ uất ức và nổi lên chống chế độ cộng sản.

Thất vọng trước thái độ này, tháng 2-1986, tôi cùng một số đồng nghiệp thành lập hội Médecins du Vietnam trực tiếp giúp các thuyền nhân Việt Nam còn kẹt ở các trại tị nạn Đông Nam Á. Tháng 11-1992, Médecins du Vietnam quyên góp thành lập một lò bánh mì tại Palawan (Philippines) cung cấp thêm nguồn thực phẩm cho 120 em không thân nhân trên đảo. Hiện nay lò bánh mì này không những sản xuất đủ ăn mà còn dư để bán mỗi ngày 3.000 ổ cho người Phi. Với số tiền thu được, anh em trên đảo lập thêm một lò làm nước mắm để dùng cho nội bộ trại. Tại những nơi khác, hội chỉ gói tiền để mua quà tặng những thuyền nhân vào những dịp lễ Giáng Sinh, Tết Nguyên Đán.

2. Tại quốc nội, hội Médecins du Vietnam đã làm được những gì ?

Sự giúp đỡ của chúng tôi cho đến nay rất là khiêm tốn so với nhu cầu cả nước. Chúng tôi chỉ có thể hợp tác với các tu sĩ sẽ nâng đỡ những người kém may mắn. Hội đã bảo trợ hai lớp học Tình Thương gồm 60 học sinh nghèo hiếu học và cấp học bổng cho 50 em khác. Hội cũng hỗ trợ một số chẩn y viện từ thiện phương tiện để khám bệnh miễn phí cho bà con tại Sài Gòn.

3. Xin Anh cho biết về chương trình tặng xe lăn cho các thương phế binh.

Đây là một chương trình mà tôi muốn làm từ lâu nhưng chưa

có dịp thực hiện. Rất tiếc hội Médecins du Vietnam chưa quyết tâm ủng hộ chương trình này vì "lý do chính trị": giúp anh em phế binh phe nào đây? Theo tôi, tất cả đều là nạn nhân của các chế độ, họ rất cần được giúp đỡ.

Hiện nay theo những số liệu mà tôi đang có, Việt Nam có hơn 7 triệu người tàn tật trong đó có khoảng 40.000 anh em bị cụt cả hai chân không có xe lăn để di chuyển. Thảm nhất là những anh em phế binh thời Việt Nam Cộng Hòa, họ bị bỏ rơi và bị phân biệt đối xử sau ngày 30-4-1975, nhiều người phải đi vùng kinh tế mới, nhiều anh em khác còn phải đi "học tập cải tạo", và rất đông anh em phải hành nghề khát thực sống qua ngày. Vì tính chất cấp bách của vấn đề, tôi quyết định tự đứng ra tặng những anh em phế binh cụt hai chân xe lăn làm phương tiện di chuyển.

Tôi xin nói thêm là ngoài những anh em phế binh, tôi còn vận động tặng xe lăn cho các thành phần dân sự bị tật cả hai chân (nạn nhân chiến tranh, bại xụi, v.v...), nhưng trước mắt là giúp các anh em phế binh đang hành nghề khát thực (đa số là phế binh thời Việt Nam Cộng Hòa đã xuống tuổi) tìm lại danh dự trong cuộc sống. Tiêu chuẩn để được cấp phát là người bị mất hay bại xụi cả hai chân mà không có trợ cấp. Những người bị mất một chân sẽ được cấp một cặp nạn tốt để di chuyển. Sự xác định nhu cầu tặng xe lăn hay nạn chống do anh em phế binh trong nước giới thiệu. Hiện tại tôi cùng một số hội bạn lập danh sách những anh em phế binh và người bị xụi cả hai chân cần được cấp xe lăn, do đó đã có sẵn trong tay một vài con số. Tôi chỉ có thể giúp mỗi người một lần mà thôi.

4. Anh đã thực hiện được những gì trong chương trình này.

Trong ba tháng đầu năm 1994, tôi đã gởi 14 chiếc xe lăn đến tay những người đã được chọn, ngày 20-4 vừa qua tôi gởi thêm 6 chiếc, tổng cộng là 20 chiếc, trong đó có 18 phế binh Việt Nam Cộng Hòa và hai người bại xụi hai chân. Tôi dự trù từ đây đến cuối năm 1995 có thể tặng 100 xe lăn. Tôi rất cảm động và vui sướng khi một số những anh em nhận được xe gởi hình và viết thư bày tỏ cảm tưởng. Có một anh nói từ gần 19 năm qua có người bạn cũng bị cụt chân chỉ ở cách đó 12 cây số mà chưa bao giờ đến thăm được, nay anh có thể "đi" thăm anh bạn đó một cách thường xuyên. Có người hàng đêm trước khi đi ngủ tâm sự với xe lăn cho vui những nhọc nhằn trong ngày. Những thư khác cũng cảm động không kém nhưng tôi không thể kể hết ở đây.

5. Anh có những dự phóng nào và đề nghị gì với độc giả Thông Luận.

Các đảng đối lập ở Pháp cũng đã lên tiếng phản đối thái độ "nhân nhượng" về nhân quyền của thủ tướng Balladur trong chuyến công du ở Trung Quốc. Nó chẳng những không đem lại một hứa hẹn gì về thương mại lại còn bị chính quyền Bắc Kinh chơi xỏ. Thật là một bài học cho các nhà lãnh đạo Âu Mỹ muốn bán rẻ nhân quyền cho thương mại!

Trang 25

Căng thẳng giữa Trung Quốc và Đài Loan

Cuối tháng 3-1994, công an tỉnh Triết Giang, Trung Quốc, phát hiện trong hầm một chiếc tàu du lịch xác chết bị cháy đen của 24 người Đài Loan, 2 người hướng dẫn cùng 6 nhân viên lái tàu tại hồ Tiền Đảo. Chính quyền Trung Quốc loan tin đây là một "tai nạn". Báo chí Đài Loan đặt câu hỏi tại sao Trung Quốc xuẩn động như thế? Chính phủ Đài Loan tố cáo Bắc Kinh cố tình che giấu một hành vi cướp của, giết người tập thể để phi tang vì không cho thân nhân hay đại diện chính phủ Đài Loan khám nghiệm tử thi các nạn nhân. Theo dư luận báo chí, đây là một hành vi cướp của do hải quân Bắc Kinh thực hiện, rồi sau đó dùng súng phun lửa đốt tàu cùng xác nạn nhân để phi tang.

Quan hệ giữa hai nước Trung Hoa trở nên căng thẳng. Giữa tháng 4, các công ty du lịch Đài Loan tẩy chay các chương trình du ngoạn tại Trung Quốc: 450 đoàn du lịch, khoảng 10.000 người hủy bỏ các chuyến du lịch vào nội địa. [Năm 1993, quan hệ thương mại giữa hai nước lên đến 8,7 tỷ USD, trong đó 85% là do xuất cảng của Đài Loan. Số người Đài Loan viếng thăm Trung Quốc trong năm qua lên đến 1,9 triệu người (gần 10% dân số), Trung Quốc thu vào khoảng 3 tỷ USD.]

Tổng thống Đài Loan, Lý Đăng Huy, không những lên tiếng phản đối kịch liệt mà còn kêu gọi "nhân dân lục địa nổi dậy lật đổ chính quyền cộng phi do Bắc Kinh nắm giữ.". Đây là lần đầu tiên từ hơn 10 năm qua danh từ "cộng phi" được dùng lại. Chính quyền Đài Bắc đình chỉ mọi chương trình tài trợ và hợp tác văn hóa với Trung Quốc và kêu gọi doanh nhân tìm cách thu hồi 20 tỷ USD đã đầu tư vào nội địa. Phe chủ trương bảo vệ nền độc lập của Đài Loan qua sự kiện vừa kể có thêm luận cứ để củng cố lập trường: không thể hợp tác với một chính quyền vô nhân đạo tại Trung Quốc.

Lo sợ những phản ứng bất lợi khác từ phía Đài Loan, Bắc Kinh tuyên bố sẽ cho điều tra để làm sáng tỏ sự thật và hứa sẽ bồi thường xứng đáng gia đình các nạn nhân. Nhưng có một điều ai cũng biết là hiện nay Bắc Kinh không còn kiểm soát được các chính quyền địa phương, việc công an tỉnh Triết Giang đốt xác các nạn nhân không chờ chỉ thị của trung ương là một chứng cứ. Bắc Kinh viện cớ cần tăng cường chống buôn lậu dọc bờ biển nên không thể kiểm soát hành vi cướp của giết người của hải quân và công an. Theo Tổ chức quốc tế về hàng hải thì từ tháng 5 đến tháng 12 năm 1993, đã có 42 vụ cướp biển trong vùng đông-nam Trung Quốc, trong đó thủ phạm phần lớn là cảnh sát duyên hải hay hải quân tuần biển của Trung Quốc.

Nam Hàn: Sân chùa nổi sóng

Giữa tháng 4-1994, một cuộc hỗn chiến giữa các nhà sư cấp tiến và các nhà sư bảo thủ đã xảy ra tại chùa Chogye làm 38 người bị thương và 140 nhà sư bị bắt giữ.

Chogye là một chùa danh tiếng nhất miền Trung Nam Hàn và là trung tâm kích động các cuộc biểu tình chống chính quyền trong những năm qua. Ngày 10-4-1994, hàng trăm nhà sư cấp tiến đã đến kiết già (ngồi thiền) trước chùa Chogye phản đối việc Hòa thượng Suh Eui Hyon đương nhiên tái đắc cử vào chức vụ tăng thống giáo hội Phật giáo Nam Hàn và tố cáo ban trị sự chùa Chogye tham nhũng. Lối qua tiếng lại, phe chống đối ném đá vào

tòa nhà trị sự của chùa và liền bị phe ủng hộ Hòa thượng Suh Eui Hyon nhào ra đánh trả. Hai bên hỗn chiến trong nhiều tiếng đồng hồ, áo cà sa cùng tay chân vung lên loạn xạ, họ sử dụng đủ các loại vũ công để đánh trả địch thủ. Chính quyền Nam Hàn phải cử một ngàn cảnh sát chống biểu tình đến dẹp cuộc xung đột.

Cuộc đụng độ này không những gây chấn động lớn trong số 10 triệu Phật tử Nam Hàn mà cả chính phủ của tổng thống Kim Young Sam. Những nhà sư cấp tiến tố cáo Hòa thượng Suh Eui Hyon đã sử dụng một triệu đô-la tiền quyên góp của giáo dân để vận động cho ông Kim đắc cử tổng thống năm 1992. Việc cảnh sát Nam Hàn đến can thiệp vào cuộc tranh chấp nội bộ của giáo hội Phật giáo Nam Hàn càng củng cố luận đoán về hậu thuẫn của tổng thống Kim Young Sam đối với Hòa thượng Suh. Cuối cùng, ngày 13-4-1994, Hòa thượng Suh từ chức tăng thống, những nhà sư cấp tiến tuyên bố sẽ thành lập một ban trị sự mới. Một nhà sư cấp tiến nói đây không phải là một cuộc tranh giành quyền lực mà là một cuộc tranh đấu giữa các thế hệ.

Xây dựng vùng kinh tế mới

Ông Phan Văn Khải trong Hội nghị Đảng bộ Sài Gòn hồi đầu tháng 4-1994 tuyên bố: "Thành phố Hồ Chí Minh phải có bước chuyển nhanh và vững chắc trong thời kỳ mới [...], chuyển đổi toàn bộ công lạc hậu sang hiện đại, tạo ra năng suất lao động mới, thúc đẩy kinh tế phát triển và nâng cao trình độ văn minh xã hội [...], sản phẩm công nghiệp dịch vụ của thành phố Hồ Chí Minh phải có hàm lượng chất xám và kỹ thuật công nghệ cao, vượt trước so với trình độ cả nước".

Ông Hồ Đức Việt, bí thư thứ nhất trung ương của Đoàn Thanh Niên Xung Phong, phát biểu "lực lượng TNXP là một tổ chức kinh tế, xã hội đặc thù", nghĩa là một tổ chức để rèn luyện thanh niên trở thành những người "lao động chân chính" nhằm thực thi các dự án phát triển kinh tế, xã hội. Ông Việt đã đưa ra ba mô hình tổ chức TNXP trong đó có việc đưa TNXP đến các vùng xa xôi, hẻo lánh, các vùng khó khăn để thực hiện các chương trình phủ xanh, đất trống đồi trọc, những công trình khai phá ban đầu như xây dựng hải đảo... Nhiều người suy đoán đây là những biện pháp giải quyết nạn thất nghiệp nhằm đưa số thanh niên không có công ăn việc làm tại các thành phố đi "xây dựng vùng kinh tế mới" hay "làm vụ xã hội chủ nghĩa".

Sửa đổi việc quản lý các doanh nghiệp nhà nước

Viện nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương các doanh nghiệp nhà nước (DNNN) cho biết khoảng 7000 DNNN được đặt dưới sự quản lý của 500 cơ quan "chủ quản". Nhưng trong tương lai không xa chế độ chủ quản sẽ được bãi bỏ và thay thế bằng "tổng công ty" và "tập đoàn kinh tế". Đồng thời nhà nước sẽ thành lập một Tổng cục quản lý các DNNN để quản lý những tài sản của nhà nước đã được đưa vào kinh doanh. Như vậy số lượng 7000 DNNN sẽ được thu lại còn khoảng 300 đơn vị gồm từ 15 đến 20 tập đoàn kinh tế. Các ngành dầu khí, hàng không, đường sắt sẽ được dùng làm thí điểm cho các tập đoàn kinh tế này.

Ngoài ra, Bộ Tài Chánh cũng đã dự thảo xong nghị định về việc cổ phần hóa các DNNN. Khi doanh nghiệp nhà nước được

TIN TỨC...THỜI SỰ... TIN TỨC...

cổ phần hóa thì người lao động được trả một số tiền trợ cấp thôi việc trọn một lần hoặc từ nguồn tiền bán cổ phiếu thuộc vốn của nhà nước hoặc được cấp sổ xã hội xác nhận thời gian làm việc trong khu vực nhà nước để tính trợ cấp bảo hiểm xã hội sau này. Người lao động cũng có thể được cho vay tiền không trả lãi bình quân năm triệu đồng một người trong thời hạn tối đa là mười năm để mua chịu cổ phần hoặc được sử dụng một số cổ phần của nhà nước để hưởng lợi với mức bình quân ba triệu đồng một người. Doanh nghiệp quốc doanh cổ phần hóa phải bảo đảm giữ cho nhà nước ít nhất 30% giá trị doanh nghiệp, phần còn lại ưu tiên bán cho cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp nhưng không quá 40% giá trị doanh nghiệp.

Dư luận quần chúng và báo chí trong nước rất đề dặt về những cải cách mới này. Người ta nói rằng sau "xí nghiệp, nhà máy, công ty" bây giờ lại có "tổng công ty, liên hiệp các xí nghiệp" rồi đây sẽ còn có "tập đoàn kinh doanh". Trên lý thuyết, tập đoàn kinh doanh là "phép màu" ráp theo lý thuyết *1 cộng 1 lớn hơn 2* của Trung Quốc. Người ta lo ngại với tệ nạn bẽ phái, tham nhũng hiện nay, *1 cộng 1 chắc chắn sẽ nhỏ hơn 2* và như vậy là hàng tỉ đồng do nhân dân đóng góp lại ra đi không kèn không trống, để vỗ nợ lại cho bà con có bác.

Dư gạo nhưng không thể xuất khẩu

Những tháng cuối năm 1993, các tàu ngoại quốc nối đuôi nhau tại cảng Sài Gòn chờ chất đủ số gạo đã đặt mua, trong khi đó gần 2 triệu tấn gạo dư thừa ứ đọng tại các địa điểm sản xuất. Có nhiều nguyên nhân giải thích hiện trạng này. Theo giáo sư Võ Tòng Xuân, viện trưởng đại học nông nghiệp ở Cần Thơ, và ông Võ Quang Diệm, tổng giám đốc công ty Vinafood II, một trong những công ty xuất khẩu gạo lớn nhất Việt Nam, thì:

- các công ty xuất khẩu gạo gặp nhiều khó khăn trong việc vay vốn ngân hàng để thu mua gạo

- sự cạnh tranh rừng rú giữa các công ty xuất khẩu và các tay trung gian đầu nậu trong việc thu mua. Những trung gian này không hề quan tâm tới chất lượng gạo, họ giao gạo xấu ở bên trong, gạo tốt bên ngoài.

- nhà nước chỉ cấp giấy phép nếu giá xuất khẩu không dưới 170 USD/tấn. Thực tế thì do sức ép của thị trường, các công ty xuất khẩu chỉ có thể bán với giá 150 USD/tấn nhưng vẫn xin mở tín dụng thư với giá 170 USD. Để bù lỗ cho khách mua gạo, các công ty xuất khẩu mua lại nguyên liệu sản xuất ra phân bón (urê) với giá cao. Thế là urê cứ ùn ùn vào Việt Nam và gây ra ứ đọng bán không được. Nhà nước không đánh thuế phân thành phẩm mà đánh thuế urê khiến phân nội địa cũng tồn kho tràn lan.

Đánh cá trộm tại Biển Đông

Từ 1989 đến nay, lực lượng biên phòng Việt Nam đã xử lý 423 vụ tàu thuyền đánh cá ngoại quốc đến bắt trộm hải sản dọc bờ biển Việt Nam, từ Bình Định đến Kiên Giang, gồm 920 tàu thuyền và 7.856 người, đông nhất là ngư phủ Thái Lan. Chính quyền cộng sản Việt Nam đã xử phạt và thu được 100 tỉ đồng.

Theo đánh giá của lực lượng biên phòng, mỗi năm khoảng 10.000 lượt tàu nước ngoài đến bắt trộm tôm cá, của Việt Nam khoảng 6 triệu tấn hải sản, trị giá gần sáu tỉ USD. Mỗi lượt tàu đánh cá lậu ra vào hải phận Việt Nam trung bình một năm 10 lần. Mỗi ngày có từ 150 đến 200 tàu đánh cá xâm nhập trái phép, mỗi

tàu chở đi ít nhất 50 tấn hải sản.

Hợp tác Việt-Pháp

Một phái đoàn của phòng thương mại và công nghiệp (PTMCN) tỉnh Versailles (Pháp) do ông Didier Simond cầm đầu đã đến Việt Nam vào trung tuần tháng 4-1994 để ký nghị định thư hợp tác với hai thành phố chính của Việt Nam. Cụ thể, PTMCN Versailles đang giúp đỡ thành phố Hà Nội thành lập một trường bán công về công nghệ thông tin học. Trường học này dự kiến khai trương vào tháng 9-1994. Nhu cầu tài trợ lên đến 8 triệu quan pháp và PTMCN Versailles đã vận động tòa thị chính Paris, bộ ngoại giao Pháp và hội đồng vùng Ile de France huy động số vốn trên.

Ngày 22-2-1994, tòa thị chính Paris, PTMCN Versailles, Lotus Pháp, trường tin học Lotus cùng ủy ban nhân dân thành phố Sài Gòn đã ký thỏa thuận tăng cường và phát triển công tác đào tạo tại chức, nâng cao quản lý nhà trường, trao đổi sư phạm. Ông Jean Pierre Le Provost, đại diện PTMCN Versailles, theo dõi toàn bộ các hoạt động liên doanh với Việt Nam, Lào và Campuchia.

PTMCN Versailles cũng đang nghiên cứu việc thành lập một trung tâm công nghệ với mục đích thúc đẩy mạnh mẽ các quan hệ hợp tác trao đổi quốc tế. Một hội nghị về thông tin sẽ được tổ chức vào tháng 9-1994 tại Pháp nhằm giúp các xí nghiệp Pháp hiểu rõ về những cơ hội kinh doanh và hợp tác với Việt Nam. Hội nghị này sẽ có sự tham dự của nhiều bộ trưởng Việt Nam.

Về phần Phòng thương mại và công nghiệp Paris (CCIP), cơ quan đầu não lập dự án thành lập Trung tâm đào tạo cán bộ quản lý Pháp-Việt (CFVG) tại Hà Nội (1992) và Sài Gòn (1993). CFVG có ba hình thức đào tạo: chính qui, tại chức và tư vấn (theo yêu cầu của xí nghiệp). Thành phần giảng dạy của trung tâm gồm các giáo sư Pháp chuyên về quản lý đang làm việc tại Việt Nam, các giáo sư giảng dạy ở các trường đại học nổi tiếng của Pháp (HEC, ESCP...), các giáo sư Việt Nam đã du học và giảng dạy ở nước ngoài.

Cướp cơm chim

Báo Lao Động ngày 1-3-1994 cho biết Viện Kiểm Sát Nhân Dân tỉnh Quảng Nam-Đà Nẵng đã gởi công văn báo cáo cho Ủy Ban Nhân Dân yêu cầu chấn chỉnh công tác cho và nhận viện trợ nhân đạo giữa hội Từ thiện Âu-Pháp-Á (AEFA) và thành phố Đà Nẵng từ cuối năm 1992 đến nay.

Ngày 24-3-1993, hội AEFA đã gởi cho Bệnh viện khu vực 1 Đà Nẵng một container gồm 530 kiện hàng gồm 4.903 kg thuốc tây, trị giá 612.412 Francs. Bệnh viện khu vực 1 đã làm thủ tục tiếp nhận số hàng trên. Nhưng thay vì đưa về lưu tại kho bệnh viện và tiến hành phân phối cho người nghèo theo đúng mục đích viện trợ thì bệnh viện lại chuyển số hàng trên về kho số 1 Thanh Thủy Đà Nẵng thuộc Công Ty Mỹ Nghệ Đông Phương do bà Nguyễn Thị Phước trực tiếp quản lý. Từ đó số dược phẩm này được Công Ty Đông Phương phân phối ra thị trường mà bệnh viện không hề hay biết (?).

Cùng nên nhắc thêm là 3 container thuốc và dụng cụ y tế trị giá 1.427.627 Francs gồm 321 kiện hàng cũng bị cướp bằng cách đó hồi tháng 2-1992. Bà Nguyễn Thị Phước đã tự động bán 181 kiện hàng, thu 211 triệu đồng và mãi đến ngày 15-7-1993, phó chủ tịch UBND Đà Nẵng Trần Hoàng Hoành mới ký vào đơn đề

THỜI SỰ... TIN TỨC... THỜI SỰ...

nghey của bà Phước với nội dung "thống nhất cho bán số thuốc trên để tính vào tiền chuyên chở" (!). Qua điều tra thì toàn bộ số thuốc chữa bệnh và dụng cụ y tế do AEFA viện trợ suốt mấy năm qua đều do bà Nguyễn Thị Phước và ông Trần Hoàng Hoanh tổ chức cướp trên đầu dân dân nghèo!

Đào Đình Luyện đi Bắc Kinh

Báo Nhân Dân Bắc Kinh ngày 11-4-1994 cho biết tổng tham mưu trưởng quân đội Việt Nam, Đào Đình Luyện, được phó chủ tịch Quân Ủy Trung Ương, đô đốc Lưu Hoa Thanh tiếp ở Điều Ngự Đài (Diao Yu Tai), nơi dành cho khách ngoại quốc ở Bắc Kinh. Trong bài diễn văn tiếp đón, Lưu Hoa Thanh nói "hai nước Việt và Trung là hai nước lân bang. Trong những năm gần đây, quan hệ hai nước phát triển tốt trong điều kiện tiến hành đổi mới của xã hội chủ nghĩa". Họ Lưu lại nhấn mạnh "hai nước cần giải quyết những vấn đề còn bất đồng bằng thương lượng". Đào Đình Luyện, sau đó được tổng tham mưu trưởng Trung Quốc Trương Vạn Niên tiếp, cũng tuyên bố: "Việt Nam về phần mình đã chứng tỏ có nỗ lực tiếp tục củng cố và phát triển tình hữu nghị truyền thống về quân đội giữa hai nước". Ngoài những lời tuyên bố chung chung, các quan sát viên nhận xét là Hà Nội rất lo âu về sự tăng cường quân sự của Trung Quốc ở hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa sau khi Trung Quốc ngang nhiên, bất chấp luật lệ quốc tế, cho thông qua một đạo luật ngày 25-2-1992, theo đó 80% biển Nam Hải "thuộc chủ quyền của Trung Quốc", bao gồm ba quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và Senkaku. Quần đảo Senkaku còn có tên là Diao Yu Tai hiện là đối tượng tranh chấp với Nhật. Tiếp theo đó chính quyền Bắc Kinh cho phép hãng dầu Mỹ Crestone Energy Corp., thăm dò dầu hỏa, bất chấp phản đối của Hà Nội vì biết Hà Nội không có khả năng quân sự để cấm đoán. Hãng này, mới đây tuyên bố sẽ cho thăm dò dầu hỏa dưới sự bảo vệ của Trung Quốc. Hà Nội lại lên tiếng phản đối cho vùng tham dò thuộc lãnh thổ Việt Nam nhưng không dám nêu đích danh Trung Quốc. Hà Nội cũng cho phép hãng dầu Mobil của Mỹ thăm dò dầu hỏa ở vùng kế bên vùng của hãng Crestone.

Hà Nội trục xuất 3 người Mỹ

Billy Hendon, cựu dân biểu bang North Carolina, Beth Stewart, nữ luật sư tại Washington và là em gái một phi công bị mất tích, và Lamont Gaston, đại diện một tổ chức cựu quân nhân, vừa bị trục xuất khỏi Việt Nam ngày 21-3-1994 vì "giấy thông hành hết hiệu lực".

Được biết ba người này đã đến Hà Nội giữa tháng 3-1994 để dò tìm tung tích những tù binh Mỹ sau chiến tranh Việt Nam. Ngày 20-3, họ tìm cách đến một địa điểm "quân sự nhạy cảm" tại Vinh Phú, cách Hà Nội 100 km về hướng tây-bắc, và bị từ chối không cho xuống thăm một nhà giam ngầm tại đây.

Ông Hendon nói muốn tìm kiếm quân nhân Mỹ mất tích tại Việt Nam chính quyền Hoa Kỳ phải tìm và hỏi những nhân chứng trong các trại giam tù nhân Việt Nam thay vì đào xới quanh xác các phi cơ bị rơi. Ông Hendon trách trung tá John Cray, chỉ huy trưởng cơ quan MIA tại Việt Nam, đã không tiếp xúc với ông. Trung tá Cray nói nhân viên của ông đã đến điều tra một số trại giam người Việt Nam và không tìm thấy một dấu vết nào, theo ông thì không còn tù binh Mỹ nào bị giam tại Việt Nam.

SOS giáo sư Việt Nam bị giết tại Algeria

Đầu tháng 3-1994, giáo sư Nguyễn Huy Sáu đã bị bọn khủng bố Hồi giáo bắn chết tại thành phố Sid-Bel-Abbas, Algeria. Ông Sáu là một giáo sư đang giảng dạy về môn cơ học tại đây. Theo một nguồn tin từ giới bạn bè, ông Sáu đã bị ám sát ngày 1-3-1994 nhưng mãi tới ngày 10-3 tin này mới được loan báo vì trong cùng thời gian đó bà Nguyễn Thị Bình, phó chủ tịch nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam đang thăm viếng Alger, nên "cần phải đợi chỉ thị trong nước rồi mới có thể loan báo".

Từ đầu năm 1994, hoạt động của quân khủng bố Hồi giáo (FIS) gia tăng một cách báo động. Quân khủng bố FIS tuyên bố mọi người ngoại quốc phải rời Algeria, nếu không sẽ bị giết. Tình trạng này gây một lo âu lớn trong các chuyên gia Việt Nam đang có mặt tại Algeria. Nhà cầm quyền cộng sản không có ý định hỏi hương học mặc dầu tính mạng họ bị đe dọa trầm trọng.

Hiện nay có hơn 300 chuyên viên Việt Nam tại Algeria, trong đó gần 200 người là bác sĩ, gần 100 là giáo sư, giảng sư, giảng viên đại học, số còn lại là kỹ sư.

Hồi hương là nguyện vọng tha thiết nhất của anh em vì ở Algeria anh em sống trong lo sợ mà lại không có quyền lợi nào cả.

Mỗi bác sĩ và giáo sư đại học được trả 8.000 dinar khả hoán (có thể đổi ra ngoại tệ) và 2.500 dinar tiền túi để tiêu xài tại chỗ. Các kỹ sư và giảng sư được 6.000 dinar khả hoán và 2.000 dinar tiền túi. Cách đây 3 năm hối suất chính thức của đồng dinar là 1/4 USD, ngày nay chỉ còn 1/18. Như thế một bác sĩ hay giáo sư trước đây lãnh 2.000 USD nay chỉ còn được 444 USD mỗi tháng, một kỹ sư trước đây được 1.500 USD nay chỉ còn 333 USD. Tiền túi không đáng kể nếu đổi ra USD vì hối suất thị trường tự do là 50 dinar cho 1 USD.

Tuy vậy sự thay đổi hối suất này không mấy quan trọng đối với các chuyên gia Việt nam vì tòa đại sứ Việt Nam ở đây bóc lột họ thậm tệ. Tòa đại sứ lấy hết lương của anh em và chỉ cho mỗi giáo sư, bác sĩ 100 USD, mỗi giảng sư hay kỹ sư 90 USD.

Một giáo sư trước đây được 2.000 USD cũng chỉ được trả 100 USD mỗi tháng, bây giờ chỉ còn 444 USD cũng vẫn được 100 USD. Các bác sĩ có thể gác đêm để kiếm thêm tiền cho nên hàng tháng họ có thể có thêm từ 200 đến 300 USD để dành. Các giáo sư có thể nhận soạn giáo án, tham dự chấm thi, họ cũng có thể có thêm được từ 100 đến 200 USD mỗi tháng. Nhưng các anh em giảng sư, giảng viên, kỹ sư thì thật là cơ cực, họ chỉ có lương 90 USD mỗi tháng mà thôi, ngoài 2.000 dinar tiền túi, tương đương 40 USD.

Một lợi tức không đáng kể như vậy chắc chắn không đáng để các anh em chấp nhận nguy hiểm cho tính mạng. Nhưng đối với tòa đại sứ và chính quyền cộng sản họ vẫn còn là một nguồn ngoại tệ cần được khai thác.

Trước hoàn cảnh đau lòng này, ai không thấy phẫn nộ? Cầu mong anh em sớm thoát hiểm và trở về đoàn tụ gia đình.

Hội thảo quốc tế về thuyền nhân Việt Nam

Tiếp theo hội nghị lần thứ 5 của Ủy Ban Chỉ Đạo Chương Trình Hành Động Tổng Quát (PAG) gồm đại diện của 28 quốc gia họp tại Genève, "Ủy Ban Bảo Vệ Thuyền Nhân Việt Nam", một tổ chức tư nhân tại Pháp, đã mời các đại diện các hội đoàn người Việt hải ngoại, các nhân sĩ tới hội trường Congrès de Paris

TUẦN TỨC...THỜI SỰ...TUẦN TỨC...

(phòng hội Havane) vào ngày thứ bảy 21.05.1994, từ 14 đến 18 giờ để hội thảo với mục đích "kiểm hậu thuần quốc tế về pháp lý và công luận" nhằm bênh vực cho hơn sáu chục ngàn đồng bào thuyền nhân đang bị đe dọa phải bị cưỡng bách hồi hương.

Nguồn tin thân cận những người tổ chức hội thảo cho hay là các tham luận viên tham dự cuộc hội thảo này sẽ gồm có nhiều luật gia, nhà báo, người hoạt động nhân đạo, chính khách quốc tế v.v...

Không thấy đưa ra một chương trình hội thảo có chi tiết rõ rệt. Chỉ thấy được nêu lên hai điểm "không thể làm ngơ được":

1. Về mặt nhân đạo, theo lời Ban tổ chức, Cao Ủy Tị Nạn đang áp dụng một chính sách bớt phần ăn, dẹp bệnh xá, đóng cửa các lớp học cho trẻ em trong trại...

2. Về mặt pháp lý, cũng vẫn theo Ban tổ chức, "đầu núp dưới một mỳ từ nào vẫn là một hình thức cưỡng bách hồi hương...sai trái từ căn bản với các Công ước về người tị nạn".

Lệnh cấm vận được bãi bỏ, Việt Nam sẽ đi về đâu?

Cuộc hội thảo do Ủy Ban Dân chủ (UBDC) tổ chức ngày 10-4-1994 tại Paris, ở hội trường Centre International de Séjour, quận 13, đã được sự hưởng ứng đông đảo và rộng rãi. Gần 80 người đã tới nghe thuyết trình và theo dõi những thảo luận liên quan tới tình hình Việt Nam sau khi lệnh cấm vận được giải tỏa.

Giáo sư Đinh Văn Hoàng, cựu phó khoa trưởng Đại học Khoa Học Sài Gòn, đồng thời cũng là chủ tịch UBDC, người điều hợp cuộc hội thảo, xác định trước khi mọi người nhập cuộc rằng muốn nhân cơ hội tạo một diễn đàn chung để các tiếng nói tự do dân chủ có điều kiện cùng nhau đối thoại hầu phối hợp hành động đấu tranh giành dân chủ tại Việt Nam trong tình huống mới.

Mở đầu phần thuyết trình, hai ông Bùi Tín, Võ Nhân Trí, với cách nhìn của những cựu đảng viên cộng sản, chống đảng và bỏ đảng, đã tố cáo thiếu số người lãnh đạo then chốt đảng cộng sản khóa chặt đối mối, gây thảm trạng cho nước Việt Nam. Phần thuyết trình sau đó được tiếp tục với các tham luận của ông Nguyễn Hữu Chung (Montréal, Canada), ông Trần Thanh Hiệp, chủ tịch Trung tâm Việt Nam về nhân quyền (Paris). Ông Nguyễn Văn Trần thuộc UBDC tóm lược các ý kiến của những tham luận viên vắng mặt, ông Lê Văn Đăng, chuyên gia kinh tế tài chánh vừa mới viếng thăm Việt Nam trong ba tuần lễ, ông Tôn Thất Thiện (Québec, Canada), ông Tôn Thất Long, ông Bùi Doãn Khanh v.v...lần lượt phân biểu ý kiến.

Sang phần thảo luận, nhiều người ở ngoài tham luận đoàn đã lên tiếng, kể chỉ bản về mặt kỹ thuật tiến hành cuộc thảo luận, người trình bày kinh nghiệm sinh hoạt trực diện với cộng sản ở trong nước v.v... Giáo sư Vũ Quốc Thúc yêu cầu ông Stephen Young nói rõ phải chăng việc tổng thống Mỹ bãi bỏ lệnh cấm vận có những lý do chiến lược. Một đại diện của Tổng hội sinh viên Việt Nam tại Paris đưa ra lời kêu gọi "đầu tư tình cảm, vốn liếng, kỹ thuật v.v... về trong nước".

Diễn giả gây được sự chú ý đặc biệt là ông Stephen Young - một luật gia người Mỹ và cũng là người liên hệ với ông Nguyễn Đình Huy mấy tháng trước đây đã bị chính quyền cộng sản bắt giam. Phát biểu bằng tiếng Việt, ông Stephen Young đã giải thích vì sao tổng thống Bill Clinton đã bãi bỏ lệnh cấm vận. Đồng

thời ông cũng tiên đoán rằng từ nay đến năm 2000, vấn đề bình thường hóa quan hệ ngoại giao Việt-Mỹ sẽ còn gặp nhiều trở ngại vì nhà cầm quyền Việt Nam vẫn theo đuổi chính sách công an trị, coi thường nhân quyền, coi rẻ luật về quốc tịch (ông viện dẫn trường hợp mấy người Mỹ gốc Việt bị bắt giữ tại Việt Nam không được đối xử như công dân Mỹ).

Cuộc hội thảo chấm dứt với sự tán thành đề nghị thành lập Trung tâm liên lạc của những người (ở trong nước) bị đi xử tàn bạo và bất công. Ủy Ban Dân Chủ tình nguyện đảm trách việc điều hành Trung tâm liên lạc này trong giai đoạn khởi đầu.

Sau cuộc hội thảo, dư luận báo chí đánh giá cao những kết quả nó đã thu hoạch được: "không khí cởi mở, đồng thuận về quan điểm đấu tranh cho tự do dân chủ giữa những người thuộc các khuynh hướng dị biệt từ cực tả sang cực hữu v.v...". Được yêu cầu nhận định về sự đánh giá như trên, một người có mặt trong cuộc hội thảo, vì dè dặt không muốn tiết lộ tính danh, đã nói như sau: "Đừng nghiêm khắc mà cũng đừng quá dễ dãi. Cũng như nên tránh quá lạc quan hay quá bi quan! Cuộc hội thảo 10-4-1994 có những mặt tích cực mà cũng có những mặt tiêu cực. Có lẽ mọi người nên nhìn vấn đề một cách Việt Nam hơn. Sinh hoạt chính trị Việt Nam không mang những sắc thái rõ rệt "tả", "hữu" như ở phương Tây. Đối với người Việt Nam, điều quan trọng là "dân chủ" hay "không dân chủ", "đạo đức" hay không "đạo đức". Nếu đã là dân chủ thì không thể dùng thủ đoạn không dân chủ. Nếu đã nhân danh đạo đức để lên án cộng sản vô đạo thì không thể lại rập khuôn theo cách cộng sản. Điều tích cực là mọi người đã chấp nhận đến hội trường để gửi mỗi người một thông điệp và quan sát tha nhân. Nhưng không nên giải thích khiên cưỡng sự có mặt chung như là đã có đồng thuận".

Những kẻ ăn trộm văn chương

Từ Sydney, châu Úc, nhà văn Lệ Hằng gửi thư ngỏ nhờ các báo nêu vấn đề một số "cơ sở văn hóa" của người Việt tị nạn tại Mỹ vẫn tiếp tục lộng hành, ngang nhiên in lại tác phẩm mà không xin phép tác giả, không trả tác quyền. Bà Lệ Hằng cho biết là bà đã chịu nhện về chuyện 13 tác phẩm của bà, sáng tác trước 1975 bị tái bản "ngang xương" rồi. Nhưng với chuyện tác phẩm mới viết xong sau 1975 "*Như Sương Long Lanh*" thì bà không thể yên lặng được nữa.

Nửa số tiền tác quyền của quyển sách đó đã được cơ sở ấn loát Mô Làng ứng trước. Nhà in chỉ còn chờ bà hiệu đính xong là in và nhà xuất bản thanh toán phần tiền tác quyền còn lại. Công việc hai bên tiến hành gần xong, giám đốc cơ sở ấn loát Mô Làng bỗng ngạc nhiên nhìn thấy bày bán trên kệ sách của một nhà xuất bản tại California cuốn "*Như Sương Long Lanh*" của bà! Ông giám đốc Mô Làng đã mua một cuốn để tặng bà với những lời phiên trách gay gắt.

Nhà văn Lệ Hằng nhấn mạnh: rằng lên tiếng về vấn đề này không phải bà muốn gây thanh thế theo đuổi một cuộc tranh chấp vì quyền lợi cá nhân. "Đây là một vấn nạn rất lớn cho những người còn lương tri, những người đã là nạn nhân - và sẽ là nạn nhân - phải có thái độ với lũ đạo tặc văn hóa ngang ngược này" đoạn trích dẫn thư này đã nói lên được cơn giận hữu lý của một nhà văn nạn nhân của những lối kinh doanh phi pháp, lối ăn trộm văn chương giữa ban ngày.

Cảm tưởng một đêm đầy hy vọng

Đây là đêm văn nghệ và dạ vũ mùa xuân của báo Thông Luận tổ chức tối hôm thứ bảy 23-4-1994.

Được giấy mời tôi quyết thế nào cũng đi, tuy xa xôi, đêm tối - vì ít khi gặp dịp để khuyến khích một công cuộc của các bạn trẻ. Nhưng trong thâm tâm tôi cũng tưởng là đêm nay cũng chỉ giống các đêm khác, cũng từng ấy bài, hát đi hát lại gần thuộc lòng.

Không dè đêm nay khác thường. Cứ đọc chương trình thì biết: nào Những nẻo đường Việt Nam, Quê hương qua dân ca dân nhạc, nào Non sông cẩm tú, nào Nhớ cố hương xao xuyến tác lòng. Phần sau cùng làm cho tôi cảm động nhất. Mấy tiếng trống đầu tiên đã làm cho không khí đêm đó trở nên đặc biệt Việt Nam, có một cá tính thiêng liêng.

Ta nên cảm ơn Ban Hợp xướng Ngân Thông, lúc du dương, lúc hùng hồn, bao giờ cũng đều, không bao giờ lẻ mề. Được như vậy chắc cũng nhờ công luyện tập của Phạm Ngọc Lân, một người điều khiển thật có tài, mang hết cả tâm hồn mình vào trong cuộc điều khiển đó.

Ta cũng không quên giáo sư Đặng Tiến đã cống hiến cho chúng ta một bài sưu tầm sử ký văn chương hữu ích trong bản chương trình của đêm văn nghệ.

Tại sao tôi cho đêm đó là một đêm đầy hy vọng?

Là vì đêm đó chứng tỏ rằng chúng ta có thể hợp quần để đi tới một lý tưởng chung, là vì tối hôm đó dân ta cũng tỏ ra có tài như các dân tộc khác; tuy không được học, tuy không phải là chuyên môn, nhưng chúng ta cũng có thể đạt được một cái gì đáng kể.

Nguyễn Huy Bảo (Paris)

L.T.S. Cụ Nguyễn Huy Bảo, 86 tuổi, là cựu Khoa Trưởng Đại Học Văn Khoa Sài Gòn.

Hễ có đô-la...

Gia đình tôi dự định về thăm nhà vào mùa hè này. Khi đi mua vé, tôi được biết là vào thời điểm đó sẽ có Air Vietnam bắt đầu bay Sài Gòn - Paris với giá vé rẻ hơn 700 Francs (6.100 F thay vì 6.800 F). Sự sai biệt này rất hấp dẫn nhất là khi Agence cho hay hoàn toàn bảo đảm về an ninh. Máy bay, phi hành đoàn đều là của Air France. Như thế gia đình tôi bớt được một số tiền lớn và hơn nữa tôi lại đóng góp cho một công ty Việt Nam. Vì thế tôi chọn Air Vietnam.

Vài ngày sau, tôi nói chuyện với một người bạn đi về Việt Nam thường xuyên và ông này khuyên tôi chịu đất chứ chớ đi Air Vietnam. Lý do: người ta có thể gạt chúng tôi khỏi danh sách chuyển bay Về (retour) để thế những người khác vào để ăn hối lộ vài chục đô-la. Chuyện đó xảy ra thường xuyên lắm tại Việt Nam. Họ bất chấp việc giữ chỗ trước, hễ có đô-la xìa ra cái gì họ cũng làm. Tôi giạt mình: gia đình tôi có mấy đứa con thơ, vợ chồng tôi đều đi làm và phải về đúng ngày. Thôi đành già từ Air Vietnam. Tôi đổi vé sang Air France.

Mme Nguyen (Noisy le Grand)

LTS: Một chính quyền cai trị bất chấp lê phải, dân chủ, nhân quyền đưa đến hậu quả là lối làm ăn bất chấp đạo đức nghề nghiệp. Dù là các hãng máy bay, hay các khách sạn, các xí nghiệp tư cũng như công và cả các cơ quan nhà nước, người ta bất chấp mọi cam kết, quỵt hàng, giạt nợ, giao hàng không đúng hẹn, không đúng phẩm chất, v.v... Chính quyền cai trị một cách lì lợm thì các xí nghiệp cũng làm ăn một cách chộp giạt. Nhà dột từ nóc. Việt Nam có thể thành một con rồng Châu Á với lối cai trị và kinh doanh này không?

Vô cùng xấu hổ

Tôi là người gốc Khmer, quê ở Sóc Trăng, nhưng trong thâm tâm tôi lúc nào tôi cũng nghĩ mình là người Việt trước hết. Trước 1975, tôi là thượng sĩ quân đội Việt Nam Cộng Hòa và phải đi học tập cải tạo ba tháng sau 1975 tại Châu Đốc. Tôi vượt biên năm 1979 bằng đường bộ qua ngã Kampuchea, sau đó được đưa đi định cư tại Pháp.

Kỳ vừa rồi, hồi tháng 2-1994 (trong dịp Tết Nhâm Tuất), tôi về thăm nhà và luôn dịp ghé sang Nam Vang chơi cho biết. Điều làm tôi ngạc nhiên là thành phần phụ nữ Việt Nam hành nghề mãi dâm trên đất Chùa Tháp này quá đông, đa số là phụ nữ từ đồng bằng sông Cửu Long sang lập nghiệp. Tôi thấy các cô này còn rất trẻ, tuổi trung bình chắc từ 15 đến 20 là cùng, có nhiều cô mặt mũi rất trắng trẻo và đẹp đẽ. Họ đứng đông nghẹt dọc theo con đường từ bến phà Neak Luong đến thủ đô Nam Vang, chào mời khách một cách ồn ào và công khai, có khi còn làm cản trở lưu thông xe cộ. Nhiều cô chạy đến mời tôi đi "dù" nhưng tôi đều từ chối. Điều đáng nói là khi tôi tự xưng mình là người Việt thì các cô đó bịu môi và bỏ đi một cách khinh bỉ. Đến một đoạn khác, tôi nói tiếng Khmer thì nhiều cô liền nhào tới lôi kéo tôi vào các căn nhà lá lụp xụp hai bên đường.

Tôi không biết những người Việt thuần túy có thấy xúc phạm gì không, riêng tôi thì thấy vô cùng xấu hổ. Tôi đau buồn khi nghĩ đến số phận của các cô gái Việt này vì nóng nổi gì mà phải bán thân nơi đất khách quê người. [...]

Thạch Khem (La Courneuve)

Đau buồn cho dân tộc

Chúng tôi là những cựu sinh viên và thanh niên Việt Nam ở Tiệp Khắc, hiện đang xin tị nạn tại Đức và đang tạm trú tại thành phố Zweibrücken. [...]

Trong mấy năm sống ở Đức, một đất nước dân chủ, văn minh và tiên tiến, chúng tôi đã thu nhận được nhiều điều hay, mới lạ đồng thời cũng đủ để thấy thấm thía nỗi đau của kẻ tha phương cầu thực, sống nhờ vào sự thương hại của kẻ khác. Nghi lại thân phận mình, càng thấy đau buồn cho dân tộc, đó là tình cảnh chung của hầu hết người Việt tị nạn tại đây. Hằng ngày chúng tôi phải sống trong sự phân biệt, coi thường, từ cái nhìn ghê lạnh của người dân cho đến những tiếng chửi rủa dọa hành hung của những

Độc giả viết...Độc giả viết...Độc giả viết...Độc giả viết...Độc giả viết...Độc giả viết...

kẻ vô học; ngay cả những người làm việc ở các cơ quan chính quyền đối xử với dân tị nạn cũng lạnh nhạt, khinh rẻ như đối với những kẻ ăn xin. Chưa bao giờ lòng tự trọng của chúng tôi lại bị tổn thương đến như vậy. Lời tự an ủi "là người Việt Nam mà" càng làm tủi hổ thêm những "con Hồng, cháu Lạc". Đã thế, chúng tôi còn là món hàng trao đổi của hai chính phủ, và bị đặt trước nguy cơ của sự cưỡng bức hồi hương về Việt Nam, nơi mà hiện tại không một người Việt có lương tri nào còn muốn sống nữa.

Chúng tôi không muốn về Việt Nam bây giờ, không phải chỉ vì đất nước ta nghèo, cũng không phải vì đồng DM quá có giá. Ai đã từng sống ở Việt Nam sau này, nơi đang được mệnh danh là "xã hội chủ nghĩa", dưới sự lãnh đạo độc tôn của Đảng Cộng sản, đều phải hoảng sợ. Trong xã hội đó, mọi giá trị đều bị đảo lộn. Phân tích về những nghịch lý của xã hội Việt Nam đã có nhiều nhà lý luận trình bày rồi. Riêng đối với anh em chúng tôi, trở về muốn sống được, phải thay đổi bản chất của mình, phải biết đối trá, xu nịnh, a-dua, hối lộ v.v..., điều mà lương tâm của con người có lòng tự trọng không cho phép làm. Đất nước và xã hội Việt Nam đang đứng trước những cơn bệnh trầm trọng mà có người coi là "Quốc nạn". Sự nghèo nàn và lạc hậu có thể khắc phục bằng yếu tố con người nhưng sự hư hỏng, băng hoại của một thể hệ có thể đưa đến sự diệt vong của cả một dân tộc hay cả một nền văn minh. Đứng trước tình hình đó, bất kể người Việt Nam có lương tri nào cũng băn khoăn, trăn trở, muốn hành động cho đất nước và cho thế hệ mai sau.

Trong những tờ báo của người Việt hải ngoại phục vụ cho mục đích đấu tranh chống chế độ độc tài cộng sản đã lỗi thời ở Việt Nam, vì một nước Việt Nam dân chủ, tự do và hùng cường trong tương lai, Thông Luận đã gây được sự chú ý ngay từ lần được tiếp xúc đầu tiên. Dần dần theo thời gian, càng tiếp xúc, tờ Thông Luận càng nhanh chóng chiếm được cảm tình và lòng tin của chúng tôi. Những bài viết và chủ trương của Thông Luận phù hợp với những suy nghĩ, tâm tư, trăn trở của chúng tôi đối với đất nước. Vì những cây bút sắc bén có trình độ, các tác giả của Thông Luận, đã phân tích, mổ xẻ các vấn đề một cách sâu sắc, cộng với những suy luận logic, khoa học và đặc biệt là tấm lòng thực sự trăn trở với đất nước, dân tộc khiến chúng tôi cảm nhận ngay rằng "đây là tờ báo của mình". Điều có sức thuyết phục hoàn toàn là chỉ có một chế độ dân chủ thực sự, với một nền dân trí cao, mới có thể xây dựng được một hệ thống nhà nước pháp quyền hợp lý, cho phép chọn lựa những người có khả năng, những tinh hoa của dân tộc vào những vị trí lãnh đạo xã hội, cho phép mỗi người dân tìm một chỗ đứng thích hợp, "đ/c Đỗ Mười" sẽ trở về vị trí một anh nông dân, chủ một gia đình hiền lành và tốt bụng. Các tiến sĩ, kỹ sư các chính trị gia trở về đúng vị trí của mình, tất cả cùng đồng tâm, hiệp lực xây dựng một nước Việt Nam giàu mạnh, để con cháu chúng ta không phải chịu những đau khổ, tủi nhục như ông cha chúng!

Chúng tôi nghĩ rằng Thông Luận không chỉ đơn thuần là tờ báo bệnh vực cho dân chủ mà còn là một diễn đàn dân chủ thực sự, tập hợp được rộng rãi những người Việt yêu chuộng tự do, lẽ phải vì tương lai của đất nước, đủ sức mạnh (đánh bại) chiến thắng bạo lực, sự tham lam, dốt nát, mù quáng đang ngự trị ở xã hội Việt Nam bây giờ. Và cũng như "obeionské* forum" của

Tiếp Khắc, Thông Luận sẽ là nơi phôi thai của các đảng phái chính trị, dân chủ có đủ khả năng lãnh đạo cuộc sống chính trị của Việt Nam sau này.

Lần đầu ghi thư cho Thông Luận, dù chỉ là việc đặt báo, chúng tôi cũng đã giải bày đôi điều tâm tư, suy nghĩ của mình đối với đất nước. Bởi vì Thông Luận đã chiếm được một phần lòng tin của chúng tôi. Đó là điều quan trọng nhất, chúng tôi mong rằng, theo thời gian và sự việc, lòng tin sẽ được củng cố và phát triển, cũng như tương lai của đất nước Việt Nam, tươi đẹp. Và chúng tôi mong muốn được góp một phần nhỏ bé của mình vào sự nghiệp chung đó. [...]

Lâm Thanh Hải, (Zweibrücken, Đức)

LTS: Thông Luận rất cảm động đón nhận những lời lẽ đầy chân tình của anh em và xin chia sẻ cùng với anh em nỗi đau thân lành nạn những người Việt phải bỏ nước ra đi tìm nơi nương thân lánh nạn độc tài chuyên chế. Nhưng "nước non ta, ai ngăn trở ta về"? Như anh em đã nói trong thư, anh em đã "cảm nhận", mong anh em sẽ "nhận" Thông Luận là tờ báo của mình để cùng với Thông Luận, cùng với đồng bào cả trong lẫn ngoài nước xây dựng dân chủ cho Việt Nam.

(tiếp theo trang 23)

Thông Luận với văn nghệ

...

Buổi văn nghệ lại càng hào hứng hơn với sự hiện diện của vị lão tướng của nền âm nhạc Việt Nam; nhạc sĩ Phạm Duy. Ông đã vui vẻ lên máy vi âm nói về người bạn quý của mình, nhạc sĩ Lê Thương. Phạm Duy cũng đã xúc động nói rằng ông đã tham dự nhiều "Đêm nhạc Phạm Duy", "Đêm nhạc Trịnh Công Sơn" nhưng đây là lần đầu tiên, ông tham dự một buổi văn nghệ trong đó những tác phẩm của Lê Thương rất được trân trọng. Được biết Lê Thương năm nay đã ngoài 80 tuổi, ông hiện sống ở Sài Gòn, chúng tôi - cùng với Phạm Duy - đã liên lạc với Lê Thương và báo tin cho ông về đêm văn nghệ này.

Và khi những lời hát cuối cùng của Hòn Vọng Phu chấm dứt, tiếng vỗ tay tán thưởng rất nồng nhiệt và kéo dài đã làm ấm lòng không phải chỉ những người có mặt trên sân khấu, mà còn của biết bao người đứng ngoài ánh đèn. Và chỉ có sự đồng tâm làm việc, hết lòng vì chuyện chung mới đưa đến được kết quả ấy.

Quản Mỹ Lan

Chú thích: Thơ trích trong Chinh Phụ Ngâm Khúc, bản có dân giải và chú thích của Văn Bình Tôn Thất Lương, giáo sư trường Đồng Khánh và Khải Định Huế soạn năm 1950, nhà xuất bản Tân Việt, Sài Gòn tái bản lần thứ năm 1968.

Sổ Tay

Nửa đời nhìn lại

Mỗi nhà viết truyện là một tên bịp. Bịa đặt ra câu chuyện rồi cố hết sức làm người đọc tưởng là thực. Dù mọi thủ đoạn. Những địa danh quen biết, những biến cố lớn, những khuôn mặt lịch sử, tất cả đều là những dụng cụ để nhà văn sử dụng với ý đồ tạo cho câu chuyện bịa đặt một trăm phần trăm của mình một liên hệ thực mật thiết với thực tế.

Tiêu Dao Bảo Cự bịp một cách khác, bịp ngược lại. Hắn đem một câu chuyện có thực viết thành tiểu thuyết, như một chuyện hư cấu. Để làm gì? Để không bị kết tội tiết lộ bí mật của đảng và nhà nước? Tuy vậy hắn vẫn muốn độc giả tin là chuyện thực, nên thỉnh thoảng hắn gài vào một vài đoạn giống hệt một bài tường thuật hay một trang bút ký.

Nửa Đời Nhìn Lại là một chuyện có thực, với các nhân vật có thực đôi khi được đổi tên một cách qua loa. Câu chuyện chỉ được sửa đổi chút ít cho ra vẻ một tiểu thuyết. Đó là chuyện của một gã trung niên nhìn lại quãng đời 20-45 tuổi, nhất là trong 15 năm chót. Một đoạn đời của một gã con trai tập tễnh vào đời, tập làm người lớn, tập làm việc lớn, và thất vọng ê chề.

Hoài là một trí thức hiện sống ở Đà Lạt trưởng thành trong vùng quốc gia, hoạt động nội tuyến cho đảng cộng sản, được kết nạp làm đảng viên trước chiến thắng 1975 và thất sủng sau đó, mặc dầu hắn vẫn phục vụ đảng một cách tận tụy và thủy chung. Liên lạc của hắn với đảng mới đầu là lý tưởng và nhiệt tình, dần dần thành hoài nghi và chán chường. Cuối cùng là một cuộc đổ sức không cân xứng, và dĩ nhiên hắn thua.

Tại sao hắn bị thất sủng? Ngày trước hắn được trọng dụng vì hắn là một trí thức tiểu tư sản, sống trong thành phố và vì thế có khả năng sách động đám thanh niên, sinh viên, học sinh, trí thức choai choai phản chiến làm tê liệt chính quyền miền Nam. Đảng thành công, hắn bị cho ra rìa cũng vì hắn là trí thức tiểu tư sản miền Nam và sống trong thành phố. Sau khi bị đuổi khỏi đảng, hắn lại có thể trở thành có ích cho đảng bởi vì hắn là một trí thức miền Nam có nhân hiệu chống đảng có thể sử dụng qua Hội Những Người Yêu Thành Phố Suông Mù để giúp đảng xâm nhập vào cộng đồng hải ngoại. Trước sau đảng vẫn chỉ có thể cho hắn vai trò của một con cò. Huyện ủy Nghi nói đúng: "Vấn đề căn bản là lập trường giai cấp và đây là chỗ yếu của đồng chí". Chỗ yếu này hắn không làm gì được, hắn lỡ là trí thức tiểu tư sản thành phố. Không ai đổi được gia phả của mình. Số phận của những trí thức theo đảng cộng sản là thế. Họ có tội giai cấp. May mắn lắm họ chỉ được vinh dự thấp túng, làm đề-co cho các lãnh tụ vô sản. Cùng lắm họ được một chiếc ghế đầu với điều kiện là phải biết cầm đũa và biết vỗ tay. Đối với đảng, họ chỉ là những cô gái vài đêm trong lữ quán. Vai trò của họ là vai trò của những kẻ để cho lịch sử cầm sừng. Hoài biết thân phận và tự hỏi: "Mình làm được gì trong bộ máy như thế này?". Nhưng hắn vẫn cố phấn

đầu phục vụ đảng, làm tốt đảng, hắn viết bài, ra báo, làm công tác cơ sở. Nhưng hắn thất bại hoàn toàn, tờ báo La Ban (Langbian) của hắn chỉ ra được ba số rồi bị đóng cửa. Hắn cố vùng vẫy, tìm hậu thuẫn, biện bạch, thanh minh, đưa kiến nghị, v.v... nhưng đều vô ích. Hắn chẳng làm được gì trước những cán bộ "tưởng Nguyễn Du là một tên ngu nào", trước một bí thư tỉnh ủy hỏi vợ bằng câu: "Tao muốn lấy vợ, mày chịu tao cưới liền", trước các đảng viên ăn cắp, hiếp dâm như hắn mô tả trong *Nửa Đời Nhìn Lại*.

Nửa đời nhìn lại, hắn chỉ thấy toàn những chuyện không đầu vào đầu, nhưng bị đất, cho chính bản thân hắn và cho đất nước hắn. Tại sao? Có lẽ câu trả lời nằm ngay ở đầu cuốn sách qua lời của bí thư: "Nếu đồng chí hết lòng với đảng...". Tại sao lại có chuyện "hết lòng với đảng"? Người ta hết lòng với vợ con, với đất nước, với dân tộc, với nhân loại, với lẽ phải, chứ tại sao lại có chuyện hết lòng với đảng. Đảng Cộng Sản, hay đảng Tự Do, hay đảng gì đi nữa thì cùng lắm cũng chỉ là một công cụ để thực hiện một lý tưởng. Dụng cụ đã hư hỏng thì vứt bỏ, tại sao lại phải hết lòng với dụng cụ? Cái nhảm là ở chỗ đã tuyên thệ tuyệt đối trung thành với đảng. Và đó là cội nguồn của mọi nhảm nhí bất buộc sau đó.

Trong câu chuyện chỉ có hai người sáng suốt. Một là Vy, vợ hắn, người con gái mới 23 tuổi mà "đã có vài vết nhăn trên khóe mắt và khóe miệng". Vy yêu chồng, nhưng nhìn những loay hoay vô vọng của chồng với con mắt thương hại. Vy bỏ đi, rồi lại trở về, rồi lại bỏ đi dù vẫn yêu hắn hết lòng, Vy không nỡ nhẫn tâm tiếp tục nhìn sự bi đát của hắn nữa. Hai là Mây Đầu Non, bỏ lên núi làm sơn nhân hái sim độ nhật, nuôi một con chó đặt tên là "Người" vì thấy trong xã hội này chó còn có tư cách hơn người, cố gắng trồng cả ngàn cây thông trong khi người ta thì nhau phá rừng. Mây Đầu Non nói thẳng, nói ngang, nhưng nói đúng: "Văn nghệ cần quái gì ai lãnh đạo", văn nghệ sĩ cần gì phải mặc đồng phục.

Hắn kết luận câu chuyện bằng một câu hỏi bất ngờ: "Các bạn có bình yên không?". Thì ra hắn không bình yên. Hắn dần vật và khổ tâm lắm. Hắn vẫn muốn làm một cái gì cho đất nước. Nhưng làm với ai đây? Chính vì thế hắn chịu nhục để cho người ta đuổi khỏi đảng chứ không bỏ ra đi để không bị cắt bỏ với những đồng chí cũ vẫn còn lương thiện. Và hắn cũng mong được bắt tay với những người khác. Câu cuối cùng hắn viết có vẻ rất bất ngờ: "Gạt qua một bên mọi định kiến, hòa giải và hòa hợp dân tộc phải chăng là con đường tuy khó nhưng là con đường duy nhất đúng trong hoàn cảnh hiện nay".

Tại hải ngoại có người viết báo chất vấn hắn "hòa giải với ai?". Khó quá! Đã nói là hòa giải và hòa hợp dân tộc sao lại còn đặt câu hỏi với ai? Với nhau. Nếu câu hỏi đặt ra là hòa giải với ông nào bà nào thì quả nhiên hắn không đề cập tới, nhưng câu hỏi là hòa giải trên căn bản nào và để xây dựng cái gì thì toàn cuốn truyện, một cách trực tiếp hay gián tiếp, hắn đã trả lời.

Bảo Cự đặt vấn đề hòa giải và hòa hợp dân tộc trên mặt lập trường và mục tiêu, trong khi nhiều người lại chỉ muốn xét lý lịch.

Phù Du

THÔNG LUẬN

Nguyệt san Thông tin Nghị luận

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số
(tháng 7 và 8 chỉ ra một số)

Địa chỉ liên lạc:

Association VietNam Fraternité, 24 Square des Cottages
91200 ATHIS-MONS, FRANCE

Giá báo một năm: Âu Châu 200 FF hoặc tương đương
Ngân phiếu hoặc chi phiếu xin đề
VIET NAM FRATERNITE (xin đừng đề Thông Luận)

Thông Luận

hoan nghênh mọi ý kiến đóng góp

mọi ủng hộ tài chánh

và cảm ơn quý vị cổ động để phổ biến nó